

SỞ GD&ĐT:

TRƯỜNG:

TỔ: TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 12

BỘ SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG — (Năm học 2026 - 2027)

CHỦ ĐỀ 1. PHÁT TRIỂN CÁC MỐI QUAN HỆ TỐT ĐẸP VỚI THẦY CÔ VÀ CÁC BẠN

(Số tiết: 9 — tuần 1 đến tuần 3, tiết 1 đến tiết 9)

Giáo viên: | Lớp: | Ngày dạy:

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức – yêu cầu cần đạt

Sau chủ đề này, học sinh:

- Nêu được cách nuôi dưỡng, giữ gìn và mở rộng các mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô và với bạn bè; thực hiện được các cách đó trong tình huống cụ thể của năm học cuối cấp.
- Nêu được các cách hợp tác với mọi người trong hoạt động chung của lớp và của nhà trường; thực hiện được cách hợp tác ấy khi cùng nhóm làm một sản phẩm chung.
- Thể hiện được lập trường, quan điểm phù hợp khi phân tích dư luận xã hội về quan hệ bạn bè trên mạng xã hội.
- Thể hiện được cách giải quyết mâu thuẫn trong các mối quan hệ bạn bè, giữ được tình bạn sau khi mâu thuẫn đã được xử lý.
- Lập được kế hoạch hoạt động xây dựng truyền thống nhà trường và hoạt động theo chủ đề của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh theo phương thức hợp tác; thực hiện và báo cáo được kết quả của kế hoạch đó.
- Đánh giá được ý nghĩa của hoạt động phát triển các mối quan hệ và hoạt động xây dựng truyền thống nhà trường đối với cá nhân và đối với tập thể.
- Phát triển được các mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô và các bạn trong nhà trường bằng những việc làm cụ thể của bản thân.

2. Năng lực

Năng lực trải nghiệm, hướng nghiệp: năng lực thích ứng với cuộc sống khi giữ và mở rộng quan hệ ở năm học cuối cấp, lúc nhiều bạn sắp rẽ sang những hướng khác nhau; năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động khi lập kế hoạch xây dựng truyền thống nhà trường, phân công nhiệm vụ và viết báo cáo kết quả.

Năng lực chung: tự chủ và tự học khi tự soi lại cách mình đang giữ quan hệ với thầy cô và bạn bè; giao tiếp và hợp tác khi làm việc nhóm, khi thuyết phục và khi hoà giải mâu thuẫn; giải quyết vấn đề và sáng tạo khi xử lý các tình huống quan hệ trong sách giáo khoa và trong đời sống của lớp.

Năng lực số và AI (theo Phụ lục 3)

2.5.NC1c – giao tiếp trong môi trường số phù hợp với người nhận và với bối cảnh. Cụ thể trong chủ đề này: học sinh soạn trên phiếu giấy một thư điện tử xin thầy cô xác nhận hồ sơ, rồi đặt cạnh một tin nhắn cùng nội dung gửi cho bạn thân, chỉ ra ba khác biệt về xưng hô, mức trang trọng và cách mở đầu – kết thúc; giáo viên gõ lại một bản trên máy của lớp để cả lớp cùng soi.

12.A3 – trách nhiệm công dân trong xã hội có trí tuệ nhân tạo. Cụ thể trong chủ đề này: giáo viên chiếu một đoạn do phần mềm trí tuệ nhân tạo viết về mâu thuẫn bạn bè tuổi mười tám, học sinh đối chiếu với chuyện có thật của lớp mình, chỉ ra ý nào dùng được và ý nào nếu đăng lên mạng thì có thể làm tổn thương người khác, kèm lí do.

Minh chứng: phiếu đối chiếu thư điện tử với tin nhắn kèm ba khác biệt đã chỉ ra; phiếu soi đoạn văn của máy có cột dùng được – không nên đăng – lí do; bản kế hoạch và báo cáo kết quả hoạt động xây dựng truyền thông nhà trường của nhóm.

3. Phẩm chất

Nhân ái: biết ơn thầy cô đã dạy dỗ mình suốt những năm phổ thông; giữ liên lạc cả khi thầy cô đã chuyển công tác.

Trung thực: nhận đúng phần lỗi của mình khi có mâu thuẫn với bạn, không đổ cho hoàn cảnh.

Trách nhiệm: làm tròn phần việc được nhóm phân công, không để nhóm phải làm thay.

Chăm chỉ: kiên trì giữ liên lạc và nuôi dưỡng những mối quan hệ đã có, không để tình bạn nhạt đi vì bận rộn năm cuối cấp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Giáo viên: sách giáo khoa Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống), trang 5–13 và sách giáo viên; tivi và một máy tính của lớp có nối Internet; giấy A3, giấy A4, bút màu, giấy nhớ nhiều màu; bản in các tình huống ở trang 8 và trang 12; bản in khung kế hoạch và khung báo cáo ở trang 9, trang 10; bản in sẵn một đoạn văn do phần mềm trí tuệ nhân tạo viết về mâu thuẫn bạn bè, mỗi nhóm một tờ; phiếu học tập ở Phụ lục 1; một bài hát hoặc đoạn phim ngắn về tình thầy trò để khởi động.

Học sinh: sách giáo khoa, vở, bút; một tấm ảnh hoặc kỉ vật gắn với thầy cô, bạn bè mà em muốn kể; danh sách các hoạt động của lớp mà em đã tham gia trong hai năm trước.

Phương án dự phòng: khi mất điện hoặc mất mạng, giáo viên dùng bản in đoạn văn của phần mềm trí tuệ nhân tạo và bản in các tình huống đã chuẩn bị từ trước; toàn bộ nhiệm vụ vẫn làm trọn được trên phiếu giấy vì học sinh không cần thiết bị riêng. Thư điện tử mẫu được viết tay lên bảng thay cho việc gõ trên máy.

An toàn: chỉ giáo viên thao tác trên máy của lớp. Học sinh không đăng nhập tài khoản cá nhân, không đưa tên thật, số điện thoại, địa chỉ của mình hay của bạn lên bất kì trang nào. Khi kể chuyện mâu thuẫn, lớp dùng tên giả định, không nêu tên bạn có thật và không quay phim, chụp ảnh phần chia sẻ riêng tư. Sản phẩm nhóm chỉ dán trong lớp, không đăng lên mạng khi chưa hỏi ý kiến người trong ảnh.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Mạch bài: soi lại quan hệ đang có → học cách nuôi dưỡng và cách hợp tác → giữ đúng mực khi giao tiếp với thầy cô và trên mạng → cùng nhau làm một việc cho trường → hoà giải khi có mâu thuẫn → nhìn lại ý nghĩa của tất cả.

Tiết	Câu hỏi hoặc nội dung trung tâm	Sản phẩm nối tiếp	Thời gian
1	Ba năm qua em đã giữ quan hệ với thầy cô và bạn bè bằng cách nào?	Bảng hai cột cách nuôi dưỡng quan hệ với thầy cô và với bạn bè	45 phút
2	Hợp tác thế nào để cả nhóm cùng làm được việc chung?	Thẻ bảy cách hợp tác kèm ví dụ có thật của lớp	45 phút
3	Nói với thầy cô và nhắn với bạn khác nhau ở chỗ nào?	Phiếu đối chiếu thư điện tử với tin nhắn, ba khác biệt	45 phút
4	Dư luận về tình bạn trên mạng đúng đến đâu?	Bảng lập trường của nhóm cho hai dư luận, kèm dẫn chứng	45 phút
5	Đoạn văn do máy viết về mâu thuẫn bạn bè dùng được đến đâu?	Phiếu soi ba cột: dùng được – không nên dùng – lí do	45 phút
6	Kế hoạch xây dựng truyền thống nhà trường gồm những mục nào?	Bản kế hoạch sáu mục kèm bảng phân công của nhóm	45 phút
7	Kế hoạch chạy thật cho kết quả gì và rút được kinh nghiệm nào?	Báo cáo kết quả hoạt động ba phần của nhóm	45 phút
8	Khi mâu thuẫn đã đến đỉnh điểm thì xử lí ra sao?	Ba kịch bản sắm vai và bảng ba bước hoà giải	45 phút
9	Tất cả những việc trên có ý nghĩa gì với em và với lớp?	Phiếu bốn ô ý nghĩa và kế hoạch tham gia hoạt động của cá nhân	45 phút

TIẾT 1. NUÔI DƯỠNG, GIỮ GÌN VÀ MỞ RỘNG QUAN HỆ VỚI THẦY CÔ VÀ BẠN BÈ

Hoạt động 1. Mở đầu – Người ấy còn giữ liên lạc với em không (8')

a) Mục tiêu: Khơi lên nhu cầu nhìn lại các mối quan hệ đang có ở năm học cuối cấp và làm xuất hiện câu hỏi: quan hệ tốt đẹp được giữ bằng cách nào.

b) Nội dung: Giáo viên chiếu khung định hướng nội dung hoạt động ở sách giáo khoa trang 6, sau đó nêu một câu hỏi mở: kể tên ba người ở trường mà em quý nhưng đã lâu không nói chuyện. Học sinh trả lời ba câu hỏi ở mục A của Phụ lục 1.

c) Sản phẩm: Ba câu trả lời ngắn của mỗi học sinh ở mục A Phụ lục 1; danh sách những lí do khiến quan hệ nhạt dần được ghi lên bảng lớp.

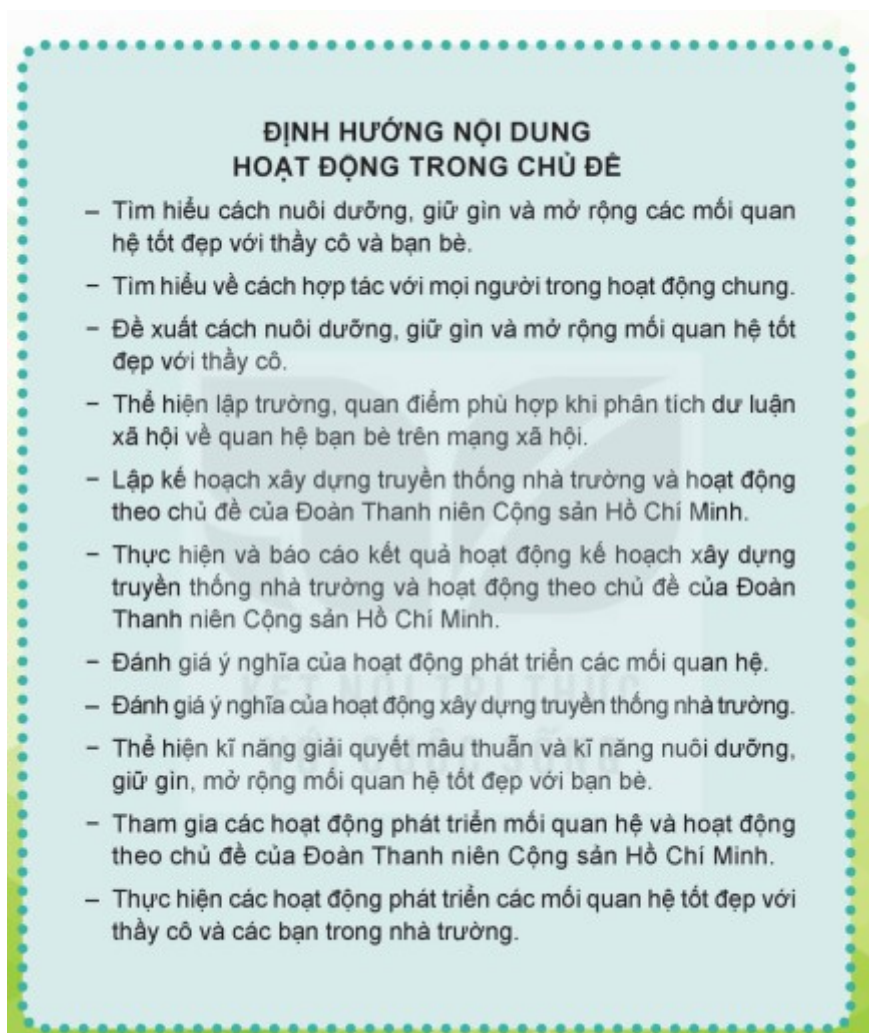
d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (1'): Giáo viên phát Phụ lục 1, chiếu khung định hướng nội dung ở trang 6 và yêu cầu mỗi em viết câu trả lời cho ba câu hỏi ở mục A trong ba phút.

2. Thực hiện nhiệm vụ (3'): Học sinh viết cá nhân. Giáo viên đi một vòng, nhắc các em viết tên viết tắt hoặc tên gọi thân mật, không cần ghi tên đầy đủ của ai.

3. Báo cáo, thảo luận (3'): Năm học sinh đọc câu trả lời. Giáo viên gom các lí do khiến quan hệ nhạt dần lên bảng: bận học, ngại nhắ trước, không có dịp gặp, giận nhau chưa làm lành.

4. Kết luận, nhận định (1'): GV chốt: Quan hệ tốt đẹp không tự nó bền. Những lí do vừa ghi lên bảng đều có cách gỡ, và chín tiết tới của chủ đề này chính là đi tìm những cách ấy.



Khung định hướng nội dung hoạt động trong chủ đề — SGK trang 6

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới và giải quyết vấn đề

a) Mục tiêu: Đi hết mười một định hướng nội dung của chủ đề ở sách giáo khoa trang 6, từ cách nuôi dưỡng quan hệ và cách hợp tác đến kế hoạch xây dựng truyền thống nhà trường và kĩ năng giải quyết mâu thuẫn.

b) Nội dung: Mười một nhiệm vụ nối tiếp nhau, trải từ tiết 1 đến tiết 9, tám tám hoạt động của sách giáo khoa trang 7 đến trang 13.

c) Sản phẩm: Chuỗi sản phẩm ghi ở cột thứ ba của bảng mạch tiết phía trên; toàn bộ được lưu vào Phụ lục 1 của từng học sinh và giấy A3 của nhóm.

d) Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 2.1. Cách nuôi dưỡng, giữ gìn và mở rộng quan hệ với thầy cô và bạn bè (37')

a) Mục tiêu: Chia sẻ được cách bản thân đã làm để giữ quan hệ tốt đẹp với thầy cô và bạn bè; nêu được các cách nuôi dưỡng, giữ gìn và mở rộng những mối quan hệ ấy.

b) Nội dung: Học sinh làm việc theo nhóm với gợi ý ở hoạt động 1 sách giáo khoa trang 7. Sách chia gợi ý thành hai vế: đối với thầy cô có sáu cách từ thể hiện sự kính trọng đến tham gia hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao cùng thầy cô; đối với bạn bè có sáu cách từ chủ động làm quen đến tham gia các diễn đàn, câu lạc bộ. Mỗi nhóm chép lại các cách đó, đánh dấu cách nhóm đã từng làm và thêm ít nhất hai cách mới.

c) Sản phẩm: Bảng hai cột trên giấy A3: cột thầy cô và cột bạn bè, mỗi cột có ít nhất tám cách, trong đó có hai cách do nhóm tự nghĩ; mỗi cách kèm một ví dụ có thật của lớp.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (4'): Giáo viên chia lớp thành sáu nhóm, phát mỗi nhóm một tờ A3 kẻ sẵn hai cột và nêu rõ sản phẩm phải nộp: mỗi cách phải đi kèm một ví dụ có thật, không viết chung chung.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18'): Các nhóm đọc gợi ý ở trang 7, chép vào đúng cột, đánh dấu cách nhóm đã làm rồi nghĩ thêm cách mới. Giáo viên đi từng nhóm, hỏi các nhóm viết chung chung hai câu: em làm việc đó lần gần nhất là khi nào, và thầy cô hoặc bạn đã phản hồi ra sao.

3. Báo cáo, thảo luận (10'): Ba nhóm treo bảng và trình bày, mỗi nhóm khoảng ba phút. Ba nhóm còn lại chỉ ra cách nào của bạn mà nhóm mình chưa nghĩ tới, và cách nào khó làm ở lớp mình.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Nuôi dưỡng là làm đều những việc nhỏ, giữ gìn là không để hiểu lầm tích lại, mở rộng là chủ động bước tới trước. Năm cuối cấp bận nhưng cũng là năm cuối để nói với thầy cô và bạn bè những điều còn để dành.

TIẾT 2. HỢP TÁC VỚI MỌI NGƯỜI TRONG HOẠT ĐỘNG CHUNG

Kết nối hai tiết (3'): Tiết trước lớp đã có bảng hai cột về cách giữ quan hệ. Tiết này bước sang một tình huống khó hơn: khi phải cùng nhau làm một việc chung, quan hệ tốt đẹp được thử thách bằng chính cách mỗi người nhận và làm phần việc của mình.

Nhiệm vụ 2.2. Bảy cách hợp tác hiệu quả trong hoạt động chung (42')

a) Mục tiêu: Chia sẻ được hiểu biết của bản thân về cách hợp tác với mọi người trong hoạt động chung của lớp, của trường; xác định được những cách hợp tác đem lại hiệu quả.

b) Nội dung: Theo hoạt động 2 sách giáo khoa trang 7 và trang 8, sách gợi ý bảy cách hợp tác: đặt ra mục tiêu chung; tham gia đóng góp ý tưởng hoạt động; biết lắng nghe người khác; tôn trọng các quyết định chung của nhóm; hoàn thành tốt các nhiệm vụ nhóm phân công; quan tâm hỗ trợ thành viên khác khi cần thiết; có trách nhiệm với sản phẩm, kết quả của hoạt động chung. Mỗi nhóm nhận một hoạt động có thật mà lớp đã làm ở lớp 10 hoặc lớp 11 rồi soi lại theo bảy cách đó.

c) Sản phẩm: Bộ bảy thẻ giấy của nhóm, mỗi thẻ ghi một cách hợp tác kèm một câu kể lại nhóm đã làm được hay chưa làm được trong hoạt động có thật; hai thẻ được đánh dấu là điểm yếu cần sửa của nhóm.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5’): Giáo viên phát mỗi nhóm bảy thẻ giấy màu và nhắc lại ba hoạt động chung mà khối 12 vừa trải qua để các nhóm chọn: chuẩn bị đêm văn nghệ, dọn vệ sinh khu tường niệm, làm báo tường. Mỗi nhóm chọn một hoạt động khác nhau.

2. Thực hiện nhiệm vụ (20’): Các nhóm chép bảy cách hợp tác lên bảy thẻ, mỗi thẻ viết thêm một câu kể lại chuyện thật, rồi đánh dấu hai thẻ nhóm còn yếu. Giáo viên gợi ý các nhóm chỉ nói việc, không nêu tên bạn nào làm chưa tốt.

3. Báo cáo, thảo luận (12’): Các nhóm dán thẻ lên bảng theo bảy hàng ngang tương ứng bảy cách. Lớp nhìn cả bảng và tìm xem cách nào bị nhiều nhóm đánh dấu là điểm yếu nhất.

4. Kết luận, nhận định (5’): GV chốt: Hợp tác không phải là chia đều công việc rồi ai làm phần nấy. Bốn cách đầu giữ cho nhóm cùng nhìn về một hướng, ba cách sau giữ cho nhóm không bỏ rơi ai. Thiếu một trong bảy, sản phẩm chung vẫn xong nhưng quan hệ trong nhóm sẽ sút mẻ.

TIẾT 3. GIỮ ĐÚNG MỤC KHI GIAO TIẾP VỚI THẦY CÔ

Kết nối hai tiết (3’): Bảy cách hợp tác ở tiết trước đều cần đến lời nói. Tiết này lớp soi kỹ chính lời nói ấy: cùng một việc nhưng nói với thầy cô và nhắn với bạn phải khác nhau như thế nào.

Nhiệm vụ 2.3. Ứng xử để giữ và mở rộng quan hệ tốt đẹp với thầy cô (20’)

a) Mục tiêu: Đề xuất được cách ứng xử thể hiện việc nuôi dưỡng, giữ gìn và mở rộng mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô trong hai tình huống cụ thể.

b) Nội dung: Hai tình huống ở hoạt động 3 sách giáo khoa trang 8. Tình huống 1: ngày mai là buổi dạy cuối cùng ở trường của thầy Kiên, giáo viên dạy Tin học lớp 12B, thầy là người được cả lớp rất quý mến; các bạn lớp 12B nên làm gì để tiếp tục duy trì mối quan hệ tốt đẹp khi thầy chuyển công tác. Tình huống 2: Hương mới tham gia Câu lạc bộ Khoa học của trường, sau buổi nghe cô Dung nói chuyện chuyên đề, Hương rất ngưỡng mộ và muốn được gần gũi, học hỏi nhiều hơn từ cô; Hương nên làm gì.

c) Sản phẩm: Hai phương án ứng xử của mỗi nhóm, mỗi phương án nêu rõ làm việc gì, làm vào lúc nào và ai là người bắt đầu; ghi vào mục B Phụ lục 1.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2’): Giáo viên phát bản in hai tình huống, chia lớp thành sáu nhóm và giao mỗi nhóm xử lý cả hai tình huống, nhưng chỉ trình bày một tình huống được bốc thăm.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10’): Các nhóm bàn cách ứng xử. Giáo viên nhắc rằng tình huống 1 là giữ quan hệ đã có ở khoảng cách xa, còn tình huống 2 là mở một quan hệ mới với người mình chưa quen; hai việc ấy cần hai cách bắt đầu khác nhau.

3. Báo cáo, thảo luận (5'): Bốn nhóm trình bày, hai nhóm cho mỗi tình huống. Lớp so sánh: phương án nào giữ được sự tự nhiên, phương án nào làm thầy cô khó xử.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Với thầy cô đã chuyển đi, việc giữ liên lạc nên nhẹ và đều, ví dụ một lời chúc dịp lễ hoặc một tin báo kết quả thi. Với thầy cô mới quen, bước đầu tiên là hỏi một câu đúng chuyên môn của thầy cô, chứ không phải một lời khen chung chung.

Nhiệm vụ 2.4. Thư gửi thầy cô và tin nhắn gửi bạn khác nhau ở đâu (22')

a) Mục tiêu: Nhận ra được rằng cùng một nội dung nhưng người nhận khác nhau thì cách viết trong môi trường số phải khác nhau; viết được một thư điện tử đúng mục gửi thầy cô.

b) Nội dung: Học sinh viết trên phiếu giấy hai bản cùng một nội dung: xin thầy cô chủ nhiệm xác nhận một loại giấy tờ trong hồ sơ xét tuyển. Bản thứ nhất là thư điện tử gửi thầy cô, có dòng tiêu đề, lời chào, phần nội dung và lời cảm ơn. Bản thứ hai là tin nhắn gửi bạn thân nhờ bạn nhắc hộ. Sau đó đặt hai bản cạnh nhau và chỉ ra ba khác biệt.

c) Sản phẩm: Phiếu đối chiếu ở mục C Phụ lục 1: hai bản viết tay và bảng ba khác biệt về xưng hô, mức trang trọng, cách mở đầu và kết thúc.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'): Giáo viên nêu nhiệm vụ và viết lên bảng bốn phần bắt buộc của một thư điện tử: dòng tiêu đề, lời chào, nội dung chính, lời cảm ơn và kí tên.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Học sinh viết hai bản trên phiếu. Giáo viên đi một vòng, nhắc các em còn để trống dòng tiêu đề và các em viết thư cho thầy cô mà vẫn dùng lối nói tắt như nhắn tin.

3. Báo cáo, thảo luận (6'): Ba học sinh đọc cả hai bản của mình. Giáo viên gõ lại một bản thư điện tử lên máy của lớp, chiếu lên tivi để cả lớp cùng sửa chung ba chỗ.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Người nhận quyết định cách viết. Với thầy cô, một dòng tiêu đề rõ và một lời chào đúng mực đã nói lên sự tôn trọng trước cả khi đọc nội dung. Kỹ năng này còn theo các em suốt quãng đường sau khi rời trường.

TIẾT 4. LẬP TRƯỜNG TRƯỚC ĐƯ LUẬN VỀ TÌNH BẠN TRÊN MẠNG XÃ HỘI

Kết nối hai tiết (3'): Tiết trước lớp đã thấy lời nói phải đổi theo người nhận. Tiết này đi xa hơn: trước những câu nói quen tai về tình bạn trên mạng, em có giữ được cách nhìn của riêng mình không.

Nhiệm vụ 2.5. Thể hiện lập trường trước hai đư luận về quan hệ bạn bè trên mạng (42')

a) Mục tiêu: Thể hiện được lập trường, quan điểm của bản thân và của nhóm khi phân tích đư luận xã hội về quan hệ bạn bè trên mạng xã hội; rút ra được bài học kinh nghiệm cho mình.

b) Nội dung: Hai đư luận nêu ở hoạt động 4 sách giáo khoa trang 8. Đư luận thứ nhất: mạng xã hội là ảo nên quan hệ bạn bè trên mạng xã hội cũng chỉ là ảo. Đư luận thứ hai: mạng xã hội giúp chúng ta mở rộng được quan hệ bạn bè, kết thân được với nhiều người từ khắp nơi

trên thế giới. Mỗi nhóm nhận một dư luận, tìm hai lí lẽ ủng hộ và hai lí lẽ phản bác, rồi chốt lập trường của nhóm.

c) Sản phẩm: Bảng lập trường của nhóm gồm bốn ô: lí lẽ ủng hộ, lí lẽ phản bác, lập trường của nhóm và một dẫn chứng có thật; kèm một câu bài học kinh nghiệm của mỗi cá nhân.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5'): Giáo viên viết hai dư luận lên bảng, chia lớp thành sáu nhóm và giao mỗi dư luận cho ba nhóm; nêu quy tắc: mỗi lí lẽ phải kèm một dẫn chứng, dẫn chứng dùng tên giả định.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18'): Các nhóm tìm lí lẽ hai chiều rồi chốt lập trường. Giáo viên gọi mở bằng hai câu hỏi: một người bạn quen trên mạng có thể giúp em điều gì mà bạn cùng lớp không giúp được, và ngược lại điều gì chỉ bạn gặp mặt hằng ngày mới làm được.

3. Báo cáo, thảo luận (14'): Hai nhóm cùng một dư luận trình bày liên nhau để lớp thấy hai lập trường khác nhau trên cùng một câu nói. Lớp đặt câu hỏi phản biện, mỗi nhóm trả lời một câu.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Hai câu nói trên đều đúng một nửa. Quan hệ trên mạng là thật vì cảm xúc là thật, nhưng nó thiếu phần kiểm chứng mà đời thật có sẵn. Có lập trường nghĩa là nói được mình tin đến đâu và vì sao tin đến đó, chứ không phải chọn hẵn một phía.

TIẾT 5. SOI LẠI MỘT ĐOẠN VĂN DO MÁY VIẾT VỀ MÂU THUÃN BẠN BÈ

Kết nối hai tiết (3'): Tiết trước lớp đã tập giữ lập trường trước lời của số đông. Tiết này lớp giữ lập trường trước lời của máy: một đoạn văn trôi chảy do phần mềm trí tuệ nhân tạo viết ra.

Nhiệm vụ 2.6. Đoạn văn của máy dùng được đến đâu và đăng lên thì sao (42')

a) Mục tiêu: Đối chiếu được nội dung do phần mềm trí tuệ nhân tạo tạo ra với trải nghiệm thật của lớp; chỉ ra được điều nào dùng được và điều nào có thể gây tổn thương nếu đem chia sẻ rộng, kèm lí do.

b) Nội dung: Giáo viên phát cho mỗi nhóm một bản in đoạn văn dài khoảng mười lăm dòng do phần mềm trí tuệ nhân tạo viết về đề tài mâu thuẫn bạn bè tuổi mười tám. Đoạn văn có chỗ đúng, có chỗ nói chung chung như thể mọi lớp đều giống nhau, và có một vài câu quy kết nặng nề. Nhóm đọc kĩ, cắt đoạn văn thành từng ý rồi xếp vào ba cột.

c) Sản phẩm: Phiếu ba cột của nhóm ở mục C Phụ lục 1: ý dùng được, ý không nên đăng, lí do; mỗi cột có ít nhất ba ý và mỗi ý ở cột thứ hai kèm một lí do cụ thể.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5'): Giáo viên phát bản in cho từng nhóm, nói rõ đoạn văn này do máy viết theo một yêu cầu chung, máy không hề biết lớp mình có chuyện gì. Việc của nhóm là đọc bằng con mắt của người trong cuộc.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18'): Các nhóm cắt đoạn văn thành ý rồi xếp vào ba cột. Giáo viên nhắc tiêu chuẩn cho cột thứ hai: nếu bạn nào trong lớp đọc câu này mà thấy như đang nói về mình theo hướng xấu, thì câu đó không nên đăng.

3. Báo cáo, thảo luận (14'): Ba nhóm trình bày phiếu ba cột. Lớp so sánh: cùng một câu nhưng có nhóm xếp là dùng được, có nhóm xếp là không nên đăng; giáo viên để hai nhóm tranh luận và tự chốt.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Máy viết đúng ngữ pháp nhưng không chịu trách nhiệm về hậu quả. Người bấm nút chia sẻ mới là người chịu trách nhiệm. Trước khi đăng bất cứ nội dung nào do máy viết, hãy tự hỏi ai sẽ đọc và ai có thể bị tổn thương vì nó.

TIẾT 6. LẬP KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG TRUYỀN THỐNG NHÀ TRƯỜNG

Kết nối hai tiết (3'): Năm tiết vừa qua lớp đã học cách giữ quan hệ và cách giữ lập trường. Từ tiết này, cả lớp cùng nhau làm một việc thật cho ngôi trường sắp phải rời xa.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG THI THIẾT KẾ LOGO VÀ KHẨU HIỆU CHO NHÀ TRƯỜNG		
1. Mục tiêu:		
– Tuyên truyền, quảng bá nét đẹp truyền thống của nhà trường.		
– Góp phần rèn luyện kỹ năng hợp tác.		
– Phát huy tính sáng tạo.		
2. Nhóm thực hiện: Chiến, Hương, Nam, Trâm, Phong, Thuý, Hiếu.		
3. Thời gian thực hiện: Tuần 3 và tuần 4 tháng 9.		
4. Nội dung: Thiết kế logo, khẩu hiệu.		
5. Phương tiện cần thiết: Giấy A4, máy tính, bút màu,...		
6. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên:		
STT	Nhiệm vụ	Người thực hiện
1	Xây dựng kế hoạch.	Cả nhóm
2	Triển khai thể thức yêu cầu của cuộc thi đến các đoàn viên.	Bạn Trâm
3	Chuẩn bị các phương tiện.	Cả nhóm
4	Giải đáp và cung cấp thông tin cho các đoàn viên tham gia dự thi; phân loại, mã hoá các tác phẩm dự thi trước khi gửi Ban Giám khảo chấm điểm.	Bạn Thuý
5	Thu nhận tác phẩm.	Bạn Hương
6	Lên danh sách Ban Giám khảo để lựa chọn tác phẩm.	Các bạn Hiếu, Thuý
7	Lập dự trù kinh phí, hỗ trợ giải đáp thắc mắc.	Bạn Nam
8	Truyền thông.	Bạn Trâm
9	Hậu cần: chuẩn bị khánh tiết, sắp xếp bàn ghế, trà nước,...	Các bạn Chiến, Hương, Nam
10	Viết báo cáo kết quả hoạt động và trình bày báo cáo.	Bạn Phong
11	Đánh giá kết quả hoạt động.	Cả nhóm

Kế hoạch mẫu hoạt động thi thiết kế logo và khẩu hiệu cho nhà trường — SGK trang 9

Nhiệm vụ 2.7. Chọn hoạt động và lập kế hoạch theo phương thức hợp tác (42')

a) Mục tiêu: Lựa chọn và lập được một kế hoạch hoạt động xây dựng truyền thống nhà trường hoặc hoạt động theo chủ đề của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, có đủ mục tiêu, nhóm thực hiện, thời gian, nội dung, phương tiện và bảng phân công nhiệm vụ.

b) Nội dung: Kế hoạch mẫu ở hoạt động 5 sách giáo khoa trang 9 là kế hoạch hoạt động thi thiết kế logo và khẩu hiệu cho nhà trường, gồm sáu mục: mục tiêu với ba ý, nhóm thực hiện gồm bảy bạn là Chiến, Hương, Nam, Trâm, Phong, Thuý, Hiếu; thời gian thực hiện là tuần 3 và tuần 4 tháng 9; nội dung là thiết kế logo, khẩu hiệu; phương tiện cần thiết gồm giấy A4, máy tính, bút màu; và bảng phân công nhiệm vụ cụ thể có mười một dòng. Mỗi nhóm dùng khung này làm mẫu, thay bằng hoạt động của chính nhóm mình.

c) Sản phẩm: Bản kế hoạch của nhóm điền vào bảng D1 Phụ lục 1, đủ sáu mục theo mẫu trang 9, trong đó bảng phân công có ít nhất tám dòng và mỗi thành viên đều có tên ở ít nhất một dòng, kèm bốn cách hợp tác đã học ở tiết 2 được nhóm cam kết thực hiện.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5'): Giáo viên chiếu kế hoạch mẫu trang 9, chỉ ra sáu mục và nhấn mạnh mục hay bị làm qua loa nhất là bảng phân công; nêu ba hướng hoạt động để nhóm chọn: sổ tay truyền thống của khối 12, góc ảnh ba năm học, buổi giao lưu với học sinh khối 10.

2. Thực hiện nhiệm vụ (20'): Các nhóm chọn hoạt động rồi điền bảng D1. Giáo viên đi từng nhóm, kiểm tra hai điều: mỗi dòng phân công đã có tên người cụ thể chưa, và phương tiện nêu ra có nằm trong khả năng thật của lớp không.

3. Báo cáo, thảo luận (12'): Ba nhóm trình bày kế hoạch. Các nhóm còn lại đóng vai người duyệt và hỏi ba câu: việc này ai làm, làm xong vào ngày nào, và nếu người đó vắng thì ai thay.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Kế hoạch mẫu trong sách chia nhỏ đến mười một đầu việc cho bảy người, nghĩa là mỗi người nhận nhiều hơn một việc và có việc làm chung cả nhóm. Chia việc rõ như vậy thì lúc chạy thật mới không ai đứng ngoài và cũng không ai gánh hết.

TIẾT 7. THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết nối hai tiết (3'): Giữa tiết 6 và tiết 7, các nhóm đã chạy kế hoạch của mình trong giờ sinh hoạt lớp và giờ ra chơi. Tiết này ngồi lại nhìn kết quả và viết thành một bản báo cáo đúng mẫu.



Khung báo cáo kết quả hoạt động thi thiết kế logo và khẩu hiệu — SGK trang 10

Nhiệm vụ 2.8. Tổng kết, đánh giá và viết báo cáo kết quả hoạt động (42')

a) Mục tiêu: Hợp tác cùng các bạn thực hiện kế hoạch đã lập; tổng kết, đánh giá và viết được báo cáo kết quả hoạt động theo đúng khung gợi ý của sách giáo khoa.

b) Nội dung: Khung báo cáo ở sách giáo khoa trang 10 gồm ba phần. Phần một là đánh giá quá trình tổ chức hoạt động, xét theo ba chặng: lập kế hoạch và chuẩn bị, tiến hành hoạt động, tổng kết và đánh giá; mỗi chặng đều có một ý riêng về sự hợp tác giữa các thành viên. Phần hai là kết quả, xét về số lượng và chất lượng sản phẩm cùng các giải thưởng gồm giải nhất, giải nhì, giải ba, giải khuyến khích. Phần ba là một số bài học kinh nghiệm.

c) Sản phẩm: Bản báo cáo ba phần của nhóm viết trên giấy A3, có ít nhất một số liệu thật của hoạt động và hai bài học kinh nghiệm được viết thành câu cụ thể.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5'): Giáo viên chiếu khung báo cáo trang 10, chỉ rõ ba phần và lưu ý ba ý về sự hợp tác nằm rải ở cả ba chặng của phần một; phát mỗi nhóm một tờ A3.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18'): Các nhóm viết báo cáo. Giáo viên đi từng nhóm, nhắc phần chất lượng sản phẩm phải bám bốn tiêu chí trong sách là nội dung phản ánh nét đẹp truyền thống nhà trường, tính sáng tạo, tính thẩm mỹ và tính hợp tác.

3. Báo cáo, thảo luận (14'): Các nhóm lần lượt báo cáo, mỗi nhóm khoảng ba phút, có trưng bày sản phẩm thật. Lớp ghi vào vở một điều học được từ nhóm bạn mà nhóm mình chưa làm được.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Phần đáng giá nhất của báo cáo không phải số sản phẩm thu về mà là ba ý về sự hợp tác và phần bài học kinh nghiệm, vì đó là chỗ lần tổ chức sau sẽ khác đi.

TIẾT 8. GIẢI QUYẾT MÂU THUẪN VÀ MỞ RỘNG QUAN HỆ VỚI BẠN BÈ

Kết nối hai tiết (3'): Làm việc chung suốt hai tiết vừa rồi, thế nào cũng có lúc va chạm. Tiết này lớp học cách gỡ những va chạm ấy, và cả cách bắt chuyện với một người mình chưa quen.

Nhiệm vụ 2.9. Sắm vai xử lý ba tình huống quan hệ bạn bè (20')

a) Mục tiêu: Thể hiện được kĩ năng giải quyết mâu thuẫn và kĩ năng nuôi dưỡng, giữ gìn, mở rộng quan hệ tốt đẹp với các bạn qua ba tình huống của sách giáo khoa.

b) Nội dung: Ba tình huống ở hoạt động 7 sách giáo khoa trang 12. Tình huống 1: Tân và Mạnh là bạn cùng lớp, do trêu chọc thái quá và chê bai, nói xấu nhau mà tình bạn rạn nứt; xung đột lên đỉnh điểm khi Mạnh cho rằng Tân nhìn đều mình và hẹn gặp sau giờ học để giải quyết dứt điểm; nếu là Tân em sẽ làm gì. Tình huống 2: Nga cần thêm thành viên có kĩ năng truyền thông cho dự án phát triển cộng đồng, biết bạn Phương lớp bên có năng lực nhưng chưa quen; nếu là Nga em sẽ làm gì. Tình huống 3: hết năm học Thanh sẽ đi du học, vừa buồn vì xa bạn vừa lo với các mối quan hệ mới; nếu là Thanh em sẽ làm gì.

c) Sản phẩm: Ba kịch bản sắm vai, mỗi kịch bản dài khoảng tám lượt lời, có ghi rõ nhóm dùng kĩ năng nào ở lượt nào.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2'): Giáo viên phát bản in ba tình huống, bốc thăm chia tình huống cho sáu nhóm, mỗi tình huống hai nhóm; nêu yêu cầu kịch bản phải có lượt lời của cả hai phía.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Các nhóm viết kịch bản và tập sắm vai. Giáo viên nhắc tình huống 1 cần hạ nhiệt trước rồi mới nói chuyện phải trái, tình huống 2 cần một lí do chính đáng để bắt chuyện, tình huống 3 cần một cách giữ liên lạc làm được đều đặn ở khoảng cách xa.

3. Báo cáo, thảo luận (5'): Ba nhóm lên sắm vai, mỗi nhóm một tình huống. Nhóm còn lại của cùng tình huống nhận xét một điểm hay và đề nghị một cách xử lý khác.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Ba tình huống là ba việc khác nhau. Giữ tình bạn đang rạn thì phải hạ giọng trước; mở quan hệ mới thì phải có việc chung để bắt đầu; giữ quan hệ ở xa thì phải có một thói quen liên lạc đủ nhẹ để duy trì được lâu.

Nhiệm vụ 2.10. Ba bước hoà giải khi mâu thuẫn đã lên cao (22')

a) Mục tiêu: Rút ra được các bước giải quyết mâu thuẫn từ chính kịch bản vừa sắm vai; chia sẻ được một tình huống có thật mà bản thân đã xử lí.

b) Nội dung: Từ ba kịch bản vừa diễn, lớp cùng rút ra ba bước hoà giải: hạ nhiệt cảm xúc trước khi nói; nói về việc chứ không nói về người; thống nhất một điều cùng làm để không lặp lại. Sau đó mỗi học sinh chia sẻ theo yêu cầu thứ hai của hoạt động 7 trang 12: kể một tình huống mình đã từng thực hiện để giải quyết mâu thuẫn và mở rộng mối quan hệ với các bạn.

c) Sản phẩm: Sơ đồ ba bước hoà giải trên bảng lớp và một câu chuyện có thật của mỗi học sinh ghi vào mục B Phụ lục 1, dùng tên viết tắt.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'): Giáo viên đặt câu hỏi để lớp cùng rút bước: trong ba kịch bản vừa xem, câu nói nào làm dịu tình hình và câu nói nào làm căng thêm; từ đó viết ba bước lên bảng.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Học sinh viết câu chuyện của mình vào Phụ lục 1, đổi chiều với ba bước để xem mình đã bỏ sót bước nào. Giáo viên nhắc lại quy ước dùng tên viết tắt.

3. Báo cáo, thảo luận (6'): Bốn học sinh chia sẻ câu chuyện. Lớp lắng nghe, không bình luận về người, chỉ nói mình đã gặp tình huống tương tự và đã làm gì.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Bước khó nhất là bước đầu tiên, vì lúc đang giận thì ai cũng muốn nói ngay. Lùi lại một buổi rồi mới nói không phải là né tránh mà là để lời nói còn cứu được tình bạn.

TIẾT 9. Ý NGHĨA CỦA CÁC HOẠT ĐỘNG VÀ TỔNG KẾT CHỦ ĐỀ

Kết nối hai tiết (3'): Tám tiết vừa qua lớp đã giữ quan hệ, đã cùng làm và đã hoà giải. Tiết cuối trả lời một câu hỏi lớn hơn: tất cả những việc ấy để lại gì cho em và cho tập thể lớp.

Hoạt động 3. Luyện tập – Đánh giá ý nghĩa của hoạt động phát triển quan hệ và xây dựng truyền thống nhà trường (20')

a) Mục tiêu: Đánh giá được ý nghĩa của hoạt động phát triển các mối quan hệ và hoạt động xây dựng truyền thống nhà trường đối với cá nhân và đối với tập thể.

b) Nội dung: Bốn hướng gợi ý ở hoạt động 6 sách giáo khoa trang 11. Với hoạt động phát triển quan hệ, đối với cá nhân là tạo sự đa dạng trong các mối quan hệ, học hỏi kinh nghiệm, phát triển phẩm chất và năng lực, nhận được lời khuyên khi cần; đối với tập thể là tăng cường tinh thần đoàn kết, tạo tập thể vững mạnh, xây dựng trường học hạnh phúc. Với hoạt động xây dựng truyền thống nhà trường, đối với cá nhân là thêm tự hào và gắn bó, phát triển kỹ năng hợp tác, tạo động lực phấn đấu; đối với tập thể là hoàn thành công việc nhanh và hiệu quả, gắn kết các thành viên, quảng bá hình ảnh nhà trường, xây dựng khối đoàn kết giữa nhiều thế hệ học sinh.

c) Sản phẩm: Phiếu bốn ô của mỗi học sinh ở mục D2 Phụ lục 1, mỗi ô có ít nhất một ý và một dẫn chứng lấy từ chính hoạt động lớp vừa tổ chức ở tiết 6 và tiết 7.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'): Giáo viên kẻ bảng bốn ô lên bảng lớp theo hai trục: hai loại hoạt động nhân với cá nhân và tập thể; làm mẫu một ô bằng dẫn chứng từ hoạt động của lớp.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Học sinh điền phiếu cá nhân rồi trao đổi theo cặp để bổ sung. Giáo viên yêu cầu em nào viết ý nghĩa mà không có dẫn chứng thì quay lại tìm trong báo cáo nhóm mình.

3. Báo cáo, thảo luận (4'): Sáu học sinh đọc phiếu, mỗi ô một em rưỡi, lớp gom lại thành bảng ý nghĩa chung.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Ý nghĩa với cá nhân là thứ chỉ mình em biết, còn ý nghĩa với tập thể là thứ người ngoài nhìn vào cũng thấy. Một hoạt động đáng giá khi có cả hai.

Hoạt động 4. Vận dụng – Kế hoạch tham gia hoạt động phát triển quan hệ và tự đánh giá (22')

a) Mục tiêu: Kể được các hoạt động phát triển mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô và các bạn mà bản thân có thể tham gia; xây dựng và bắt đầu thực hiện kế hoạch tham gia; tự đánh giá kết quả trải nghiệm chủ đề.

b) Nội dung: Theo hoạt động 8 sách giáo khoa trang 12 và trang 13, học sinh kể tên các hoạt động có thể tham gia rồi xây dựng kế hoạch theo năm gợi ý: mục đích tham gia, thời gian tham gia, công việc có thể tham gia, dự kiến sản phẩm, các thành viên cùng tham gia. Sau đó mỗi em hoàn thành phiếu tự đánh giá theo mười hai tiêu chí ở khung đánh giá cuối chủ đề trang 13, với hai mức Đạt hoặc Chưa đạt.

c) Sản phẩm: Kế hoạch tham gia của mỗi học sinh ở bảng D3 Phụ lục 1 và phiếu tự đánh giá mười hai tiêu chí đã đánh dấu; kèm nhật kí bốn tuần, mỗi tuần một dòng, nộp lại vào tiết sinh hoạt lớp cuối tháng.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'): Giáo viên chiếu mười hai tiêu chí ở khung đánh giá cuối chủ đề trang 13, giải thích từng tiêu chí bằng đúng sản phẩm mà lớp đã làm trong chín tiết vừa qua.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Học sinh điền bảng kế hoạch D3 rồi đánh dấu phiếu tự đánh giá, ghi kèm tên sản phẩm chứng minh cho mỗi tiêu chí chọn mức Đạt.

3. Báo cáo, thảo luận (6'): Bốn học sinh chia sẻ kế hoạch tham gia và một tiêu chí mình chưa đạt. Lớp góp ý cách làm tiếp trong bốn tuần tới.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Chủ đề khép lại nhưng kế hoạch tham gia thì mới bắt đầu. Nhật kí bốn tuần và phiếu tự đánh giá là căn cứ để đánh giá thường xuyên của chủ đề này.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

PHỤ LỤC 1. PHIẾU HỌC TẬP CHỦ ĐỀ 1 – DÙNG XUYỀN SUỐT CHỦ ĐỀ

Họ và tên: Lớp: Nhóm:

A. CÂU HỎI MỞ ĐẦU

1. Kể tên ba người ở trường mà em quý nhưng đã lâu không nói chuyện (dùng tên viết tắt).
2. Vì sao quan hệ với những người đó nhạt dần đi?
3. Năm học cuối cấp, em muốn giữ lại điều gì nhất trong các mối quan hệ ở trường?

B. PHIẾU KIẾN THỨC CHỦ ĐỀ 1

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ hoặc tình huống minh họa	Rút ra điều gì?
Gợi ý cách ghi →	Ghi ý chính trong SGK, 1–2 câu ngắn.	Nêu một tình huống, con số hoặc chuyện thật của lớp.	Viết một câu kết luận hoặc liên hệ bản thân.
1. Cách nuôi dưỡng, giữ gìn, mở rộng quan hệ với thầy cô và bạn bè			
2. Cách hợp tác trong hoạt động chung			
3. Lập trường trước dư luận về quan hệ bạn bè trên mạng xã hội			
4. Kế hoạch và báo cáo hoạt động xây dựng truyền thống nhà trường			
5. Giải quyết mâu thuẫn trong quan hệ bạn bè			

Chuyện của em (viết ở tiết 8, dùng tên viết tắt):

- Mâu thuẫn xảy ra vì:
- Em đã làm gì:
- Nhìn lại ba bước hoà giải, em đã bỏ sót bước nào:

C. MINH CHỨNG NĂNG LỰC SỐ – AI

C1. Thư gửi thầy cô và tin nhắn gửi bạn (làm ở tiết 3)

Cùng một việc: xin thầy cô chủ nhiệm xác nhận một giấy tờ trong hồ sơ xét tuyển. Em viết hai bản dưới đây rồi đặt cạnh nhau mà so.

Bản 1 – Thư điện tử gửi thầy cô:

Dòng tiêu đề:

Lời chào:

Nội dung:

Lời cảm ơn và kí tên:

Bản 2 – Tin nhắn gửi bạn thân nhờ nhắc hộ:

Ba khác biệt em nhận ra:

1. Về cách xưng hô:
2. Về mức trang trọng:
3. Về cách mở đầu và kết thúc:

C2. Soi đoạn văn do máy viết về mâu thuẫn bạn bè (làm ở tiết 5)

Đọc bản in thầy cô phát, cắt đoạn văn thành từng ý rồi xếp vào ba cột dưới đây.

Ý trong đoạn văn của máy	Dùng được hay không nên đăng?	Lí do (bám vào chuyện thật của lớp)

Câu hỏi cuối: trước khi bấm nút chia sẻ một nội dung do máy viết, em tự hỏi những gì?

D. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

D1. Kế hoạch hoạt động xây dựng truyền thống nhà trường (làm theo nhóm, tiết 6)

Mục của kế hoạch	Nhóm em điền vào đây
Tên hoạt động	
1. Mục tiêu	
2. Nhóm thực hiện	
3. Thời gian thực hiện	
4. Nội dung	
5. Phương tiện cần thiết	

6. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên:

STT	Nhiệm vụ	Người thực hiện
1		
2		

STT	Nhiệm vụ	Người thực hiện
3		
4		
5		
6		
7		
8		

D2. Ý nghĩa của các hoạt động (làm cá nhân, tiết 9)

	Đối với cá nhân em	Đối với tập thể lớp và nhà trường
Hoạt động phát triển các mối quan hệ		
Hoạt động xây dựng truyền thống nhà trường		

D3. Kế hoạch tham gia hoạt động phát triển quan hệ (làm cá nhân, tiết 9)

Mục đích tham gia	Thời gian tham gia	Công việc em tham gia	Dự kiến sản phẩm	Các bạn cùng tham gia

PHỤ LỤC 2. ĐÁP ÁN NGẮN – GIÁO VIÊN NHÌN NHANH

1. Gọi ý đáp án phiếu kiến thức (tham khảo)

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ hoặc tình huống	Rút ra điều gì?
1. Cách nuôi dưỡng, giữ gìn, mở rộng quan hệ với thầy cô và bạn bè	Trang 7 chia gọi ý thành hai vế. Với thầy cô: thể hiện sự kính trọng; hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao; chủ động gặp gỡ, trao đổi nội dung học tập; thăm hỏi khi đau ốm; gửi lời chúc mừng dịp đặc biệt tới cả thầy cô đang dạy và thầy cô giáo cũ; tham gia hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao cùng thầy cô.	Với bạn bè: chủ động làm quen; giúp đỡ, quan tâm khi bạn khó khăn; chân thành, thiện chí, thấu hiểu khi giao tiếp; giữ liên lạc thường xuyên; đa dạng hình thức giao tiếp gồm gặp trực tiếp và trao đổi qua mạng xã hội; tham gia diễn đàn, câu lạc bộ và các hoạt động chung.	Ba việc khác nhau: nuôi dưỡng là làm đều đặn, giữ gìn là không để hiểu lầm tích lại, mở rộng là chủ động bước tới trước.
2. Cách hợp tác trong hoạt động chung	Trang 7 và trang 8 nêu bảy cách hợp tác hiệu quả trong hoạt động chung của lớp và của nhà trường.	Bảy cách: đặt ra mục tiêu chung; tham gia đóng góp ý tưởng; biết lắng nghe người khác; tôn trọng quyết định chung của nhóm; hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công; quan tâm hỗ trợ thành viên khác khi cần; có trách nhiệm với sản phẩm và kết quả chung.	Bốn cách đầu giữ cho nhóm cùng nhìn về một hướng, ba cách sau giữ cho nhóm không bỏ rơi ai.
3. Lập trường trước dư luận về quan hệ bạn bè trên mạng xã hội	Trang 8 nêu hai dư luận để học sinh thể hiện lập trường, sau đó yêu cầu chia sẻ bài học kinh nghiệm của bản thân.	Dư luận 1: mạng xã hội là ảo nên quan hệ bạn bè trên mạng cũng chỉ là ảo. Dư luận 2: mạng xã hội giúp mở rộng quan hệ, kết thân với nhiều người từ khắp nơi trên thế giới.	Có lập trường là nói được mình tin đến đâu và vì sao, chứ không phải chọn hẵn một phía.
4. Kế hoạch và báo cáo hoạt động xây dựng truyền thống nhà trường	Trang 9 cho kế hoạch mẫu sáu mục kèm bảng phân công; trang 10 cho khung báo cáo ba phần và gọi ý hợp tác khi thực hiện.	Kế hoạch mẫu: nhóm 7 bạn là Chiến, Hương, Nam, Trâm, Phong, Thuý, Hiếu; thời gian là tuần 3 và tuần 4 tháng 9; phương tiện gồm giấy A4, máy tính, bút màu; bảng phân công có 11 dòng nhiệm vụ. Báo cáo có bốn giải: nhất, nhì, ba, khuyến khích.	Chia việc đến từng người thì lúc chạy thật không ai đứng ngoài và cũng không ai gánh hết.
5. Giải quyết mâu thuẫn trong quan hệ bạn bè	Trang 12 nêu ba tình huống để sắm vai, sau đó yêu cầu chia sẻ tình huống có thật của bản thân.	Tình huống 1 là Tân và Mạnh mâu thuẫn tới mức hẹn gặp sau giờ học; tình huống 2 là Nga muốn mời	Ba việc khác nhau: hạ nhiệt để giữ tình bạn đang rạn, có việc chung để mở quan hệ

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ hoặc tình huống	Rút ra điều gì?
		Phương ở lớp bên vào nhóm dự án; tình huống 3 là Thanh sắp đi du học.	mới, có thói quen nhẹ để giữ quan hệ ở xa.

2. Ghi chú cho phần Năng lực số – AI ở Phụ lục 1

Phần C1 – thư điện tử gửi thầy cô cần đủ bốn phần và giữ khoảng cách đúng mực: dòng tiêu đề nói rõ việc, ví dụ Đơn xin xác nhận hồ sơ – lớp 12A; lời chào có chức danh; nội dung nêu việc, lí do và mốc thời gian cần; kết thúc bằng lời cảm ơn và kí họ tên đầy đủ kèm lớp. Tin nhắn gửi bạn thì ngắn, xưng hô thân mật, có thể bỏ lời chào.

Ba khác biệt – ba khác biệt cần rút ra là: xưng hô đổi theo vai vế và thế hệ; mức trang trọng đổi theo quan hệ; phần mở đầu và kết thúc bắt buộc có trong thư nhưng có thể lược trong tin nhắn. Nếu học sinh chỉ nêu được một khác biệt, gợi mở bằng câu hỏi: thầy cô mở hộp thư và thấy hai chục thư không có tiêu đề thì sẽ đọc thư nào trước.

Phần C2 – cột dùng được thường gồm các ý mô tả cảm xúc chung như giận, tủi thân, muốn được nghe hiểu. Cột không nên đăng thường gồm các câu quy kết nặng nề và các câu nói như thể mọi lớp đều giống nhau. Lí do phải bám vào chuyện thật: nếu bạn nào trong lớp đọc câu ấy mà thấy như đang nói về mình theo hướng xấu thì không nên đăng.

Câu hỏi cuối – ba câu tự hỏi trước khi chia sẻ nội dung do máy viết: ai sẽ đọc, ai có thể bị tổn thương, và mình có kiểm được thông tin trong đó là đúng hay không.

Phiếu tự đánh giá phần này (dùng hai mức):

- Viết được thư điện tử đủ bốn phần, dòng tiêu đề nói rõ việc: Đạt hoặc Chưa đạt.
- Chỉ ra đủ ba khác biệt giữa thư gửi thầy cô và tin nhắn gửi bạn: Đạt hoặc Chưa đạt.
- Xếp được ít nhất ba ý vào mỗi cột của phiếu soi đoạn văn do máy viết: Đạt hoặc Chưa đạt.
- Nêu lí do bám vào chuyện thật của lớp, không nói chung chung: Đạt hoặc Chưa đạt.

3. Lỗi thường gặp và gợi mở

Lỗi 1 – học sinh viết cách giữ quan hệ theo kiểu khẩu hiệu, ví dụ luôn kính trọng thầy cô. Gợi mở: hỏi lần gần nhất em làm việc đó là khi nào và thầy cô đã phản hồi ra sao.

Lỗi 2 – bảng phân công của nhóm ghi cả nhóm cho mọi dòng. Gợi mở: chỉ vào kế hoạch mẫu trang 9, đếm xem trong mười một dòng có bao nhiêu dòng ghi tên người cụ thể.

Lỗi 3 – khi bàn về dư luận trên mạng, học sinh chọn hẳn một phía rồi không tìm lí lẽ ngược lại. Gợi mở: yêu cầu nhóm nêu đúng hai lí lẽ của phía mình không theo trước khi chốt lập trường.

Lỗi 4 – khi soi đoạn văn của máy, học sinh xếp tất cả vào cột dùng được vì thấy câu văn mượt. Gợi mở: hỏi nếu đăng nguyên đoạn này lên trang của lớp thì bạn nào có thể nghĩ là đang nói về mình.

Lỗi 5 – kịch bản hoà giải chỉ có một phía nói, phía kia im lặng rồi làm lạnh. Gợi mở: yêu cầu viết thêm hai lượt lời phản đối của phía kia rồi mới đi tới thoả thuận.

Lỗi 6 – báo cáo kết quả chỉ kể việc đã làm, bỏ trống phần bài học kinh nghiệm. Gợi mở: hỏi nếu tổ chức lại hoạt động này thì nhóm sẽ đổi điều gì đầu tiên.

4. Bảng tiêu chí đánh giá

Tiêu chí	Đạt tốt	Đạt	Chưa đạt
Kiến thức, quy trình	Đúng và đủ ý; giải thích hoặc thao tác có dẫn chứng.	Đúng các ý hoặc bước chính.	Sai hoặc thiếu ý, bước cốt lõi.
Sản phẩm và dữ liệu	Rõ ràng, kiểm tra lại được nguồn; có nêu giới hạn và sai số.	Có sản phẩm và dẫn chứng cơ bản.	Chung chung, thiếu dẫn chứng hoặc đơn vị.
Năng lực số và AI (Phụ lục 3)	Đủ dữ liệu – chức năng – kết quả – người kiểm chứng.	Nêu đúng ứng dụng và bước kiểm tra.	Nhằm thiết bị thông thường là trí tuệ nhân tạo, hoặc tin tuyệt đối vào kết quả của máy.
Hợp tác, an toàn	Đúng vai, đúng giờ; trung thực và an toàn.	Hoàn thành nhiệm vụ cơ bản.	Thiếu phối hợp hoặc vi phạm an toàn.

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 2026
GIÁO VIÊN (Ký và ghi rõ họ tên)

SỞ GD&ĐT:

TRƯỜNG:

TỔ: TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 12

BỘ SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG — (Năm học 2026 - 2027)

CHỦ ĐỀ 2. TÔI TRƯỞNG THÀNH

(Số tiết: 11 — tuần 4 đến tuần 7, tiết 10 đến tiết 20)

Giáo viên: | Lớp: | Ngày dạy:

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức – yêu cầu cần đạt

Sau chủ đề này, học sinh:

- Nêu được các biểu hiện và việc làm thể hiện sự trưởng thành của cá nhân trên ba mặt: thể chất, tâm lý và xã hội.
- Trình bày được các biểu hiện của phẩm chất ý chí và của sự đam mê; nhận diện được ý chí và đam mê của chính mình.
- Chỉ ra được các đặc điểm của người có tư duy độc lập và thể hiện được tư duy độc lập khi trình bày quan điểm của bản thân.
- Kể được các hành động thể hiện khả năng thích ứng của cá nhân với sự thay đổi; nêu được những việc cần làm để thích ứng với thay đổi đang và sẽ đến trong cuộc sống của mình.

- Nhận biết được quyền và trách nhiệm công dân của bản thân, trong đó có quyền được bảo vệ thông tin cá nhân trên môi trường số.
- Giới thiệu được đam mê của bản thân và quá trình theo đuổi đam mê đó.
- Thể hiện được việc làm chứng tỏ sự trưởng thành và thể hiện được ý chí của bản thân trong các tình huống của cuộc sống.
- Lập và thực hiện được kế hoạch rèn luyện phẩm chất ý chí, sự đam mê, tư duy độc lập và khả năng thích ứng; nhận xét được kết quả rèn luyện theo kế hoạch đó.

2. Năng lực

Năng lực trải nghiệm, hướng nghiệp: năng lực thích ứng với cuộc sống khi nhận diện những thay đổi đang tới ở ngưỡng rời trường phổ thông và tìm cách ứng phó; năng lực định hướng nghề nghiệp khi soi lại đam mê và ý chí của bản thân để chọn hướng đi sau lớp 12.

Năng lực chung: tự chủ và tự học khi tự đánh giá mức trưởng thành của mình và lập kế hoạch rèn luyện; giao tiếp và hợp tác khi tranh biện và khi sắm vai; giải quyết vấn đề và sáng tạo khi xử lý các tình huống đòi hỏi phải tự quyết định giữa nhiều lời khuyên trái chiều.

Năng lực số và AI (theo Phụ lục 3)

4.2.NC1a – bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư trong môi trường số. Cụ thể trong chủ đề này: trên phiếu giấy, học sinh liệt kê những thông tin cá nhân mình từng đưa lên mạng, phân thành ba nhóm là công khai được, chỉ chia sẻ hẹp và tuyệt đối không chia sẻ; ghi lại ba mục cần khoá hoặc gỡ và nêu rủi ro của từng mục nếu để công khai.

12.B1 – vấn đề đạo đức của trí tuệ nhân tạo. Cụ thể trong chủ đề này: giáo viên nhập vài từ khoá về một học sinh giả định lên máy của lớp, yêu cầu phần mềm trí tuệ nhân tạo mô tả điểm mạnh của bạn ấy rồi chiếu lên tivi; học sinh đối chiếu bản mô tả đó với phiếu tự đánh giá của mình và chỉ ra ba chỗ máy suy đoán sai vì thiếu dữ liệu cá nhân, kèm câu trả lời cho câu hỏi có nên đưa thêm dữ liệu thật vào để máy đoán đúng hơn không.

Minh chứng: phiếu ba nhóm thông tin cá nhân kèm ba mục cần khoá và rủi ro tương ứng; phiếu đối chiếu bản mô tả của máy với phiếu tự đánh giá, ghi rõ ba chỗ máy đoán sai và lí do; kế hoạch rèn luyện bốn mặt của bản thân.

3. Phẩm chất

Trung thực: nhận đúng mức trưởng thành của mình, không tô hồng cũng không hạ thấp bản thân khi tự đánh giá.

Trách nhiệm: làm tròn vai của mình trong gia đình và trong lớp; giữ đúng những cam kết đã đặt ra trong kế hoạch rèn luyện.

Chăm chỉ: kiên trì theo đuổi đam mê đã chọn, không bỏ dở khi gặp trở ngại hay khi kết quả chưa như mong muốn.

Yêu nước và trách nhiệm công dân: hiểu và chủ động thực hiện quyền cùng trách nhiệm công dân của mình ở tuổi mười tám, kể cả trên môi trường số.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Giáo viên: sách giáo khoa Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống), trang 14–23 và sách giáo viên; tivi và một máy tính của lớp có nối Internet; giấy

A3, giấy A4, bút màu, giấy nhớ ba màu khác nhau; bản in trường hợp của Khánh ở trang 17 và của Quân ở trang 18; bản in các tình huống ở trang 19, trang 20, trang 21; bản in một bản mô tả điểm mạnh do phần mềm trí tuệ nhân tạo viết cho một học sinh giả định, dùng khi mất mạng; phiếu học tập ở Phụ lục 1; một đoạn phim ngắn hoặc bài hát về tuổi mười tám để khởi động.

Học sinh: sách giáo khoa, vở, bút; một tấm ảnh của mình chụp cách đây ba năm và một tấm chụp gần đây để so sánh; danh sách những việc nhà và việc lớp mà em đang đảm nhận.

Phương án dự phòng: khi mất điện hoặc mất mạng, giáo viên dùng bản mô tả do phần mềm trí tuệ nhân tạo viết đã in sẵn từ trước thay cho việc chạy trực tiếp trên máy; các trường hợp và tình huống đều đã có bản in nên mọi nhiệm vụ vẫn làm trọn được trên phiếu giấy. Bảng kế hoạch rèn luyện kẻ tay trên giấy A4, không cần bảng tính.

An toàn: chỉ giáo viên thao tác trên máy của lớp và chỉ dùng dữ liệu của một học sinh giả định, tuyệt đối không nhập tên thật, ngày sinh, số điện thoại hay địa chỉ của bất kì em nào vào phần mềm. Phiếu rà soát thông tin cá nhân là tài liệu riêng của mỗi em, không thu, không đọc trước lớp, không chụp lại; khi chia sẻ trước lớp học sinh chỉ nói nhóm thông tin, không nói nội dung cụ thể. Phần chia sẻ về hoàn cảnh gia đình được giữ kín trong nhóm.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Mạch bài: nhận ra mình đã lớn → gọi tên ý chí và đam mê → tập nghĩ bằng đầu mình → biết bảo vệ dữ liệu của mình → tập ứng phó với thay đổi → làm thật để chứng tỏ sự trưởng thành → lập kế hoạch rèn luyện lâu dài.

Tiết	Câu hỏi hoặc nội dung trung tâm	Sản phẩm nối tiếp	Thời gian
10	Người bạn ấy đã trưởng thành ở chỗ nào?	Bảng ba mặt trưởng thành: thể chất, tâm lí, xã hội	45 phút
11	Ý chí và đam mê hiện ra qua những việc gì?	Bảng biểu hiện ý chí và đam mê rút từ trường hợp của Khánh	45 phút
12	Giữ ý kiến của mình và bảo thủ khác nhau ra sao?	Biên bản tranh biện và bảng bảy đặc điểm tư duy độc lập	45 phút
13	Thông tin nào của em không nên đưa lên mạng?	Phiếu ba nhóm thông tin cá nhân kèm ba mục cần khoá	45 phút
14	Máy mô tả em có đúng không và vì sao nó đoán sai?	Phiếu đối chiếu bản mô tả của máy với phiếu tự đánh giá	45 phút
15	Thích ứng với thay đổi bắt đầu từ việc gì?	Bảng biểu hiện thích ứng rút từ trường hợp của Quân	45 phút
16	Người trưởng thành ứng xử thế nào khi bị nghi ngờ?	Hai kịch bản sắm vai và kế hoạch một việc thể hiện sự trưởng thành	45 phút
17	Đam mê của em bắt đầu từ đâu và đã đi tới đâu?	Bài giới thiệu đam mê và nhóm bạn cùng đam mê	45 phút
18	Làm sao giữ được ý chí khi mọi thứ chống lại mình?	Hai kịch bản thể hiện ý chí và bảng cách duy trì ý chí	45 phút

Tiết	Câu hỏi hoặc nội dung trung tâm	Sản phẩm nổi tiếp	Thời gian
19	Tư duy độc lập được thử thách trong tình huống nào?	Kết quả tranh biện hai nhận định và ba phương án xử lý tình huống	45 phút
20	Bốn năm tới em sẽ rèn luyện điều gì?	Bảng thay đổi – việc cần làm và kế hoạch rèn luyện bốn mặt	45 phút

TIẾT 10. NHỮNG BIỂU HIỆN TRƯỞNG THÀNH CỦA CÁ NHÂN

Hoạt động 1. Mở đầu – Đoán xem người đó là ai (8')

a) Mục tiêu: Khơi lên hứng thú với chủ đề bằng một trò chơi và làm xuất hiện câu hỏi: trưởng thành được nhìn ra bằng những dấu hiệu nào.

b) Nội dung: Trò chơi ở hoạt động 1 sách giáo khoa trang 16. Mỗi nhóm bí mật chọn một bạn học trong lớp và mô tả 5 biểu hiện của sự trưởng thành của bạn ấy, không nêu tên; cả lớp đoán tên người được mô tả.

c) Sản phẩm: Sáu thẻ mô tả của sáu nhóm, mỗi thẻ có năm dòng biểu hiện; danh sách các dấu hiệu trưởng thành mà cả lớp nhận ra được ghi lên bảng.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (1'): Giáo viên phát mỗi nhóm một thẻ giấy, nêu luật chơi: mô tả năm biểu hiện trưởng thành, chỉ nói điều tốt, không nói ngoại hình theo hướng chê.

2. Thực hiện nhiệm vụ (3'): Các nhóm bí mật chọn bạn và viết năm biểu hiện. Giáo viên nhắc các nhóm viết biểu hiện đủ riêng để đoán ra được nhưng đủ tế nhị để bạn ấy vui khi nghe.

3. Báo cáo, thảo luận (3'): Các nhóm lần lượt đọc thẻ, lớp đoán tên. Giáo viên ghi nhanh lên bảng những dấu hiệu được nhắc nhiều nhất.

4. Kết luận, nhận định (1'): GV chốt: Nhìn vào bảng vừa ghi, các em thấy trưởng thành không chỉ là cao lên hay đổi giọng. Mười một tiết tới của chủ đề này sẽ đi vào từng mặt của sự trưởng thành ấy.



Khung định hướng nội dung hoạt động trong chủ đề — SGK trang 15

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới và giải quyết vấn đề

a) Mục tiêu: Đi hết mười một định hướng nội dung của chủ đề ở sách giáo khoa trang 15, từ biểu hiện trưởng thành, ý chí, đam mê, tư duy độc lập đến khả năng thích ứng và kế hoạch rèn luyện bản thân.

b) Nội dung: Mười ba nhiệm vụ nối tiếp nhau, trải từ tiết 10 đến tiết 20, tám mươi hoạt động của sách giáo khoa trang 16 đến trang 23.

c) Sản phẩm: Chuỗi sản phẩm ghi ở cột thứ ba của bảng mạch tiết phía trên; toàn bộ được lưu vào Phụ lục 1 của từng học sinh và giấy A3 của nhóm.

d) Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 2.1. Ba mặt trưởng thành của một con người (37')

a) Mục tiêu: Nhận diện được những biểu hiện trưởng thành của cá nhân trên ba mặt thể chất, tâm lý và xã hội; xác định được mình đang ở đâu trên từng mặt.

b) Nội dung: Gợi ý ở hoạt động 1 sách giáo khoa trang 16 chia biểu hiện trưởng thành thành ba mặt. Trưởng thành về thể chất gồm tăng chiều cao, thay đổi cân nặng, thay đổi giọng nói. Trưởng thành về tâm lý gồm có ý chí và kiên định với mục tiêu đề ra, có đam mê riêng và quyết tâm theo đuổi, có khả năng tư duy độc lập, có khả năng linh hoạt thích ứng với thay đổi của cuộc sống. Trưởng thành về xã hội gồm nhận biết quyền và trách nhiệm công dân, có ý thức thực hiện quyền và trách nhiệm ấy, chủ động thiết lập và duy trì các mối quan hệ xã hội, thực hiện việc làm thể hiện quyền và trách nhiệm của bản thân trong gia

đình, có khả năng tổ chức cuộc sống cá nhân, công việc và quản lí bản thân. Ví dụ về bạn V ở trang 16 được dùng làm mẫu để đối chiếu.

c) Sản phẩm: Bảng ba mặt trường thành trên giấy A3 của nhóm, mỗi mặt có ít nhất bốn biểu hiện kèm một việc làm minh họa; phiếu tự soi cá nhân ở mục B Phụ lục 1 với ba mức đã vững, đang tập, chưa bắt đầu.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (4’): Giáo viên kẻ bảng ba cột lên bảng lớp, phát mỗi nhóm một tờ A3 và nêu nhiệm vụ kép: nhóm dựng bảng chung, mỗi cá nhân tự soi mình theo ba mức trên phiếu riêng.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18’): Các nhóm đọc gợi ý trang 16, xếp biểu hiện vào ba cột rồi thêm việc làm minh họa. Sau đó mỗi em tự đánh dấu ba mức vào phiếu. Giáo viên gợi ý nhóm nào lúng túng ở mặt xã hội bằng câu hỏi: ở tuổi mười tám các em có thêm quyền gì mà năm ngoái chưa có.

3. Báo cáo, thảo luận (10’): Ba nhóm treo bảng và trình bày. Lớp đối chiếu với ví dụ về bạn V ở trang 16 và cùng đếm xem trong ví dụ ấy sách nêu mấy biểu hiện so với con số 5 mà đề bài yêu cầu; giáo viên để lớp tự phát hiện chỗ chưa khớp và nêu nhận xét của mình.

4. Kết luận, nhận định (5’): GV chốt: Trưởng thành về thể chất đến tự nhiên theo tuổi, nhưng trưởng thành về tâm lí và xã hội thì phải rèn mới có. Bốn biểu hiện ở mặt tâm lí chính là bốn nội dung lớn mà chủ đề này sẽ đi lần lượt: ý chí, đam mê, tư duy độc lập và khả năng thích ứng.

TIẾT 11. BIỂU HIỆN CỦA PHẨM CHẤT Ý CHÍ VÀ SỰ ĐAM MÊ

Kết nối hai tiết (3’): Bảng ba mặt ở tiết trước cho thấy mặt tâm lí có bốn nội dung phải rèn. Tiết này đi vào hai nội dung đầu, cũng là hai thứ đi liền với nhau: ý chí và đam mê.

Nhiệm vụ 2.2. Ý chí và đam mê của Khánh hiện ra ở đâu (42’)

a) Mục tiêu: Chỉ ra được những biểu hiện của ý chí và của sự đam mê trong một trường hợp cụ thể; nêu được các biểu hiện chung của hai phẩm chất này và liên hệ với bản thân.

b) Nội dung: Trường hợp ở hoạt động 2 sách giáo khoa trang 17: Khánh mong muốn trở thành cầu thủ bóng rổ chuyên nghiệp, chơi bóng rổ từ năm học lớp 8 và là thành viên Câu lạc bộ Bóng rổ của trường; Khánh tìm đọc sách báo, xem các trận đấu đỉnh cao, tìm hiểu về vận động viên, câu lạc bộ nổi tiếng, về kĩ thuật và chiến thuật; Khánh tự tạo một chỗ chơi bóng rổ ngay cạnh nhà và luyện tập bất cứ lúc nào rảnh; Khánh tham gia đều đặn các buổi tập dù đôi khi mệt mỏi, thiếu thời gian nghỉ vì việc học năm cuối cấp rất bận rộn. Từ đó lớp rút ra sáu biểu hiện của phẩm chất ý chí và năm biểu hiện của sự đam mê mà sách gợi ý ở cùng trang.

c) Sản phẩm: Bảng hai cột của nhóm: cột ý chí và cột đam mê, mỗi cột ghi biểu hiện chung kèm câu trích dẫn từ trường hợp của Khánh làm bằng chứng; phiếu liên hệ cá nhân ở mục B Phụ lục 1.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5'): Giáo viên phát bản in trường hợp của Khánh, chia lớp thành sáu nhóm và giao nhiệm vụ: gạch chân từng chi tiết rồi xếp vào cột ý chí hay cột đam mê, có chi tiết thuộc cả hai.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18'): Các nhóm làm bảng hai cột. Giáo viên gọi mở bằng một cách phân biệt: đam mê trả lời câu hỏi em thích gì, còn ý chí trả lời câu hỏi em vẫn làm khi không còn thích nữa. Sau đó mỗi em viết hai dòng liên hệ bản thân.

3. Báo cáo, thảo luận (14'): Bốn nhóm trình bày, lớp tranh luận về những chi tiết bị xếp khác nhau, ví dụ chi tiết tham gia đều đặn dù mệt mỏi thuộc ý chí hay đam mê. Giáo viên để hai nhóm bảo vệ cách xếp của mình rồi cùng chốt.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Đam mê cho các em sức bật lúc đầu, ý chí giữ các em lại lúc chán. Trường hợp của Khánh đáng học ở chỗ bạn ấy vẫn đến buổi tập vào đúng năm cuối cấp bận rộn nhất, và đó là ranh giới giữa một sở thích với một con đường.

TIẾT 12. ĐẶC ĐIỂM CỦA NGƯỜI CÓ TƯ DUY ĐỘC LẬP

Kết nối hai tiết (3'): Có ý chí mà nghe theo mọi lời khuyên thì cũng chưa đi được xa. Tiết này lớp bàn về nội dung thứ ba của mặt tâm lí: nghĩ bằng cái đầu của chính mình.

Nhiệm vụ 2.3. Tranh biện hai ý kiến về người tư duy độc lập (20')

a) Mục tiêu: Phân biệt được tư duy độc lập với sự bảo thủ qua việc tranh biện hai ý kiến trái chiều và đưa ra ví dụ cụ thể làm minh chứng.

b) Nội dung: Hai ý kiến ở hoạt động 3 sách giáo khoa trang 17. Ý kiến thứ nhất: người tư duy độc lập là người luôn giữ ý kiến của mình trong bất cứ hoàn cảnh nào. Ý kiến thứ hai: người có tư duy độc lập là người luôn có cách nhìn riêng, biết thu thập, phân tích thông tin đa chiều trước khi đưa ra kết luận. Lớp chia hai phe tranh biện, mỗi phe phải đưa ví dụ cụ thể làm minh chứng.

c) Sản phẩm: Biên bản tranh biện gồm bốn lí lẽ của mỗi phe kèm ví dụ minh chứng và một câu kết luận chung của lớp về ranh giới giữa độc lập và bảo thủ.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2'): Giáo viên viết hai ý kiến lên bảng, chia lớp thành hai phe theo dãy bàn, cử một học sinh làm thư kí ghi biên bản, nêu luật: mỗi lí lẽ phải kèm một ví dụ.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Hai phe chuẩn bị lí lẽ và ví dụ. Giáo viên gọi mở cho phe bảo vệ ý kiến thứ nhất một trường hợp có thật là người phát hiện ra điều đúng khi cả tập thể đều nói ngược lại.

3. Báo cáo, thảo luận (5'): Hai phe tranh biện, mỗi lượt một lí lẽ, luân phiên bốn lượt. Thư kí ghi biên bản lên bảng cho cả lớp cùng nhìn.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Người bảo thủ giữ ý kiến vì đó là ý kiến của mình; người tư duy độc lập giữ ý kiến vì đã kiểm chứng và sẵn sàng đổi khi có bằng chứng ngược lại. Ranh giới nằm ở chỗ có chịu nghe và có chịu kiểm hay không.

Nhiệm vụ 2.4. Bẫy đặc điểm của người có tư duy độc lập (22')

a) Mục tiêu: Xác định được những biểu hiện của tư duy độc lập và đối chiếu được với cách nghĩ quen thuộc của bản thân.

b) Nội dung: Bảy biểu hiện ở hoạt động 3 sách giáo khoa trang 18: không lệ thuộc vào ý kiến của người khác; biết lắng nghe ý kiến hợp lý của người khác; có cách nhìn riêng dựa trên quan sát và kinh nghiệm cá nhân; biết tự đánh giá, tự kiểm chứng thông tin trước khi đưa ra ý kiến; có thái độ bình tĩnh, không vội vàng nghe theo ý kiến của người khác; có kỹ năng thu thập thông tin từ nhiều nguồn khác nhau; phân tích, xác định những dấu hiệu bản chất của sự vật.

c) Sản phẩm: Bảng bảy đặc điểm trên giấy A3, mỗi đặc điểm ghép với một tình huống học đường mà nó giúp xử lý; phiếu tự soi cá nhân với ba đặc điểm em thấy mình còn yếu nhất.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'): Giáo viên chép bảy đặc điểm lên bảng và giao nhiệm vụ ghép: mỗi đặc điểm gắn với một tình huống có thật ở lớp mà đặc điểm ấy giúp xử lý.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Các nhóm làm bảng ghép, sau đó mỗi cá nhân đánh dấu ba đặc điểm mình còn yếu. Giáo viên gợi ý tình huống thường gặp: bạn chuyển cho một tin giật gân, cả nhóm cùng chọn một phương án mà mình thấy chưa ổn.

3. Báo cáo, thảo luận (6'): Ba nhóm trình bày bảng ghép. Lớp chỉ ra đặc điểm nào không tìm được tình huống nào trong đời sống của lớp và cùng nghĩ thêm.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Bảy đặc điểm này chia làm hai vế. Ba đặc điểm đầu giữ cho các em không bị cuốn theo, bốn đặc điểm sau dạy các em cách kiểm chứng. Thiếu vế sau thì độc lập chỉ còn là cứng đầu.

TIẾT 13. QUYỀN CÔNG DÂN VÀ VIỆC BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN CỦA EM

Kết nối hai tiết (3'): Trưởng thành về mặt xã hội, như bảng ở tiết 10 đã ghi, bắt đầu từ việc nhận biết quyền và trách nhiệm công dân. Tiết này lớp làm việc với một quyền rất cụ thể ở tuổi mười tám: quyền được bảo vệ thông tin cá nhân của chính mình.

Nhiệm vụ 2.5. Ba nhóm thông tin cá nhân và ba mục cần khoá (42')

a) Mục tiêu: Nhận biết được quyền và trách nhiệm công dân của bản thân trong việc bảo vệ dữ liệu cá nhân; phân loại được thông tin cá nhân theo mức chia sẻ và chỉ ra được rủi ro của việc để công khai những thông tin không nên công khai.

b) Nội dung: Học sinh làm việc trên phiếu giấy ở mục C Phụ lục 1. Trước hết mỗi em liệt kê những thông tin về mình đã từng đưa lên mạng hoặc đã từng cung cấp cho một trang nào đó. Sau đó xếp chúng vào ba nhóm: công khai được, chỉ chia sẻ với người quen, tuyệt đối không chia sẻ. Cuối cùng chọn ba mục cần khoá hoặc gỡ ngay và ghi rủi ro của từng mục. Việc này gắn với biểu hiện trưởng thành về xã hội ở trang 16 là có ý thức thực hiện quyền và trách nhiệm công dân của bản thân.

c) Sản phẩm: Phiếu ba nhóm thông tin cá nhân của mỗi học sinh kèm ba mục cần khoá và rủi ro tương ứng; bảng tổng hợp của lớp trên bảng lớp chỉ ghi tên nhóm thông tin, không ghi nội dung cụ thể của ai.

d) Tổ chức thực hiện

- 1. Chuyển giao nhiệm vụ (5'):** Giáo viên nêu rõ quy ước an toàn: phiếu này là của riêng mỗi em, thầy cô không thu, không đọc, khi chia sẻ chỉ nói tên nhóm thông tin. Sau đó giáo viên làm mẫu trên bảng với một hồ sơ giả định của bạn học sinh tên là M.
- 2. Thực hiện nhiệm vụ (18'):** Học sinh liệt kê rồi phân loại vào ba nhóm, sau đó chọn ba mục cần khoá và ghi rủi ro. Giáo viên đi một vòng, gợi ý bằng một câu hỏi duy nhất: nếu người lạ có đúng thông tin này thì họ làm được gì với em.
- 3. Báo cáo, thảo luận (14'):** Lớp gom bảng chung: từng em chỉ nêu tên nhóm thông tin mình xếp vào ô tuyệt đối không chia sẻ, giáo viên ghi lên bảng và đánh dấu những mục được nhiều em nhắc. Lớp bàn tiếp: những mục ấy bị lộ thì hậu quả gần nhất là gì.
- 4. Kết luận, nhận định (5'):** GV chốt: Ở tuổi mười tám, các em tự chịu trách nhiệm về dữ liệu của mình. Ngày sinh đầy đủ, số điện thoại, địa chỉ nhà và ảnh giấy tờ là bốn thứ hay bị đưa lên mạng nhất và cũng là bốn thứ giúp người lạ mạo danh dễ nhất. Bảo vệ dữ liệu của mình là một phần của việc làm chủ cuộc đời mình.

TIẾT 14. MÁY MÔ TẢ ĐIỂM MẠNH CỦA MỘT NGƯỜI CHÍNH XÁC ĐẾN ĐẤU

Kết nối hai tiết (3'): Tiết trước lớp đã quyết định giữ lại những dữ liệu nào cho riêng mình. Tiết này lớp thấy mặt kia của quyết định ấy: khi thiếu dữ liệu, một phần mềm trí tuệ nhân tạo sẽ mô tả các em ra sao.

Nhiệm vụ 2.6. Đối chiếu bản mô tả của máy với phiếu tự đánh giá (42')

- a) Mục tiêu:** Chỉ ra được những chỗ phần mềm trí tuệ nhân tạo suy đoán sai vì thiếu dữ liệu cá nhân; nêu được quan điểm của bản thân về việc có nên đưa thêm dữ liệu thật vào để máy đoán đúng hơn hay không.
- b) Nội dung:** Giáo viên nhập lên máy của lớp vài từ khoá về một học sinh giả định tên M, ví dụ học lớp 12, thích bóng rổ, hay giúp bạn, rồi yêu cầu phần mềm trí tuệ nhân tạo mô tả điểm mạnh của bạn ấy và chiếu kết quả lên tivi. Học sinh đối chiếu bản mô tả này với phiếu tự đánh giá ba mặt trường thành mà mình đã làm ở tiết 10, tìm ba chỗ máy đoán sai và giải thích vì sao sai. Sau đó lớp bàn câu hỏi khó: muốn máy đoán đúng hơn thì phải đưa thêm dữ liệu thật, nhưng đưa thêm thì mất phần riêng tư vừa giữ ở tiết 13.
- c) Sản phẩm:** Phiếu đối chiếu ở mục C Phụ lục 1 gồm ba cột: máy nói gì, sự thật ra sao, vì sao máy đoán sai; kèm một câu trả lời cá nhân cho câu hỏi có nên đưa thêm dữ liệu thật vào hay không và vì sao.

d) Tổ chức thực hiện

- 1. Chuyển giao nhiệm vụ (5'):** Giáo viên nhập từ khoá về bạn M lên máy của lớp trước mặt học sinh, chiếu kết quả và phát phiếu đối chiếu. Giáo viên nói rõ tất cả dữ liệu vừa nhập đều là giả định, không có thông tin thật của em nào.
- 2. Thực hiện nhiệm vụ (18'):** Học sinh làm phiếu đối chiếu ba cột, sau đó viết câu trả lời cho câu hỏi có nên đưa thêm dữ liệu thật. Giáo viên gợi mở: hãy tìm chỗ máy nói chung chung đến mức đúng với bất cứ ai, và chỗ máy khen quá lời.

3. Báo cáo, thảo luận (14'): Bốn học sinh đọc phiếu của mình. Lớp gom thành ba kiểu sai thường gặp của máy rồi bàn tiếp câu hỏi về dữ liệu, chia thành hai phía đồng ý và không đồng ý.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Máy chỉ ghép lại từ những gì nó đọc được nên nó đoán theo số đông, mà số đông thì không phải là em. Muốn máy nói đúng về mình thì phải trả giá bằng dữ liệu riêng tư của mình, và đó là một lựa chọn có đánh đổi chứ không có câu trả lời chung cho mọi người.

TIẾT 15. NHẬN DIỆN KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG VỚI SỰ THAY ĐỔI

Kết nối hai tiết (3'): Hai tiết vừa rồi lớp đã đối diện với một thay đổi rất mới là sống cùng máy biết viết. Tiết này lớp học nội dung thứ tư của mặt tâm lí: thích ứng với mọi thay đổi đang tới.

Nhiệm vụ 2.7. Quân đã thích ứng với hoàn cảnh mới bằng cách nào (20')

a) Mục tiêu: Chia sẻ được những tình huống thích ứng mà bản thân đã trải qua; chỉ ra được các biểu hiện thích ứng của một nhân vật trong trường hợp cụ thể.

b) Nội dung: Trường hợp ở hoạt động 4 sách giáo khoa trang 18: Quân chuyển đến trường mới, đường đi xa hơn, bố mẹ đi làm cả ngày không về nhà buổi trưa như trước, lớp có nhiều bạn học giỏi nhất là môn Tiếng Anh; Quân tìm hiểu đường giao thông để kịp đưa em đi học và đến trường đúng giờ, sắp xếp thời gian và phân công em cùng làm việc nhà, chủ động hỏi thầy cô và các bạn khi chưa hiểu bài, tự đọc và nghe thêm để rèn nghe nói tiếng Anh, tích cực tham gia hoạt động tập thể ở lớp, trường và khu dân cư để làm quen. Trước đó lớp chia sẻ theo ba hướng gợi ý là thay đổi về môi trường sống, ở môi trường học tập và trong quan hệ gia đình.

c) Sản phẩm: Bảng hai cột của nhóm: khó khăn Quân gặp và việc Quân đã làm để thích ứng, có ít nhất bốn cặp; kèm một tình huống thích ứng của chính học sinh ghi vào mục B Phụ lục 1.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2'): Giáo viên phát bản in trường hợp của Quân, nêu ba hướng gợi ý để mỗi em nhớ lại một thay đổi mình từng trải qua, và giao nhiệm vụ lập bảng hai cột.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Các nhóm lập bảng hai cột, mỗi cá nhân viết thêm tình huống của mình. Giáo viên nhắc các nhóm chú ý cả những việc nhỏ như tìm hiểu đường đi, vì thích ứng thường bắt đầu từ những việc nhỏ như thế.

3. Báo cáo, thảo luận (5'): Ba nhóm trình bày bảng. Lớp bổ sung và cùng đếm xem Quân đã xử lí được mấy khó khăn trong số các khó khăn mà hoàn cảnh mới đặt ra.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Quân không chờ hoàn cảnh dễ đi, bạn ấy đổi cách sống của mình cho vừa với hoàn cảnh. Đáng chú ý là Quân xử lí cả ba mặt cùng lúc: việc đi lại, việc nhà và việc học, chứ không bỏ mặc mặt nào.

Nhiệm vụ 2.8. Biểu hiện của người có khả năng thích ứng (22')

a) Mục tiêu: Xác định được những biểu hiện của người có khả năng thích ứng với sự thay đổi và sắp xếp được các biểu hiện ấy theo trình tự từ nhận biết đến hành động.

b) Nội dung: Các biểu hiện ở hoạt động 4 sách giáo khoa trang 18 và trang 19: nhận biết được những đặc điểm mới, khác biệt so với trước kia qua quan sát và giao tiếp; bình tĩnh chấp nhận sự thay đổi; sẵn sàng học hỏi và thay đổi quan điểm, thói quen cũ cho phù hợp hoàn cảnh; dự đoán tình huống có thể xảy ra nếu không thay đổi hành vi; xác định những điều cần điều chỉnh hoặc bổ sung; lựa chọn những điều cần ưu tiên thay đổi; tìm cách điều chỉnh hoặc thay đổi hành vi phù hợp với yêu cầu mới; chủ động tham gia hoạt động cộng đồng và thiết lập quan hệ thân thiện với người xung quanh; chủ động học hỏi và tìm hiểu điều mới; thể hiện thái độ và suy nghĩ tích cực về những điều khác biệt; đánh giá sự điều chỉnh đã phù hợp hay chưa phù hợp với sự thay đổi.

c) Sản phẩm: Sơ đồ ba chặng của nhóm trên giấy A3: nhận biết và chấp nhận, quyết định điều chỉnh, hành động và đánh giá lại; mỗi chặng xếp đúng các biểu hiện tương ứng.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3’): Giáo viên phát mỗi nhóm một bộ thẻ đã ghi sẵn từng biểu hiện, nêu nhiệm vụ: xếp các thẻ thành ba chặng theo trình tự tự nhiên của một quá trình thích ứng.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10’): Các nhóm xếp thẻ thành sơ đồ ba chặng rồi dán lên A3. Giáo viên hỏi các nhóm xếp xong sớm một câu: chặng nào của các em có ít thẻ nhất, và điều đó nói lên gì.

3. Báo cáo, thảo luận (6’): Ba nhóm treo sơ đồ. Lớp so sánh cách xếp khác nhau, đặc biệt ở chỗ thẻ bình tĩnh chấp nhận sự thay đổi nên nằm ở chặng một hay chặng hai.

4. Kết luận, nhận định (3’): GV chốt: Thích ứng không phải một hành động mà là một chuỗi. Chặng cuối là đánh giá lại xem điều chỉnh đã phù hợp chưa, đây là chặng hay bị bỏ nhất và cũng là chặng làm người ta lặp lại sai lầm cũ trong lần thay đổi tiếp theo.

TIẾT 16. THỂ HIỆN SỰ TRƯỞNG THÀNH TRONG CUỘC SỐNG

Kết nối hai tiết (3’): Sáu tiết vừa qua lớp đã gọi được tên bốn mặt của sự trưởng thành. Từ tiết này, phần rèn luyện bắt đầu: các em phải làm thật chứ không chỉ nói ra được.

Nhiệm vụ 2.9. Sắm vai hai tình huống của người trưởng thành (20’)

a) Mục tiêu: Thể hiện được cách ứng xử của người trưởng thành trong hai tình huống có sức ép: một tình huống với pháp luật và một tình huống với tập thể.

b) Nội dung: Hai tình huống ở hoạt động 5 sách giáo khoa trang 19. Tình huống 1: em vi phạm luật giao thông, công an yêu cầu dừng xe và lập biên bản, em sẽ ứng xử như thế nào. Tình huống 2: em nhận nhiệm vụ tổ chức hoạt động thiện nguyện tại địa phương, các bạn trong nhóm nghi ngờ khả năng tổ chức và điều hành nhóm của em, không cảm thấy thoải mái khi hợp tác cùng em; em sẽ làm gì để thể hiện sự trưởng thành của bản thân.

c) Sản phẩm: Hai kịch bản sắm vai, mỗi kịch bản khoảng tám lượt lời, kèm một dòng ghi rõ chi tiết nào trong kịch bản cho thấy nhân vật đã trưởng thành.

d) Tổ chức thực hiện

- 1. Chuyển giao nhiệm vụ (2'):** Giáo viên phát bản in hai tình huống, chia sáu nhóm và bốc thăm, mỗi tình huống ba nhóm; nêu yêu cầu kịch bản phải có cả lời của phía bên kia.
- 2. Thực hiện nhiệm vụ (10'):** Các nhóm viết kịch bản và tập sắm vai. Giáo viên nhắc tình huống 1 kiểm tra thái độ trước pháp luật, tình huống 2 kiểm tra cách giữ bình tĩnh khi bị nghi ngờ năng lực; hai việc cần hai cách ứng xử khác nhau.
- 3. Báo cáo, thảo luận (5'):** Hai nhóm lên sắm vai, mỗi tình huống một nhóm. Lớp nhận xét theo một câu hỏi duy nhất: chi tiết nào cho thấy nhân vật đã trưởng thành, chứ không chỉ là cãi giỏi.
- 4. Kết luận, nhận định (3'):** GV chốt: Ở tình huống đầu, trưởng thành là nhận lỗi và chấp hành, không xin xỏ cũng không cãi bừa. Ở tình huống sau, trưởng thành là không tự ái mà hỏi các bạn cụ thể lo điều gì, rồi chứng minh bằng một việc làm được ngay.

Nhiệm vụ 2.10. Kế hoạch một việc thể hiện sự trưởng thành (22')

- a) Mục tiêu:** Đề xuất và lập được kế hoạch thực hiện một việc mà bản thân dự định làm để thể hiện sự trưởng thành trong gia đình hoặc ngoài xã hội.
- b) Nội dung:** Theo yêu cầu thứ hai của hoạt động 5 sách giáo khoa trang 19, sách gợi ý ba hướng: chăm sóc và dạy em nhỏ trong gia đình; tổ chức hoạt động tập thể của lớp; tổ chức sinh nhật cho thiếu niên, nhi đồng trong dịp hè. Mỗi học sinh chọn một việc và lập kế hoạch nhỏ gồm việc làm, thời gian, người cùng làm và dấu hiệu cho thấy đã làm được.
- c) Sản phẩm:** Kế hoạch cá nhân ở bảng D1 Phụ lục 1, có ít nhất một việc kèm thời hạn cụ thể trong vòng bốn tuần và một dấu hiệu người khác nhìn vào là biết đã làm.
- d) Tổ chức thực hiện**
 - 1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'):** Giáo viên nêu ba hướng gợi ý ở trang 19 và cho thêm hai hướng gần với lớp mình, sau đó hướng dẫn cách điền bảng D1.
 - 2. Thực hiện nhiệm vụ (10'):** Học sinh điền bảng kế hoạch. Giáo viên đi một vòng, tập trung giúp các em viết dấu hiệu còn chung chung bằng câu hỏi: người trong nhà nhìn vào đâu thì biết em đã làm.
 - 3. Báo cáo, thảo luận (6'):** Học sinh trao đổi kế hoạch theo cặp, mỗi em nhận xét kế hoạch của bạn theo hai câu hỏi: việc này có làm được trong bốn tuần không và dấu hiệu đã rõ chưa.
 - 4. Kết luận, nhận định (3'):** GV chốt: Sự trưởng thành không chứng minh bằng lời nói mà bằng một việc có thời hạn và có người khác nhìn thấy kết quả. Bốn tuần tới là thời gian để các em chứng minh.

TIẾT 17. GIỚI THIỆU ĐAM MÊ CỦA BẢN THÂN

Kết nối hai tiết (3'): Kế hoạch ở tiết trước là một việc làm cụ thể. Tiết này lớp nói về thứ có thể theo các em rất lâu sau khi rời trường: đam mê của chính mình.

Nhiệm vụ 2.11. Giới thiệu đam mê và quá trình theo đuổi (42')

- a) Mục tiêu:** Giới thiệu được đam mê của bản thân và quá trình theo đuổi đam mê ấy; kết nối được với những bạn có cùng đam mê để chia sẻ và hỗ trợ nhau.

b) Nội dung: Bốn nội dung gợi ý ở hoạt động 6 sách giáo khoa trang 19 và trang 20: lĩnh vực đam mê; lí do đam mê; những việc đã và đang làm để thực hiện đam mê; những thay đổi của bản thân khi theo đuổi đam mê. Sách gợi ý hình thức thuyết trình hoặc đoạn phim ngắn; ở điều kiện lớp mình, học sinh trình bày bằng một tờ áp phích A4 vẽ tay kèm lời nói. Sau phần giới thiệu, lớp gom những bạn cùng lĩnh vực thành nhóm.

c) Sản phẩm: Áp phích A4 giới thiệu đam mê của mỗi học sinh đủ bốn nội dung; danh sách các nhóm cùng đam mê của lớp kèm một việc mà mỗi nhóm hẹn nhau cùng làm trong học kì.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5’): Giáo viên phát giấy A4 và bút màu, viết bốn nội dung bắt buộc lên bảng và nêu quy ước: mỗi em nói không quá hai phút, nội dung thứ ba phải có việc đã làm chứ không chỉ là dự định.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18’): Học sinh làm áp phích cá nhân. Giáo viên đi một vòng, giúp các em chưa gọi tên được đam mê bằng câu hỏi: việc gì làm em quên cả giờ giấc, và việc gì em vẫn làm dù không ai bảo và không được điểm.

3. Báo cáo, thảo luận (14’): Học sinh treo áp phích quanh lớp và đi xem một vòng, sau đó tám em xung phong giới thiệu trước lớp. Giáo viên gom các em cùng lĩnh vực thành nhóm và cho mỗi nhóm hẹn nhau một việc cùng làm.

4. Kết luận, nhận định (5’): GV chốt: Đam mê không cần to tát và cũng không cần trùng với nghề tương lai. Điều đáng quý ở các áp phích hôm nay nằm ở nội dung thứ tư: mỗi em đều đã đổi khác đi một chút vì thứ mình theo đuổi.

TIẾT 18. RÈN LUYỆN Ý CHÍ CỦA BẢN THÂN

Kết nối hai tiết (3’): Đam mê giới thiệu ở tiết trước sẽ có lúc gặp trở ngại. Tiết này lớp rèn thứ giữ mình lại lúc ấy: ý chí.

Nhiệm vụ 2.12. Thể hiện ý chí trong hai trường hợp khó (42’)

a) Mục tiêu: Thể hiện được ý chí của bản thân trong hai trường hợp có trở ngại; lựa chọn được một việc cần thể hiện ý chí của chính mình và nêu được cách duy trì ý chí khi thực hiện.

b) Nội dung: Hai trường hợp ở hoạt động 7 sách giáo khoa trang 20. Trường hợp 1: Tiến đặt mục tiêu điểm thi tốt nghiệp môn Ngữ văn phải đạt tối thiểu là 7 điểm, nhưng kết quả học tập hiện tại môn này lại không như mong muốn. Trường hợp 2: Ngọc là thành viên đội tuyển điền kinh của trường, việc tập luyện được tổ chức hằng tuần và phải duy trì chạy đường dài thường xuyên; ngoài lịch học khá dày Ngọc còn phải làm việc nhà, và bố mẹ không đồng ý việc bạn tham gia đội tuyển. Sau khi sắm vai, mỗi học sinh chọn một việc của mình cần thể hiện ý chí và lập kế hoạch thực hiện.

c) Sản phẩm: Hai kịch bản sắm vai của các nhóm; bảng cách duy trì ý chí do cả lớp gom lại; kế hoạch một việc cần thể hiện ý chí của mỗi học sinh ở mục B Phụ lục 1.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5'): Giáo viên phát bản in hai trường hợp, chia sáu nhóm và bốc thăm; lưu ý trường hợp 1 là trở ngại từ chính năng lực còn trường hợp 2 là trở ngại từ hoàn cảnh và từ người thân, nên cách vượt qua sẽ khác nhau.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18'): Các nhóm viết kịch bản và tập sắm vai; sau đó mỗi em viết kế hoạch một việc của mình. Giáo viên nhắc riêng các nhóm làm trường hợp 2 rằng thuyết phục bố mẹ cũng là một phần của ý chí, không phải cứ làm lên là kiên định.

3. Báo cáo, thảo luận (14'): Bốn nhóm sắm vai. Sau mỗi lượt, lớp rút ra một cách duy trì ý chí và giáo viên ghi lên bảng thành danh sách chung: chia mục tiêu lớn thành mốc nhỏ, tìm người cùng làm, ghi lại tiến bộ, tự thưởng khi đạt mốc.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Ý chí không phải là gồng lên chịu đựng. Trong hai trường hợp vừa xem, cách hiệu quả nhất đều là chia mục tiêu thành mốc nhỏ và tìm được người đứng về phía mình. Đặt mục tiêu bảy điểm mà không chia thành từng tuần thì mục tiêu ấy chỉ là mong ước.

TIẾT 19. THỂ HIỆN KHẢ NĂNG TƯ DUY ĐỘC LẬP

Kết nối hai tiết (3'): Tiết trước lớp giữ được mục tiêu của mình trước trở ngại. Tiết này giữ được cách nghĩ của mình trước lời khuyên của người khác, kể cả người thân.

Nhiệm vụ 2.13. Tranh biện hai nhận định quen thuộc (20')

a) Mục tiêu: Thể hiện được tư duy độc lập khi tranh biện về hai nhận định thường được nghe trong đời sống học đường.

b) Nội dung: Hai nhận định ở hoạt động 8 sách giáo khoa trang 21. Nhận định thứ nhất: nên chọn nghề nghiệp theo lời khuyên của bố mẹ hơn là theo sở thích, khả năng của bản thân. Nhận định thứ hai: chỉ nên chơi với những bạn giỏi hơn mình vì gần mực thì đen, gần đèn thì rạng. Mỗi nhận định do hai nhóm tranh biện ở hai phía.

c) Sản phẩm: Biên bản tranh biện cho hai nhận định, mỗi nhận định có ba lí lẽ mỗi phía và một câu kết luận có điều kiện của lớp.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2'): Giáo viên viết hai nhận định lên bảng, chia bốn nhóm cho hai nhận định và cử thư kí; nêu luật: không được bác bỏ mà không đưa lí lẽ thay thế.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Các nhóm chuẩn bị lí lẽ. Giáo viên gọi mở cho nhóm bảo vệ nhận định thứ nhất rằng bố mẹ có kinh nghiệm sống và hiểu hoàn cảnh gia đình, đó là những căn cứ thật chứ không phải chỉ là áp đặt.

3. Báo cáo, thảo luận (5'): Hai cặp nhóm tranh biện lần lượt, mỗi cặp ba lượt. Thư kí ghi biên bản lên bảng.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Cả hai nhận định đều sai ở chỗ tuyệt đối hoá. Lời khuyên của bố mẹ là dữ liệu quý phải nghe, nhưng người đi làm nghề ấy suốt đời là các em. Bạn giỏi hơn giúp mình tiến, nhưng tình bạn không phải một phép tính lợi hại.

Nhiệm vụ 2.14. Xử lí ba tình huống đòi hỏi tư duy độc lập (22')

a) Mục tiêu: Sắm vai xử lí được ba tình huống mà người trong cuộc chịu sức ép từ bạn bè hoặc từ gia đình, thể hiện được cách quyết định dựa trên kiểm chứng chứ không theo số đông.

b) Nội dung: Ba tình huống ở hoạt động 8 sách giáo khoa trang 21. Tình huống 1: Phúc và Nhân đều là bạn của Thanh, hai bạn có mâu thuẫn; Phúc nói Nhân ích kỉ và đề nghị Thanh cắt đứt tình bạn với Nhân, nếu không thì Phúc cũng chấm dứt tình bạn với Thanh. Tình huống 2: gia đình Liên khó khăn, hàng xóm giới thiệu một công việc làm thêm qua mạng lương cao, bố mẹ Liên rất mừng và hối thúc bạn nhận lời, nhưng Liên đọc báo và biết có nhiều người bị lừa khi tìm việc làm thêm. Tình huống 3: Mai rủ Hùng tham gia câu lạc bộ ngoại khoá vì phù hợp đam mê của Hùng, còn Tuấn lại rủ Hùng đi làm thêm để có tiền mua đồ yêu thích; cả hai đều đưa ra lợi ích để thuyết phục Hùng.

c) Sản phẩm: Ba kịch bản sắm vai kèm bảng ba cột cho mỗi tình huống: sức ép đến từ đâu, thông tin cần kiểm chứng thêm, quyết định và lí do.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3’): Giáo viên phát bản in ba tình huống, giao mỗi tình huống cho hai nhóm; nhấn mạnh yêu cầu cột thứ hai là chỗ thể hiện tư duy độc lập rõ nhất.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10’): Các nhóm điền bảng ba cột rồi dựng kịch bản ngắn. Giáo viên gợi ý tình huống 2 rằng việc cần kiểm chứng là nơi tuyển có địa chỉ thật không, có yêu cầu nộp tiền trước không và có đòi ảnh giấy tờ tùy thân không.

3. Báo cáo, thảo luận (6’): Ba nhóm sắm vai, mỗi tình huống một nhóm, sau đó đọc bảng ba cột của mình. Lớp bổ sung thông tin cần kiểm chứng mà nhóm bỏ sót.

4. Kết luận, nhận định (3’): GV chốt: Cả ba tình huống đều có một điểm chung là người khác quyết hộ mình. Tư duy độc lập không phải là làm ngược lại, mà là dừng lại kiểm chứng trước khi gật đầu. Riêng tình huống của Liên, việc đòi ảnh giấy tờ tùy thân chính là dấu hiệu đáng ngờ mà các em đã học cách nhận ra ở tiết 13.

TIẾT 20. KẾ HOẠCH RÈN LUYỆN BẢN THÂN VÀ TỔNG KẾT CHỦ ĐỀ

Kết nối hai tiết (3’): Mười tiết vừa qua lớp đã đi hết bốn mặt: ý chí, đam mê, tư duy độc lập và khả năng thích ứng. Tiết cuối gói tất cả vào một bản kế hoạch cho chặng đường sắp tới.

Thay đổi	Những việc cần làm để thích ứng
Sống xa gia đình	<ul style="list-style-type: none"> – Tập nấu các món ăn đơn giản, đủ dinh dưỡng và phù hợp khả năng tài chính. – Biết cách chăm sóc bản thân: đảm bảo dinh dưỡng, sử dụng đúng thuốc khi đau ốm,... – Tập thể dục để nâng cao sức khoẻ. – Lập kế hoạch chi tiêu phù hợp với số tiền mình có. – Biết sử dụng tài khoản ngân hàng. – ...

Bảng mẫu thay đổi và những việc cần làm để thích ứng — SGK trang 22

Hoạt động 3. Luyện tập – Liệt kê thay đổi và những việc cần làm để thích ứng (20’)

a) Mục tiêu: Liệt kê được những thay đổi đang và sẽ diễn ra trong cuộc sống của bản thân; chỉ ra được những việc cần làm để thích ứng với từng thay đổi ấy.

b) Nội dung: Ba trường hợp ở hoạt động 9 sách giáo khoa trang 21 và trang 22 làm mẫu: Minh thay đổi nguyện vọng ngành học nên cần đổi một số môn học thêm trong khi chỉ còn vài tháng đến kì thi; Tùng đến sống cùng ông bà khi bố mẹ đi làm xa, phải đi học xa hơn, đường truyền internet không ổn định và ông bà đã già thường ốm đau; Chiến chuẩn bị thi đại học và có thể sẽ sống xa gia đình, biết môi trường đại học nhiều thay đổi và phải tự làm mọi việc. Bảng mẫu ở trang 22 lấy thay đổi Sống xa gia đình làm ví dụ với năm việc cần làm. Mỗi học sinh làm bảng tương tự cho chính mình.

c) Sản phẩm: Bảng hai cột của mỗi học sinh ở mục D2 Phụ lục 1, có ít nhất ba thay đổi và mỗi thay đổi kèm ba việc cần làm.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3’): Giáo viên chiếu bảng mẫu ở trang 22, chỉ ra rằng năm việc cần làm cho một thay đổi đều rất cụ thể và làm được ngay, không có việc nào chung chung.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10’): Học sinh làm bảng hai cột cho chính mình. Giáo viên đi một vòng, nhắc các em mới ghi được một thay đổi hãy nghĩ thêm về ba trường hợp của Minh, Tùng và Chiến vừa đọc.

3. Báo cáo, thảo luận (4’): Bốn học sinh đọc bảng của mình theo bốn kiểu thay đổi khác nhau. Lớp bổ sung việc cần làm cho nhau.

4. Kết luận, nhận định (3’): GV chốt: Thay đổi lớn nhất đang chờ cả lớp là ngày rời khỏi ngôi trường này. Bảng vừa làm không phải bài tập nộp cho thầy cô mà là bản chuẩn bị cho chính các em.

Hoạt động 4. Vận dụng – Kế hoạch rèn luyện bốn mặt và tự đánh giá chủ đề (22’)

a) Mục tiêu: Lập được kế hoạch rèn luyện phẩm chất ý chí, sự đam mê, tư duy độc lập và khả năng thích ứng của bản thân; theo dõi và báo cáo được kết quả thực hiện kế hoạch đó.

b) Nội dung: Bốn nhiệm vụ ở hoạt động 10 sách giáo khoa trang 22 và trang 23: lập kế hoạch với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn sắp xếp theo thứ tự ưu tiên, liệt kê vấn đề cần ưu tiên và dự kiến kết quả sau từng khoảng thời gian; thực hiện kế hoạch; ghi chép theo dõi quá trình và sự thay đổi của bản thân; phân tích và báo cáo kết quả theo ba gợi ý ở trang 23 là đánh giá kết quả cùng điểm mạnh và tồn tại, xác định nguyên nhân của phần chưa thành công, điều chỉnh kế hoạch để tiếp tục rèn luyện. Sau đó mỗi em hoàn thành phiếu tự đánh giá theo chín tiêu chí ở khung đánh giá cuối chủ đề trang 23 với hai mức Đạt hoặc Chưa đạt.

c) Sản phẩm: Kế hoạch rèn luyện bốn mặt ở bảng D3 Phụ lục 1; nhật kí bốn tuần mỗi tuần một dòng; phiếu tự đánh giá chín tiêu chí đã đánh dấu, nộp lại vào tiết sinh hoạt lớp cuối tháng.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3’): Giáo viên chiếu chín tiêu chí ở khung đánh giá cuối chủ đề trang 23, giải thích từng tiêu chí bằng đúng sản phẩm mà lớp đã làm trong mười một tiết vừa qua.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Học sinh điền bảng kế hoạch D3 cho cả bốn mặt và đánh dấu phiếu tự đánh giá, ghi kèm tên sản phẩm chứng minh cho mỗi tiêu chí chọn mức Đạt.

3. Báo cáo, thảo luận (6'): Bốn học sinh chia sẻ kế hoạch của mình và một tiêu chí chưa đạt. Lớp góp ý cách làm tiếp, đặc biệt với các bạn đặt mục tiêu quá lớn cho bốn tuần.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Chủ đề khép lại nhưng kế hoạch rèn luyện thì chạy tiếp bốn tuần và có thể lâu hơn. Nhật kí và phiếu tự đánh giá là căn cứ để đánh giá thường xuyên, còn phần điều chỉnh kế hoạch mới là chỗ cho thấy các em đã thật sự trưởng thành.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

PHỤ LỤC 1. PHIẾU HỌC TẬP CHỦ ĐỀ 2 – DÙNG XUYỀN SUỐT CHỦ ĐỀ

Họ và tên: Lớp: Nhóm:

A. CÂU HỎI MỞ ĐẦU

1. So với đầu năm lớp 10, em thấy mình khác đi ở điểm nào rõ nhất?
2. Ở nhà và ở lớp, việc gì trước kia bố mẹ hoặc thầy cô làm hộ mà nay em tự làm?
3. Điều gì khiến em thấy mình vẫn còn chưa đủ lớn?

B. PHIẾU KIẾN THỨC CHỦ ĐỀ 2

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ hoặc trường hợp minh họa	Rút ra điều gì?
Gợi ý cách ghi →	Ghi ý chính trong SGK, 1–2 câu ngắn.	Nêu một trường hợp trong sách hoặc chuyện thật của em.	Viết một câu kết luận hoặc liên hệ bản thân.
1. Ba mặt trưởng thành của cá nhân			
2. Biểu hiện của phẩm chất ý chí và sự đam mê			
3. Đặc điểm của người có tư duy độc lập			
4. Biểu hiện của khả năng thích ứng với sự thay đổi			
5. Quyền và trách nhiệm công dân của bản thân			

Tự soi ba mặt trưởng thành (làm ở tiết 10, đánh dấu X vào một mức):

Mặt trưởng thành	Biểu hiện em chọn để tự soi	Đã vững	Đang tập	Chưa bắt đầu
Thể chất				
Tâm lí				
Xã hội				

Liên hệ bản thân (viết dần qua các tiết):

- Ý chí của em thể hiện rõ nhất khi:
- Một tình huống em đã phải thích ứng:
- Việc em chọn để thể hiện ý chí và kế hoạch thực hiện:

C. MINH CHỨNG NĂNG LỰC SỐ – AI

C1. Rà soát thông tin cá nhân của em (làm ở tiết 13)

Phiếu này là của riêng em. Thầy cô không thu và không đọc. Khi chia sẻ trước lớp, em chỉ nói tên nhóm thông tin, không nói nội dung cụ thể.

Công khai được	Chỉ chia sẻ với người quen	Tuyệt đối không chia sẻ

Ba mục em quyết định khoá hoặc gỡ ngay:

Mục cần khoá hoặc gỡ	Đang để ở mức nào	Nếu để công khai thì rủi ro là gì
1.		
2.		
3.		

C2. Máy mô tả em có đúng không (làm ở tiết 14)

Đọc bản mô tả điểm mạnh mà phần mềm trí tuệ nhân tạo viết cho bạn M, đối chiếu với phiếu tự soi ba mặt trưởng thành ở mục B rồi điền bảng dưới đây.

Máy nói gì	Sự thật ra sao	Vì sao máy đoán sai
1.		
2.		
3.		

Câu hỏi cuối: muốn máy mô tả đúng hơn thì phải đưa thêm dữ liệu thật về mình. Em có đồng ý làm việc đó không? Vì sao?

.....

.....

D. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

D1. Kế hoạch một việc thể hiện sự trưởng thành (làm ở tiết 16)

Việc em sẽ làm	Thời gian thực hiện	Người cùng làm hoặc hỗ trợ	Dấu hiệu cho thấy em đã làm được

D2. Thay đổi trong cuộc sống của em và việc cần làm để thích ứng (làm ở tiết 20)

Thay đổi đang và sẽ diễn ra	Những việc cần làm để thích ứng

D3. Kế hoạch rèn luyện bốn mặt của bản thân (làm ở tiết 20)

Mặt cần rèn luyện	Mục tiêu (ngắn hạn hoặc dài hạn)	Việc làm cụ thể	Thời gian	Kết quả dự kiến
Phẩm chất ý chí				
Sự đam mê				
Tư duy độc lập				
Khả năng thích ứng				

PHỤ LỤC 2. ĐÁP ÁN NGẮN – GIÁO VIÊN NHÌN NHANH

1. Gợi ý đáp án phiếu kiến thức (tham khảo)

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ hoặc trường hợp	Rút ra điều gì?
1. Ba mặt trưởng thành của cá nhân	Trang 16 chia biểu hiện trưởng thành thành ba mặt: thể chất, tâm lí và xã hội. Mặt tâm lí gồm bốn nội dung là ý chí, đam mê, tư duy độc lập và khả năng thích ứng.	Mặt thể chất: tăng chiều cao, thay đổi cân nặng, thay đổi giọng nói. Mặt xã hội: nhận biết và thực hiện quyền cùng trách nhiệm công dân, chủ động thiết lập quan hệ xã hội, làm tròn vai trong gia đình, tổ chức được cuộc sống cá nhân. Ví dụ về bạn V ở trang 16 minh hoạ cho cả ba mặt.	Mặt thể chất đến theo tuổi, hai mặt còn lại phải rèn mới có. Bốn nội dung của mặt tâm lí chính là bốn phần lớn của chủ đề.
2. Biểu hiện của phẩm chất ý chí và sự đam mê	Trang 17 nêu sáu biểu hiện của phẩm chất ý chí và năm biểu hiện của sự đam mê, lấy trường hợp của Khánh làm ngữ liệu.	Ý chí: xác định mục đích rõ ràng; độc lập ra quyết định và hành động; quyết đoán, kiên định; kiên trì vượt khó; kiên định từ chối hành vi trái mục đích; tự chủ, kiểm soát hành vi và cảm xúc. Đam mê: luôn nghĩ về điều yêu thích; có niềm vui và hào hứng; hào hứng trao đổi; dành nhiều thời gian, công sức; quyết tâm vượt rào cản. Khánh chơi bóng rổ từ năm học lớp 8.	Đam mê cho sức bật lúc đầu, ý chí giữ người ta lại lúc chán. Ranh giới giữa sở thích và con đường nằm ở chỗ vẫn làm khi đã hết hứng thú.
3. Đặc điểm của người có tư duy độc lập	Trang 17 cho hai ý kiến để tranh biện, trang 18 nêu bảy biểu hiện của tư duy độc lập.	Bảy biểu hiện: không lệ thuộc ý kiến người khác; biết lắng nghe ý kiến hợp lí; có cách nhìn riêng dựa trên quan sát và kinh nghiệm; biết tự đánh giá và kiểm chứng thông tin; bình tĩnh, không vội nghe theo; thu thập thông tin từ nhiều nguồn; phân tích được dấu hiệu bản chất.	Ba biểu hiện đầu giữ cho mình không bị cuốn theo, bốn biểu hiện sau dạy cách kiểm chứng. Thiếu về sau thì độc lập thành cứng đầu.
4. Biểu hiện của khả năng thích ứng với sự thay đổi	Trang 18 và trang 19 nêu các biểu hiện của người có khả năng thích ứng, từ nhận biết đặc điểm mới cho tới đánh giá lại sự điều chỉnh; trường hợp của Quân ở trang 18 là	Quân chuyển trường, đường xa hơn, bố mẹ đi làm cả ngày; bạn tìm hiểu đường giao thông, sắp xếp thời gian và phân công em làm việc nhà, chủ động hỏi thầy cô và các bạn, tự rèn	Thích ứng là một chuỗi ba chặng chứ không phải một hành động. Chặng đánh giá lại hay bị bỏ nhất và chính nó khiến người ta lặp lại sai

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ hoặc trường hợp	Rút ra điều gì?
	ngữ liệu.	nghe nói tiếng Anh, tham gia hoạt động tập thể ở lớp, trường và khu dân cư.	lắm cũ.
5. Quyền và trách nhiệm công dân của bản thân	Trang 16 đặt việc nhận biết quyền và trách nhiệm công dân, cùng ý thức thực hiện quyền và trách nhiệm ấy, vào nhóm biểu hiện trưởng thành về mặt xã hội.	Ở tuổi mười tám, quyền được bảo vệ thông tin cá nhân là quyền rất cụ thể. Bốn thứ hay bị đưa lên mạng nhất là ngày sinh đầy đủ, số điện thoại, địa chỉ nhà và ảnh giấy tờ tùy thân.	Làm chủ dữ liệu của mình là một phần của việc làm chủ cuộc đời mình, và cũng là trách nhiệm chứ không chỉ là quyền.

2. Ghi chú cho phần Năng lực số – AI ở Phụ lục 1

Phần C1 – cách xếp thường gặp và hợp lí: nhóm công khai được gồm tên gọi thân mật, lớp, sở thích chung, ảnh hoạt động tập thể có mặt nhiều người. Nhóm chỉ chia sẻ với người quen gồm ảnh cá nhân, tên trường kèm lịch học, tên người thân. Nhóm tuyệt đối không chia sẻ gồm ngày sinh đầy đủ, số căn cước công dân, ảnh giấy tờ tùy thân, số điện thoại, địa chỉ nhà, số tài khoản và mật khẩu.

Rủi ro – rủi ro cần chỉ ra cho ba mục đã chọn khoá: ghép ngày sinh với họ tên và trường thì đủ để mạo danh; ảnh giấy tờ tùy thân bị dùng để mở tài khoản hoặc vay tiền; địa chỉ nhà cộng với lịch học cho biết lúc nào nhà không có người.

Phần C2 – ba kiểu sai thường gặp của máy: nói chung chung đến mức đúng với bất cứ ai, ví dụ bạn ấy chăm chỉ và hoà đồng; khen quá lời vì được yêu cầu mô tả điểm mạnh; suy ra một tính cách từ một sở thích, ví dụ thích bóng rổ nên chắc là hướng ngoại và giỏi lãnh đạo. Nguyên nhân chung là máy đoán theo số đông vì thiếu dữ liệu của riêng người ấy.

Câu hỏi cuối – không có đáp án đúng duy nhất; chấp nhận cả hai phía miễn là học sinh nêu được cái được và cái mất. Phía đồng ý thường nói máy sẽ tư vấn hợp hơn; phía không đồng ý thường nói dữ liệu đã đưa lên thì không lấy lại được. Điều cần đạt là học sinh gọi ra được sự đánh đổi, không trả lời theo cảm tính.

Phiếu tự đánh giá phần này (dùng hai mức):

- Xếp được thông tin cá nhân vào đúng ba nhóm theo mức chia sẻ: Đạt hoặc Chưa đạt.
- Nêu được rủi ro cụ thể cho cả ba mục quyết định khoá hoặc gỡ: Đạt hoặc Chưa đạt.
- Chỉ ra được ba chỗ máy đoán sai và giải thích được nguyên nhân: Đạt hoặc Chưa đạt.
- Nêu được cả cái được và cái mất khi đưa thêm dữ liệu thật cho máy: Đạt hoặc Chưa đạt.

3. Lỗi thường gặp và gợi mở

Lỗi 1 – học sinh chỉ nêu được biểu hiện trưởng thành về thể chất vì đó là thứ dễ thấy nhất. Gợi mở: hỏi năm nay em được làm việc gì mà năm ngoái chưa được làm, và ai trong nhà đã bắt đầu hỏi ý kiến em.

Lỗi 2 – lẫn ý chí với đam mê, xếp mọi chi tiết của Khánh vào một cột. Gợi mở: đưa hai câu hỏi phân biệt, đam mê trả lời em thích gì còn ý chí trả lời em vẫn làm khi không còn thích.

Lỗi 3 – nhầm tư duy độc lập với bảo thủ, cho rằng cứ giữ ý kiến là độc lập. Gợi mở: hỏi lần gần nhất em đổi ý kiến của mình là khi nào và vì bằng chứng gì.

Lỗi 4 – phiếu rà soát thông tin cá nhân bị điền qua loa vì học sinh nghĩ mình chẳng có gì để mất. Gợi mở: hỏi nếu người lạ biết đúng trường, đúng lớp và đúng giờ tan học của em thì họ làm được gì.

Lỗi 5 – khi đối chiếu với máy, học sinh chỉ khen máy nói đúng vì bản mô tả toàn lời hay. Gợi mở: yêu cầu chỉ ra một câu trong bản mô tả mà đem áp cho bạn bên cạnh cũng vẫn đúng.

Lỗi 6 – kế hoạch rèn luyện đặt mục tiêu quá lớn cho bốn tuần, ví dụ trở thành người có ý chí. Gợi mở: yêu cầu đổi thành một việc đếm được trong tuần, ví dụ chạy ba buổi mỗi tuần hoặc học xong hai chuyên đề.

4. Bảng tiêu chí đánh giá

Tiêu chí	Đạt tốt	Đạt	Chưa đạt
Kiến thức, quy trình	Đúng và đủ ý; giải thích hoặc thao tác có dẫn chứng.	Đúng các ý hoặc bước chính.	Sai hoặc thiếu ý, bước cốt lõi.
Sản phẩm và dữ liệu	Rõ ràng, kiểm tra lại được nguồn; có nêu giới hạn và sai số.	Có sản phẩm và dẫn chứng cơ bản.	Chung chung, thiếu dẫn chứng hoặc đơn vị.
Năng lực số và AI (Phụ lục 3)	Đủ dữ liệu – chức năng – kết quả – người kiểm chứng.	Nêu đúng ứng dụng và bước kiểm tra.	Nhầm thiết bị thông thường là trí tuệ nhân tạo, hoặc tin tuyệt đối vào kết quả của máy.
Hợp tác, an toàn	Đúng vai, đúng giờ; trung thực và an toàn.	Hoàn thành nhiệm vụ cơ bản.	Thiếu phối hợp hoặc vi phạm an toàn.

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 2026
GIÁO VIÊN (Ký và ghi rõ họ tên)

SỞ GD&ĐT:

TRƯỜNG:

TỔ: TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 12

BỘ SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG — (Năm học 2026 - 2027)

CHỦ ĐỀ 3. HOÀN THIỆN BẢN THÂN

(Số tiết: 15 — tuần 7 đến tuần 12, tiết 21 đến tiết 25 và tiết 27 đến tiết 36)

Giáo viên: | Lớp: | Ngày dạy:

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức – yêu cầu cần đạt

Sau chủ đề này, học sinh:

- Nêu được các biểu hiện của tinh thần trách nhiệm, của sự trung thực và của việc tuân thủ nội quy, quy định của pháp luật trong đời sống.
- Thể hiện được tinh thần trách nhiệm và sự trung thực trong các nhiệm vụ được giao và trong đời sống hằng ngày.
- Rèn luyện được thói quen tuân thủ nội quy, quy định của pháp luật; chỉ ra được hạn chế của bản thân và biện pháp khắc phục.
- Nêu và thực hiện được cách thực hiện công việc theo kế hoạch, tuân thủ thời gian và thực hiện cam kết đề ra.
- Nêu được cách điều chỉnh cảm xúc và ứng xử hợp lý trong những tình huống giao tiếp khác nhau; điều chỉnh được cảm xúc của bản thân trong các tình huống cụ thể.
- Nêu được những việc cần làm khi lập kế hoạch phát triển tài chính cá nhân; lập và thực hiện được kế hoạch phát triển tài chính của bản thân trong điều kiện phù hợp.
- Có sản phẩm thể hiện sự thay đổi của bản thân sau khi tự hoàn thiện.

2. Năng lực

Năng lực trải nghiệm, hướng nghiệp: năng lực thích ứng với cuộc sống khi tập tổ chức cuộc sống cá nhân bằng kế hoạch và cam kết; năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động khi lập kế hoạch phát triển tài chính cá nhân theo tháng và theo dõi kết quả từng chặng.

Năng lực chung: tự chủ và tự học khi tự đặt cam kết rồi tự kiểm việc thực hiện; giao tiếp và hợp tác khi tham gia kịch tương tác và khi sắm vai điều chỉnh cảm xúc; giải quyết vấn đề và sáng tạo khi cân đối các nguồn thu để đạt mục tiêu tài chính đã đặt.

Năng lực số và AI (theo Phụ lục 3)

1.3.NC1b – quản lý dữ liệu, thông tin và nội dung số một cách có tổ chức. Cụ thể trong chủ đề này: học sinh lập trên phiếu giấy bảng kế hoạch tài chính cá nhân theo đúng cấu trúc của bảng ở sách giáo khoa gồm mục tiêu, biện pháp và kết quả theo mười hai tháng, sắp xếp các khoản theo thời gian, tự cộng dòng tổng và mỗi tuần tự đánh dấu mức hoàn thành cam kết vào cùng một bảng để theo dõi được cả chặng dài.

12.B2 – mức độ rủi ro khi dùng trí tuệ nhân tạo. Cụ thể trong chủ đề này: học sinh liệt kê ba rủi ro khi nhờ phần mềm trí tuệ nhân tạo quản lý chi tiêu là lộ dữ liệu cá nhân, số liệu trả về sai và dẫn phụ thuộc không tự tính được nữa; đối chiếu từng rủi ro với nội quy nhà trường về sử dụng thiết bị rồi nêu ba cách dùng an toàn.

Minh chứng: bảng kế hoạch phát triển tài chính cá nhân đã điền đủ mục tiêu, biện pháp và kết quả mười hai tháng kèm cột theo dõi hằng tuần; phiếu ba rủi ro và ba cách dùng an toàn; sản phẩm tự hoàn thiện bản thân của mỗi học sinh.

3. Phẩm chất

Trung thực: nói đúng sự thật kể cả khi bất lợi cho mình; nhận lỗi và nhận khuyết điểm mà không viện cớ.

Trách nhiệm: chủ động nhận việc và làm đến nơi đến chốn; giữ đúng cam kết đã đặt ra với người khác và với chính mình.

Yêu nước và trách nhiệm công dân: tự giác tuân thủ nội quy nhà trường và quy định của pháp luật ngay cả khi không có ai giám sát.

Chăm chỉ: kiên trì thực hiện kế hoạch đã lập, làm bù khi có việc phát sinh chứ không bỏ dở.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Giáo viên: sách giáo khoa Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống), trang 24–33 và sách giáo viên; tivi và một máy tính của lớp có nối Internet; giấy A3, giấy A4, bút màu, thước kẻ; bản in các trường hợp ở trang 26, trang 27, trang 28; bản in các tình huống ở trang 29, trang 30, trang 31; bản in phóng to bảng kế hoạch phát triển tài chính cá nhân của bạn Hồng ở trang 29 và bảng mẫu để trống ở trang 32, mỗi nhóm một tờ; bản in nội quy nhà trường phân quy định về sử dụng thiết bị; phiếu học tập ở Phụ lục 1; một đoạn phim ngắn về người giữ lời hứa để khởi động.

Học sinh: sách giáo khoa, vở, bút, thước kẻ; sổ tay hoặc tờ giấy ghi lại các khoản thu và chi của bản thân trong một tháng gần đây; thời gian biểu tuần mà em đang dùng.

Phương án dự phòng: khi mất điện hoặc mất mạng, giáo viên dùng bản in phóng to hai bảng kế hoạch tài chính đã chuẩn bị từ trước và bản in nội quy nhà trường; toàn bộ phần tính toán đều làm bằng bút và thước trên giấy nên không phụ thuộc thiết bị. Phần thảo luận về rủi ro của phần mềm trí tuệ nhân tạo dựa trên tình huống giả định đã in sẵn.

An toàn: chỉ giáo viên thao tác trên máy của lớp. Học sinh không nhập số liệu tài chính thật của gia đình mình vào bất kì phần mềm nào và không chia sẻ số tài khoản, mã xác thực với ai. Số liệu dùng khi luyện tập là số liệu giả định hoặc số liệu của chính em nhưng chỉ ghi trên phiếu riêng, không thu và không đọc trước lớp. Khi bàn về hoàn cảnh kinh tế gia đình, lớp giữ nguyên tắc không so sánh và không hỏi thêm nếu bạn không muốn kể.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Mạch bài: nhận diện ba phẩm chất nền → học cách giữ kế hoạch và cam kết → làm chủ cảm xúc khi giao tiếp → hiểu cách phát triển tài chính cá nhân → luyện từng phẩm chất bằng tình huống thật → lập kế hoạch tài chính của chính mình → tự hoàn thiện và trưng bày kết quả.

Tiết	Câu hỏi hoặc nội dung trung tâm	Sản phẩm nối tiếp	Thời gian
21	Bạn An và bạn Bích đã làm gì khi không ai nhìn thấy?	Bảng hai cột hành động của An và của Bích kèm phẩm chất tương ứng	45 phút
22	Trách nhiệm, trung thực, tuân thủ hiện ra qua biểu hiện nào?	Sơ đồ ba nhánh biểu hiện kèm ví dụ đời sống	45 phút
23	Vì sao kế hoạch của bạn Hiếu chạy được	Bảng năm cách thực hiện công việc	45 phút

Tiết	Câu hỏi hoặc nội dung trung tâm	Sản phẩm nổi tiếp	Thời gian
	suốt cả tuần?	theo kế hoạch	
24	Khi cảm xúc dâng lên thì làm gì trước tiên?	Sơ đồ ba chặng điều chỉnh cảm xúc và ứng xử	45 phút
25	Bạn Hồng đã gia tăng 5 triệu đồng bằng cách nào?	Bảng kế hoạch tài chính của Hồng được đọc lại và kiểm tra phép cộng	45 phút
27	Lập kế hoạch phát triển tài chính gồm những bước nào?	Sơ đồ năm bước lập kế hoạch phát triển tài chính cá nhân	45 phút
28	Nhặt được thẻ ngân hàng trên xe buýt thì xử lý ra sao?	Kịch tương tác về tình huống của bạn Sinh với năm ý kiến	45 phút
29	Điều gì đang cản trở em tuân thủ nội quy và pháp luật?	Phiếu ba cột hạn chế – nguyên nhân – biện pháp khắc phục	45 phút
30	Giữ kế hoạch hay chiều theo hoàn cảnh?	Hai phương án xử lý tình huống của Sơn và của Long	45 phút
31	Ba tình huống dễ mất bình tĩnh, em ứng xử thế nào?	Ba kịch bản sắm vai điều chỉnh cảm xúc	45 phút
32	Nhờ máy quản lý chỉ tiêu thì gặp rủi ro gì?	Phiếu ba rủi ro và ba cách dùng an toàn	45 phút
33	Việc phát triển tài chính của em thời gian qua đã ổn chưa?	Phiếu nhận xét ba mặt và mục tiêu tài chính mới của cá nhân	45 phút
34	Bảng kế hoạch tài chính của chính em gồm những gì?	Bảng kế hoạch phát triển tài chính cá nhân đã điền đủ mười hai tháng	45 phút
35	Kế hoạch của em có khả thi không?	Bảng kế hoạch đã hoàn thiện sau góp ý và cột theo dõi hằng tuần	45 phút
36	Sau chủ đề này em đã đổi khác ở chỗ nào?	Sản phẩm tự hoàn thiện bản thân và phiếu tự đánh giá chủ đề	45 phút

TIẾT 21. TRÁCH NHIỆM, TRUNG THỰC VÀ TUÂN THỦ QUA HAI TRƯỜNG HỢP

Hoạt động 1. Mở đầu – Khi không ai nhìn thấy (8')

a) Mục tiêu: Khơi lên nhu cầu bàn về ba phẩm chất nền của chủ đề và làm xuất hiện câu hỏi: điều gì giữ cho một người làm đúng khi không ai giám sát.

b) Nội dung: Giáo viên chiếu khung định hướng nội dung hoạt động ở sách giáo khoa trang 25, sau đó nêu một câu hỏi mở dựa trên bức tranh mở đầu chủ đề ở trang 24 có cảnh người dừng đèn đỏ ở ngã tư: nếu đường vắng và không có ai nhìn thấy, em có dừng không. Học sinh trả lời ba câu hỏi ở mục A của Phụ lục 1.

c) Sản phẩm: Ba câu trả lời ngắn của mỗi học sinh ở mục A Phụ lục 1; hai cột trên bảng lớp gồm những việc lớp thường làm đúng và những việc lớp hay châm chước cho mình.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (1'): Giáo viên phát Phụ lục 1, chiếu khung định hướng nội dung trang 25 và nêu câu hỏi mở đầu, yêu cầu mỗi em viết trong ba phút.

2. Thực hiện nhiệm vụ (3'): Học sinh viết cá nhân. Giáo viên đi một vòng, nhắc các em trả lời thật, vì phiếu này chỉ dùng để tự soi chứ không lấy điểm.

3. Báo cáo, thảo luận (3'): Năm học sinh đọc câu trả lời. Giáo viên gom lên bảng thành hai cột: việc lớp luôn làm đúng và việc lớp hay chầm chước, ví dụ đi tắt qua bãi cỏ, chép bài của bạn lúc vội.

4. Kết luận, nhận định (1'): GV chốt: Cột bên phải trên bảng chính là chỗ chủ đề này muốn thay đổi. Mười lăm tiết tới không dạy các em thuộc thêm quy định nào, mà tập cho các em giữ được mình lúc không ai nhìn.



Khung định hướng nội dung hoạt động trong chủ đề — SGK trang 25

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới và giải quyết vấn đề

a) Mục tiêu: Đi hết mười ba định hướng nội dung của chủ đề ở sách giáo khoa trang 25, từ ba phẩm chất nền đến việc thực hiện kế hoạch, điều chỉnh cảm xúc và phát triển tài chính cá nhân.

b) Nội dung: Mười tám nhiệm vụ nối tiếp nhau, trải từ tiết 21 đến tiết 36, tám mươi hoạt động của sách giáo khoa trang 26 đến trang 33.

c) Sản phẩm: Chuỗi sản phẩm ghi ở cột thứ ba của bảng mạch tiết phía trên; toàn bộ được lưu vào Phụ lục 1 của từng học sinh và giấy A3 của nhóm.

d) Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 2.1. Bạn An và bạn Bích đã làm gì (37')

a) Mục tiêu: Chỉ ra được hành động thể hiện tinh thần trách nhiệm và sự trung thực của bạn An; chỉ ra được ý thức tuân thủ nội quy, quy định của pháp luật của bạn Bích.

b) Nội dung: Hai trường hợp ở hoạt động 1 sách giáo khoa trang 26. Trường hợp thứ nhất: trên đường đi học, bạn An vô tình làm vỡ gương xe ô tô đang đỗ ven đường, tìm chủ nhân chiếc xe nhưng không thấy; để kịp giờ học, bạn để lại mẫu giấy xin lỗi kèm số điện thoại 090... và hứa sẽ đền bù thiệt hại. Trường hợp thứ hai: Bích thường chờ Cúc đi học bằng xe đạp điện, sáng nay gặp Hồng đang sửa xe và nhờ đi cùng, Bích lo Hồng muộn học nhưng vẫn phải từ chối; đến ngã tư gặp đèn đỏ, đường rất ít xe qua lại nên Cúc giục Bích vượt vì sợ bị ghi tên khi đến trường muộn, Bích vẫn kiên nhẫn chờ đèn xanh. Sau đó học sinh chia sẻ trường hợp tương tự của bản thân hoặc của người mình biết.

c) Sản phẩm: Bảng hai cột trên giấy A3 của nhóm: cột hành động của An và cột hành động của Bích, mỗi hành động ghi rõ thể hiện phẩm chất nào và vì sao; kèm một trường hợp có thật do học sinh kể, ghi ở mục B Phụ lục 1.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (4'): Giáo viên chia lớp thành sáu nhóm, phát bản in hai trường hợp và một tờ A3; nêu rõ mỗi hành động phải chỉ ra được thể hiện phẩm chất nào trong ba phẩm chất của chủ đề.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18'): Các nhóm gạch chân từng hành động rồi xếp vào bảng. Sau đó mỗi cá nhân viết một trường hợp có thật vào Phụ lục 1. Giáo viên gợi mở: chi tiết đáng chú ý ở An là bạn ấy hoàn toàn có thể đi luôn mà không ai biết; ở Bích là bạn ấy phải từ chối một lời nhờ chính đáng và phải chịu tiếng với bạn ngồi sau.

3. Báo cáo, thảo luận (10'): Ba nhóm treo bảng và trình bày. Lớp tranh luận một điểm: việc Bích từ chối chờ ba là tuân thủ pháp luật hay là thiếu tình bạn; giáo viên để hai luồng ý kiến cùng nói.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: An trung thực vì nhận việc mình làm dù không ai thấy, và có trách nhiệm vì để lại cách liên lạc chứ không hứa suông. Bích tuân thủ ở cả hai việc, và điều khó nhất là bạn ấy giữ đúng trong lúc bị người quen giục làm sai.

TIẾT 22. BIỂU HIỆN CỦA TRÁCH NHIỆM, TRUNG THỰC VÀ TUÂN THỦ

Kết nối hai tiết (3'): Hai trường hợp ở tiết trước cho thấy ba phẩm chất qua việc làm cụ thể. Tiết này lớp gọi tên chúng thành hệ thống để về sau tự soi mình cho dễ.

Nhiệm vụ 2.2. Ba nhánh biểu hiện và việc tự soi bản thân (42')

a) Mục tiêu: Xác định được những biểu hiện của tinh thần trách nhiệm, của sự trung thực và của việc tuân thủ nội quy, quy định của pháp luật trong đời sống; tự soi được mình theo ba nhánh đó.

b) Nội dung: Gợi ý ở hoạt động 1 sách giáo khoa trang 26 và trang 27. Tinh thần trách nhiệm có sáu biểu hiện: luôn chủ động thực hiện những công việc đảm nhận; luôn nỗ lực, cố gắng thực hiện nhiệm vụ của mình; biết lập kế hoạch thực hiện công việc; không viện cớ, bao biện để né tránh trách nhiệm; sẵn sàng chịu trách nhiệm về những việc mình làm; luôn giữ lời hứa. Sự trung thực có bốn biểu hiện: luôn tôn trọng sự thật và lẽ phải; khách quan trong tự đánh giá bản thân và người khác; dũng cảm nhận lỗi, khuyết điểm, sai lầm của bản thân; lời nói và hành động thống nhất với nhau. Việc tuân thủ có bốn biểu hiện: biết rõ các quy định của nội quy và pháp luật; thực hiện những điều đã quy định; không thực hiện những hành vi mà pháp luật không cho phép; tự giác tuân thủ.

c) Sản phẩm: Sơ đồ ba nhánh trên giấy A3 của nhóm, mỗi biểu hiện kèm một ví dụ đời sống học đường; phiếu tự soi cá nhân ở mục B Phụ lục 1 với ba mức thường xuyên, thỉnh thoảng, còn ít.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5'): Giáo viên vẽ khung sơ đồ ba nhánh lên bảng, phát A3 và nêu nhiệm vụ kép: nhóm dựng sơ đồ chung có ví dụ, mỗi cá nhân tự soi mình theo ba mức trên phiếu riêng.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18'): Các nhóm chép biểu hiện vào ba nhánh và thêm ví dụ, sau đó mỗi em điền phiếu tự soi. Giáo viên đi từng nhóm, yêu cầu các nhóm viết ví dụ chung chung đổi thành một việc có thời điểm cụ thể ở lớp mình.

3. Báo cáo, thảo luận (14'): Ba nhóm treo sơ đồ và trình bày, mỗi nhóm một nhánh. Lớp bổ sung ví dụ cho các biểu hiện còn trống và chỉ ra biểu hiện nào khó tìm ví dụ nhất.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Ba nhánh này khác nhau ở chỗ hướng về ai. Trách nhiệm hướng về công việc mình nhận, trung thực hướng về sự thật, tuân thủ hướng về quy định chung. Biểu hiện khó nhất của cả ba đều nằm ở chữ tự giác, tức là làm khi không ai nhắc.

TIẾT 23. THỰC HIỆN CÔNG VIỆC THEO KẾ HOẠCH VÀ GIỮ CAM KẾT

Kết nối hai tiết (3'): Sơ đồ ba nhánh ở tiết trước có một biểu hiện là biết lập kế hoạch thực hiện công việc. Tiết này đi sâu vào chính biểu hiện ấy, vì nó là chỗ trách nhiệm biến thành việc làm hằng ngày.

Nhiệm vụ 2.3. Cách bạn Hiếu giữ được kế hoạch của mình (42')

a) Mục tiêu: Nhận diện được những biểu hiện thực hiện công việc theo kế hoạch, tuân thủ thời gian và thực hiện cam kết; nêu được cách làm để giữ được kế hoạch của bản thân.

b) Nội dung: Trường hợp ở hoạt động 2 sách giáo khoa trang 27: Hiếu xây dựng kế hoạch hoạt động của từng tuần, trong đó có cả thời gian cho học tập, rèn luyện sức khỏe và lao động giúp đỡ gia đình; Hiếu cam kết với bố mẹ sẽ thực hiện được và không lãng phí thời gian vào những việc không cần thiết; Hiếu luôn cố gắng hoàn thành công việc trong thời gian đã dự định, nếu có việc phát sinh thì làm bù vào thời gian thích hợp để thực hiện đúng kế hoạch. Từ đó lớp rút ra năm cách mà sách gợi ý ở cùng trang: xác định điều kiện thực hiện từng công việc; cố gắng không để việc hôm nay sang những ngày sau; kiên định thực

hiện công việc trong kế hoạch và những cam kết đặt ra; điều chỉnh công việc cho phù hợp thực tiễn; quản lý thời gian theo thời lượng đã dự định.

c) Sản phẩm: Bảng năm cách của nhóm, mỗi cách kèm một câu trích từ trường hợp của Hiếu làm bằng chứng và một việc lớp mình sẽ áp dụng; thời gian biểu tuần của mỗi học sinh đã sửa lại theo năm cách đó.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5'): Giáo viên phát bản in trường hợp của Hiếu, yêu cầu học sinh lấy thời gian biểu tuần mình đang dùng ra để đối chiếu; chia lớp thành sáu nhóm.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18'): Các nhóm lập bảng năm cách kèm bằng chứng, sau đó mỗi em sửa lại thời gian biểu của mình. Giáo viên gợi mở: chi tiết đáng học nhất ở Hiếu là việc làm bù, vì kế hoạch nào cũng sẽ có lúc vỡ và chỗ khác nhau nằm ở cách xử lý lúc vỡ.

3. Báo cáo, thảo luận (14'): Bốn nhóm trình bày bảng. Lớp bàn tiếp một câu hỏi: giữa kiên định thực hiện kế hoạch và điều chỉnh cho phù hợp thực tiễn, làm sao biết lúc nào nên chọn cách nào.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Cam kết với bố mẹ như Hiếu làm là một cách tự ràng buộc mình, vì nói ra rồi thì khó bỏ hơn. Ranh giới giữa kiên định và cứng nhắc nằm ở chỗ điều chỉnh cách làm thì được, còn hạ mục tiêu xuống cho dễ đạt thì không.

TIẾT 24. ĐIỀU CHỈNH CẢM XÚC VÀ ỨNG XỬ HỢP LÝ KHI GIAO TIẾP

Kết nối hai tiết (3'): Giữ được kế hoạch đã khó, giữ được mình lúc bực bội còn khó hơn. Tiết này lớp bàn về việc điều chỉnh cảm xúc, thứ quyết định phần lớn chất lượng giao tiếp hằng ngày.

Nhiệm vụ 2.4. Kể lại một lần em đã giữ được bình tĩnh (20')

a) Mục tiêu: Kể lại được cách bản thân đã điều chỉnh cảm xúc và ứng xử hợp lý trong một tình huống giao tiếp cụ thể; nhận ra được điều gì giúp mình giữ được bình tĩnh lúc đó.

b) Nội dung: Theo yêu cầu thứ nhất của hoạt động 3 sách giáo khoa trang 28, mỗi học sinh kể lại một tình huống giao tiếp mà mình đã điều chỉnh được cảm xúc, theo bốn ý: chuyện gì xảy ra, lúc ấy em cảm thấy thế nào, em đã làm gì để không bùng lên, kết quả ra sao.

c) Sản phẩm: Câu chuyện bốn ý của mỗi học sinh ghi ở mục B Phụ lục 1; danh sách các cách giữ bình tĩnh do cả lớp gom lại trên bảng.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2'): Giáo viên nêu bốn ý cần có của câu chuyện và quy ước: không nêu tên người còn học cùng trường, dùng cách gọi chung như một bạn, một người lớn.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Học sinh viết câu chuyện rồi trao đổi theo cặp. Giáo viên đi một vòng, giúp các em chưa nhớ ra tình huống nào bằng gợi ý: lúc bị hiểu lầm, lúc bị nói oan, lúc bị chê trước đông người.

3. Báo cáo, thảo luận (5'): Năm học sinh kể chuyện của mình. Giáo viên ghi lên bảng cách giữ bình tĩnh mà mỗi em đã dùng, ví dụ im lặng đếm thầm, đi ra chỗ khác, hỏi lại cho rõ trước khi phản ứng.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Nhìn danh sách trên bảng, các em thấy mọi cách đều có chung một việc là tạo một khoảng dừng giữa lúc cảm xúc dâng lên và lúc mình nói ra. Khoảng dừng ấy dài hay ngắn không quan trọng bằng việc có nó.

Nhiệm vụ 2.5. Ba chặng điều chỉnh cảm xúc và ứng xử (22')

a) Mục tiêu: Xác định được cách điều chỉnh cảm xúc và ứng xử hợp lí trong những tình huống giao tiếp khác nhau; sắp xếp được các cách đó theo trình tự từ nhận biết đến ứng xử.

b) Nội dung: Tóm gọt ý ở hoạt động 3 sách giáo khoa trang 28: nhận biết được cảm xúc của bản thân trong tình huống; điều chỉnh cảm xúc, không để cảm xúc vượt ra khỏi tầm kiểm soát; giữ lại cảm xúc tích cực, chuyển hoá và loại trừ cảm xúc tiêu cực, không để cảm xúc tiêu cực chi phối hành động và lời nói; lựa chọn cách ứng xử phù hợp theo nguyên tắc tôn trọng người cùng giao tiếp; chú ý đến đặc điểm của người cùng giao tiếp và bối cảnh giao tiếp; đặt mình vào vị trí của người cùng giao tiếp để hiểu cảm xúc của họ; thể hiện thái độ, lời nói, hành vi giao tiếp đúng mực; quan tâm đến việc đem lại cảm xúc tích cực cho người cùng giao tiếp.

c) Sản phẩm: Sơ đồ ba chặng của nhóm trên giấy A3: nhận biết cảm xúc của mình, làm chủ cảm xúc, chọn cách ứng xử hướng về người kia; mỗi chặng xếp đúng các gợi ý tương ứng.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'): Giáo viên phát mỗi nhóm một bộ thẻ ghi sẵn tám gợi ý và nêu nhiệm vụ: xếp thành ba chặng theo trình tự tự nhiên của một lần giao tiếp có cảm xúc mạnh.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Các nhóm xếp thẻ rồi dán lên A3, ghi thêm cho mỗi chặng một câu nói mẫu. Giáo viên hỏi các nhóm xong sớm: trong ba chặng, chặng nào các em thường bỏ qua nhất.

3. Báo cáo, thảo luận (6'): Ba nhóm treo sơ đồ. Lớp so sánh cách xếp, đặc biệt ở chỗ thẻ đặt mình vào vị trí người cùng giao tiếp nên nằm ở chặng hai hay chặng ba.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Chặng một là biết mình đang giận, chặng hai là không để cái giận nói thay mình, chặng ba là quay sang nghĩ cho người đối diện. Ba chặng ấy đi theo đúng thứ tự thì lời nói ra mới vừa thật lòng vừa không làm hỏng việc.

TIẾT 25. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TÀI CHÍNH CỦA BẠN HỒNG

Kết nối hai tiết (3'): Ba nội dung đầu của chủ đề đều xoay quanh việc làm chủ bản thân. Tiết này bước sang nội dung thứ tư, cũng rất thực tế với người sắp rời nhà đi học xa: làm chủ đồng tiền của mình.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TÀI CHÍNH CÁ NHÂN
(Đơn vị: Triệu đồng)

Mục tiêu	Biện pháp	Kết quả												
		T1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Tổng
Gia tăng 5 triệu đồng/năm	Tiền thu được từ làm thêm							1,7	2,0					3,7
	Tiền lãi từ kinh doanh	0,3	0,3	0,3							0,3			1,2
	Tiền lãi gửi tiết kiệm												0,15	0,15
Số tiền gia tăng trong 12 tháng		0,3	0,3	0,3				1,7	2,0		0,3		0,15	5,05

Kế hoạch phát triển tài chính cá nhân của bạn Hồng, đơn vị triệu đồng — SGK trang 29

Nhiệm vụ 2.6. Đọc và kiểm lại bảng kế hoạch tài chính của bạn Hồng (42')

a) Mục tiêu: Đọc hiểu được một kế hoạch phát triển tài chính cá nhân đã hoàn chỉnh; kiểm tra được sự khớp nhau giữa mục tiêu, các biện pháp và dòng tổng của bảng.

b) Nội dung: Trường hợp và bảng ở hoạt động 4 sách giáo khoa trang 28 và trang 29. Năm 2022 Hồng đã có 5.000.000 đồng, sang năm 2023 Hồng mong muốn tài sản tăng lên thành 10.000.000 đồng. Để gia tăng thêm 5.000.000 đồng trong một năm, Hồng chọn ba biện pháp là làm thêm, kinh doanh và gửi tiết kiệm số tiền nhàn rỗi: trong 5.000.000 đồng tài sản gốc, Hồng gửi tiết kiệm 2.000.000 đồng kì hạn một năm với lãi suất 7,5%/năm, còn 3.000.000 đồng để kinh doanh hoa trong dịp lễ, Tết, đồng thời làm thêm trong dịp nghỉ hè. Bảng ở trang 29 ghi mục tiêu là gia tăng 5 triệu đồng mỗi năm; tiền thu được từ làm thêm là 1,7 ở tháng 7 và 2,0 ở tháng 8, tổng 3,7; tiền lãi từ kinh doanh là 0,3 ở mỗi tháng T1, tháng 2, tháng 3 và tháng 10, tổng 1,2; tiền lãi gửi tiết kiệm là 0,15 ở tháng 12, tổng cũng là 0,15; dòng số tiền gia tăng trong 12 tháng có tổng là 5,05.

c) Sản phẩm: Phiếu đọc bảng của nhóm ở mục D1 Phụ lục 1 trả lời bốn câu hỏi kiểm tra, trong đó có phép cộng lại dòng tổng và câu trả lời vì sao Hồng đạt vượt mục tiêu.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5'): Giáo viên phát bản in phóng to bảng trang 29 cho từng nhóm và nêu bốn câu hỏi kiểm tra: mục tiêu của Hồng là bao nhiêu, mỗi biện pháp mang lại bao nhiêu, cộng ba biện pháp lại có bằng dòng tổng không, và vì sao các ô tháng khác bị bỏ trống.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18'): Các nhóm đọc bảng và tự cộng lại bằng bút. Giáo viên đi từng nhóm, gợi ý các nhóm lúng túng: hãy cộng theo hàng ngang trước rồi mới cộng theo cột dọc, hai kết quả phải khớp nhau.

3. Báo cáo, thảo luận (14'): Ba nhóm báo cáo kết quả kiểm tra. Lớp cùng đối chiếu: ba tổng biện pháp là 3,7 cộng 1,2 cộng 0,15 và so với 5,05 ở dòng tổng; sau đó bàn vì sao kết quả vượt mục tiêu 5 triệu một chút.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Bảng của Hồng đáng học ở ba chỗ. Bạn ấy chia tài sản gốc cho hai việc khác nhau chứ không dồn một chỗ; bạn ấy xếp các khoản đúng vào tháng có thể thu được, ví dụ làm thêm vào tháng 7 và tháng 8 là dịp nghỉ hè; và bạn ấy đặt mục tiêu vừa sức nên kế hoạch chạy được.

TIẾT 27. CÁC BƯỚC LẬP KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TÀI CHÍNH CÁ NHÂN

Kết nối hai tiết (3'): Tiết trước lớp đã đọc được một kế hoạch tài chính hoàn chỉnh của người khác. Tiết này rút ra các bước để về sau tự làm được kế hoạch của chính mình.

Nhiệm vụ 2.7. Năm bước lập kế hoạch phát triển tài chính (42')

a) Mục tiêu: Nêu được những việc cần làm khi lập kế hoạch phát triển tài chính cá nhân và sắp xếp được chúng thành một quy trình đúng thứ tự.

b) Nội dung: Năm gợi ý ở hoạt động 4 sách giáo khoa trang 29: xác định mục tiêu phát triển tài chính, tức số tiền cần gia tăng; xác định thời hạn hoàn thành mục tiêu; xác định biện pháp phát triển tài chính phù hợp với điều kiện của bản thân; tính toán, cân đối các nguồn gia tăng tài sản dự kiến có được từ việc thực hiện các biện pháp để đạt được mục tiêu; rà soát, điều chỉnh. Mỗi nhóm dựng sơ đồ năm bước rồi thử áp dụng cho một mục tiêu giả định do giáo viên đưa.

c) Sản phẩm: Sơ đồ năm bước trên giấy A3 và một bản thử nghiệm cho mục tiêu giả định, gồm mục tiêu, thời hạn, hai biện pháp và phép tính cân đối thô.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5'): Giáo viên phát mỗi nhóm một bộ thẻ ghi sẵn năm việc cần làm nhưng để lộn thứ tự, kèm một mục tiêu giả định là gia tăng 2 triệu đồng trong sáu tháng.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18'): Các nhóm sắp thẻ thành sơ đồ đúng thứ tự rồi thử áp dụng cho mục tiêu giả định. Giáo viên nhắc bước cân đối là bước hay bị bỏ nhất: cộng thử các nguồn xem có đủ đạt mục tiêu không, thiếu thì phải quay lại sửa biện pháp hoặc hạ mục tiêu.

3. Báo cáo, thảo luận (14'): Bốn nhóm trình bày sơ đồ và bản thử nghiệm. Lớp kiểm chéo bằng một câu hỏi duy nhất: cộng các nguồn của nhóm bạn lại có đủ đạt mục tiêu đã ghi không.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Năm bước này là một vòng chứ không phải một đường thẳng, vì bước cuối là rà soát và điều chỉnh sẽ đưa các em quay lại bước ba hoặc bước một. Một kế hoạch tài chính không cân đối được thì phải sửa ngay từ trên giấy, chứ đừng để đến lúc thiếu tiền.

TIẾT 28. KỊCH TƯƠNG TÁC VỀ SỰ TRUNG THỰC VÀ TINH THẦN TRÁCH NHIỆM

Kết nối hai tiết (3'): Bảy tiết vừa qua lớp đã nắm đủ bốn nội dung của chủ đề trên lý thuyết. Từ tiết này, phần rèn luyện bắt đầu bằng một tình huống mà chọn thế nào cũng thấy khó.

Nhiệm vụ 2.8. Nhặt được thẻ ngân hàng trên xe buýt thì làm gì (42')

a) Mục tiêu: Xây dựng và tham gia được kịch tương tác thể hiện tinh thần trách nhiệm và sự trung thực trong một tình huống có nhiều cách xử lý đều nghe có lý.

b) Nội dung: Tình huống ở hoạt động 5 sách giáo khoa trang 29: Sinh và các bạn lên xe buýt ở bến đầu, vừa ngồi vào ghế thì phát hiện một thẻ ngân hàng loại tiêu trước, trả sau của ai đó đánh rơi; loại thẻ này có thể tiêu mà không cần bất cứ minh chứng nào là chủ sở hữu thẻ; Sinh cầm thẻ định đưa cho người phụ xe. Sách gợi ý ở trang 30 các ý kiến: học sinh 1 đồng thuận với Sinh, đưa thẻ cho người phụ xe để trả lại người đánh mất; học sinh 2 ngăn cản Sinh vì nếu người phụ xe không tìm được người đánh rơi thì cũng không có kết quả; học sinh 3 đồng thuận với học sinh 2 vì nếu người phụ xe tranh thủ dùng thẻ chi tiêu khi chủ thẻ chưa kịp khoá thì mình dù động cơ trung thực vẫn thành người thiếu trách nhiệm; học sinh 4 và học sinh 5 nêu tiếp ý kiến của mình.

c) Sản phẩm: Kịch tương tác của lớp với ít nhất năm ý kiến khác nhau được nêu ra và một phương án cuối cùng do cả lớp chọn, kèm lý do dựa trên cả hai phẩm chất trung thực và trách nhiệm.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5'): Giáo viên đọc tình huống, cử một học sinh đóng vai Sinh đứng giữa lớp cầm tấm thẻ giả định, sau đó mời lần lượt các bạn khác bước vào vai người góp ý.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18'): Kịch tương tác diễn ra: mỗi học sinh bước vào phải nêu một ý kiến mới kèm lý do, không được lặp ý đã có. Giáo viên ghi tóm tắt từng ý kiến lên bảng và giữ nhịp để có ít nhất năm ý kiến khác nhau.

3. Báo cáo, thảo luận (14'): Cả lớp bỏ phiếu chọn phương án và tranh luận về hai phương án được nhiều phiếu nhất. Giáo viên đặt thêm một câu hỏi mở: giữa việc trả lại nhanh và việc trả lại đúng người, cái nào quan trọng hơn.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Tình huống này khó vì trung thực và trách nhiệm kéo về hai phía. Trả thẻ cho người phụ xe là trung thực, nhưng trách nhiệm đòi hỏi phải nghĩ xem thẻ đến được tay chủ hay không. Phương án an toàn hơn cả là giao thẻ cho ngân hàng phát hành hoặc báo công an, và làm việc đó trước mặt nhiều người để có người chứng kiến.

TIẾT 29. RÈN THÓI QUEN TUÂN THỦ NỘI QUY VÀ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

Kết nối hai tiết (3'): Tiết trước lớp xử lý một tình huống bất ngờ. Tiết này quay về với những việc lặp lại hằng ngày, nơi thói quen quyết định chứ không phải quyết tâm.

Nhiệm vụ 2.9. Hạn chế của bản thân và biện pháp khắc phục (42')

a) Mục tiêu: Xác định được những điều còn hạn chế của bản thân ảnh hưởng đến việc tuân thủ nội quy, quy định của pháp luật; đề xuất được biện pháp khắc phục và chia sẻ được một tình huống mình đã tuân thủ.

b) Nội dung: Ba gợi ý về hạn chế ở hoạt động 6 sách giáo khoa trang 30: hiểu biết còn hạn chế về các quy định của pháp luật trong đời sống; ý thức tuân thủ nội quy, pháp luật chưa tốt; thói quen tiêu cực. Học sinh soi mình theo ba nhóm hạn chế đó, tìm nguyên nhân rồi đề xuất biện pháp khắc phục; cuối cùng mỗi em chia sẻ một tình huống cụ thể mà mình đã tuân thủ nội quy hoặc quy định của pháp luật.

c) Sản phẩm: Phiếu ba cột của mỗi học sinh ở mục B Phụ lục 1: hạn chế của em, nguyên nhân, biện pháp khắc phục kèm thời hạn; bảng biện pháp chung của lớp trên bảng lớp.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5'): Giáo viên phát bản in nội quy nhà trường, nêu ba nhóm hạn chế ở trang 30 và làm mẫu một dòng phiếu ba cột với một hạn chế giả định là hay quên đội mũ bảo hiểm khi đi xe đạp điện quãng ngắn.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18'): Học sinh điền phiếu ba cột cá nhân rồi trao đổi trong nhóm bốn người để bạn góp ý xem biện pháp có trị đúng nguyên nhân không. Giáo viên nhắc: nếu nguyên nhân là chưa biết quy định thì biện pháp phải là tìm đọc, còn nếu nguyên nhân là thói quen thì biện pháp phải gắn với một dấu nhắc hằng ngày.

3. Báo cáo, thảo luận (14'): Mỗi nhóm cử một phiếu lên trình bày. Lớp gom các biện pháp hiệu quả thành bảng chung và cùng đánh dấu ba biện pháp nhiều người thấy làm được ngay.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Hạn chế do thiếu hiểu biết thì sửa nhanh, chỉ cần đọc. Hạn chế do thói quen mới lâu, và cách duy nhất là gắn việc đúng vào một mốc cố định trong ngày cho tới khi không cần nghĩ nữa. Đó chính là nghĩa của chữ tự giác trong sơ đồ ở tiết 22.

TIẾT 30. GIỮ KẾ HOẠCH VÀ CAM KẾT TRONG HAI TÌNH HUỐNG KHÓ

Kết nối hai tiết (3'): Thói quen tốt ở tiết trước sẽ bị thử ngay khi có lí do chính đáng để bỏ. Tiết này lớp gặp hai lí do chính đáng như thế.

Nhiệm vụ 2.10. Xử lí tình huống của Sơn và của Long (42')

a) Mục tiêu: Xác định được cách xử lí thể hiện việc thực hiện công việc theo kế hoạch, tuân thủ thời gian và cam kết đề ra; trao đổi được về ý nghĩa của việc giữ kế hoạch và cam kết.

b) Nội dung: Hai tình huống ở hoạt động 7 sách giáo khoa trang 30 và trang 31. Tình huống 1: Sơn đã có thời gian biểu cho ngày nghỉ cuối tuần, theo đó Sơn sẽ thức dậy lúc 6 giờ để chạy bộ; sáng Chủ nhật nghe chuông báo thức Sơn đã ngồi dậy rồi lại nằm ngủ tiếp, sau đó bố gọi thì Sơn đã tỉnh nhưng lại nghe mẹ bảo bố rằng ngày cuối tuần cứ để cho con ngủ thêm; nếu là Sơn em sẽ quyết định như thế nào. Tình huống 2: theo kế hoạch, chiều nay Long phải phác thảo kế hoạch phát triển tài chính của bản thân để chuẩn bị cho tiết Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp vào ngày mai, nhưng Long vừa được lớp trưởng thông báo tiết học này chuyển sang tuần sau; nếu là Long em sẽ quyết định như thế nào.

c) Sản phẩm: Hai phương án xử lí của mỗi nhóm kèm lí do; bảng ý nghĩa của việc thực hiện công việc theo kế hoạch và giữ cam kết, gồm ít nhất bốn ý.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5'): Giáo viên phát bản in hai tình huống, chia sáu nhóm và giao mỗi nhóm xử lý cả hai; chỉ rõ điểm chung của hai tình huống là đều có một lí do rất chính đáng để bỏ kế hoạch.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18'): Các nhóm bàn phương án và ghi lí do. Giáo viên gợi mở cho tình huống 1: lời của mẹ là tình thương chứ không phải cho phép bỏ cam kết, nên cách xử lý khéo là vẫn dậy và nói cho mẹ hiểu; cho tình huống 2: việc hoãn học không làm mất giá trị của việc đã định làm.

3. Báo cáo, thảo luận (14'): Bốn nhóm trình bày, hai nhóm cho mỗi tình huống. Sau đó lớp trao đổi về ý nghĩa của việc giữ kế hoạch và cam kết, giáo viên ghi thành bảng trên bảng lớp.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Kế hoạch bị phá hủy hầu như luôn bởi lí do hợp lí chứ không phải bởi sự lười biếng trắng trợn. Long có thể làm sớm rồi dùng thời gian dôi ra để làm kĩ hơn, đó mới là người chủ động. Giữ cam kết với chính mình là việc khó nhất vì không ai phạt mình cả.

TIẾT 31. THỰC HÀNH ĐIỀU CHỈNH CẢM XÚC TRONG BA TÌNH HUỐNG

Kết nối hai tiết (3'): Sơ đồ ba chặng ở tiết 24 đến lúc phải dùng thật. Tiết này lớp sắm vai ba tình huống mà ai rơi vào cũng khó giữ được bình tĩnh.

Nhiệm vụ 2.11. Sắm vai ba tình huống để mất bình tĩnh (42')

a) Mục tiêu: Thể hiện được cách điều chỉnh cảm xúc và ứng xử hợp lí trong ba tình huống giao tiếp khác nhau: với người mình có tình cảm, với người thân trong nhà và với tập thể.

b) Nội dung: Ba tình huống ở hoạt động 8 sách giáo khoa trang 31. Tình huống 1: Nam và Ngọc thầm có tình cảm với nhau, hôm nay Nam tình cờ nhìn thấy Ngọc đi cùng Tuấn học ở lớp khác, cả hai cười nói có vẻ rất tình cảm, Nam cảm thấy rất bức bối. Tình huống 2: Hạnh bị cảm cúm và thấy rất mệt nên chưa nấu được cơm tối, em trai đi học về thấy chị chưa chuẩn bị gì cho bữa tối thì không tìm hiểu nguyên nhân mà đã lớn tiếng, Hạnh cảm thấy tủi thân và đã quát em. Tình huống 3: giờ ra chơi các bạn đang ngồi bày tỏ sự cảm thông, chia sẻ với bạn Huyền vì mẹ bạn bị ung thư, cùng lúc đó Minh chạy vào không để ý đến mọi người và hét to rằng mình thành công rồi vì biết tin đoạt giải Nhất kì thi chọn học sinh giỏi cấp Tỉnh môn Ngữ văn.

c) Sản phẩm: Ba kịch bản sắm vai, mỗi kịch bản chỉ rõ nhân vật đi qua ba chặng của sơ đồ tiết 24 ở lượt lời nào; kèm một câu rút kinh nghiệm cho mỗi tình huống.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5'): Giáo viên phát bản in ba tình huống, giao mỗi tình huống cho hai nhóm; yêu cầu kịch bản phải chỉ ra được lượt lời nào ứng với chặng nào trong sơ đồ ba chặng.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18'): Các nhóm viết kịch bản và tập sắm vai. Giáo viên gợi mở: tình huống 1 cần kiểm chứng trước khi kết luận; tình huống 2 cần nói ra tình trạng của mình thay vì quát lại; tình huống 3 cần đọc được không khí của phòng trước khi thể hiện niềm vui.

3. Báo cáo, thảo luận (14'): Ba nhóm sắm vai, mỗi tình huống một nhóm. Nhóm còn lại của cùng tình huống nhận xét theo hai câu hỏi: nhân vật đã dừng lại ở đâu, và câu nói nào cứu được tình hình.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Ba tình huống là ba kiểu cảm xúc khác nhau. Nam ghen nên cần kiểm chứng; Hạnh tủi thân vì mệt nên cần nói rõ mình đang ốm; còn Minh không sai khi vui, chỉ chưa nhìn quanh trước khi reo lên. Điều chỉnh cảm xúc không phải là dập tắt cảm xúc mà là chọn đúng lúc và đúng cách để bày tỏ.

TIẾT 32. RỦI RO KHI NHỜ MÁY QUẢN LÝ CHI TIÊU

Kết nối hai tiết (3'): Sắp lập kế hoạch tài chính của chính mình, nhiều em sẽ nghĩ tới việc nhờ một phần mềm làm hộ. Tiết này lớp cần nhắc kĩ điều đó trước khi bắt tay vào làm.

Nhiệm vụ 2.12. Ba rủi ro và ba cách dùng an toàn (42')

a) Mục tiêu: Liệt kê được ba rủi ro khi nhờ phần mềm trí tuệ nhân tạo quản lý chi tiêu; đối chiếu được với nội quy nhà trường và nêu được cách sử dụng an toàn.

b) Nội dung: Giáo viên nêu một tình huống giả định: một bạn định chụp lại toàn bộ sổ chi tiêu của gia đình, đưa lên một phần mềm trí tuệ nhân tạo miễn phí và nhờ nó lập kế hoạch tiết kiệm. Lớp phân tích tình huống ấy theo ba hướng rủi ro là lộ dữ liệu cá nhân và dữ liệu của gia đình, số liệu do máy tính toán và trả về có thể sai mà người dùng không biết, và dần phụ thuộc đến mức tự mình không còn tính được nữa. Mỗi rủi ro được đối chiếu với quy định về sử dụng thiết bị trong bản in nội quy nhà trường, sau đó nhóm đề xuất ba cách dùng an toàn.

c) Sản phẩm: Phiếu của nhóm ở mục C Phụ lục 1 gồm ba cột: rủi ro, điều nội quy hoặc quy định liên quan, cách dùng an toàn; mỗi cột có đủ ba dòng.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5'): Giáo viên nêu tình huống giả định, phát bản in phần nội quy nhà trường về sử dụng thiết bị và phiếu ba cột; nói rõ hôm nay lớp không thao tác thử trên máy, chỉ phân tích.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18'): Các nhóm điền phiếu ba cột. Giáo viên gợi mở cho rủi ro thứ hai bằng một câu hỏi cụ thể: nếu máy cộng nhầm một khoản và trả về con số đẹp hơn thực tế thì bạn ấy phát hiện bằng cách nào; từ đó dẫn tới cách dùng an toàn là tự cộng lại bằng tay.

3. Báo cáo, thảo luận (14'): Bốn nhóm trình bày phiếu. Lớp gom thành ba cách dùng an toàn chung được nhiều nhóm đồng ý nhất và giáo viên ghi lên bảng.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Ba cách an toàn mà lớp vừa thống nhất là dùng đưa số liệu thật của gia đình lên phần mềm miễn phí, luôn tự cộng lại kết quả máy trả về, và chỉ dùng máy để gợi ý chứ không để nó quyết định thay. Chính vì thế bảng kế hoạch của các em ở ba tiết tới sẽ được kẻ và cộng bằng tay.

TIẾT 33. NHẬN XÉT VIỆC PHÁT TRIỂN TÀI CHÍNH CỦA BẢN THÂN

Kết nối hai tiết (3'): Đã cân nhắc xong chuyện nhờ máy, tiết này lớp bắt đầu phần việc của chính mình, khởi đầu bằng việc nhìn lại xem thời gian qua em đã làm gì với số tiền mình có.

Hoạt động 3. Luyện tập – Nhận xét sự phù hợp trong việc phát triển tài chính của bản thân (20')

a) Mục tiêu: Nhận xét được sự phù hợp hoặc chưa phù hợp trong việc thực hiện phát triển tài chính của bản thân thời gian qua theo ba mặt mà sách giáo khoa gợi ý.

b) Nội dung: Ba gợi ý ở hoạt động 9 sách giáo khoa trang 32: mục tiêu, biện pháp thực hiện và thời gian thực hiện mục tiêu. Mỗi học sinh nhìn lại sáu tháng gần đây của mình theo ba mặt ấy, tự đánh giá phù hợp hay chưa phù hợp và ghi một lí do cho mỗi mặt. Số liệu là của riêng em, ghi trên phiếu và không phải nộp.

c) Sản phẩm: Phiếu nhận xét ba mặt của mỗi học sinh ở mục D2 Phụ lục 1, mỗi mặt có kết luận kèm một lí do; kèm một mục tiêu tài chính mới cho sáu tháng hoặc mười hai tháng tới.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'): Giáo viên nêu ba mặt cần nhận xét và nhắc lại nguyên tắc an toàn: phiếu này không thu, không đọc trước lớp, khi chia sẻ chỉ nói cách làm chứ không nói số tiền.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Học sinh điền phiếu nhận xét rồi đặt một mục tiêu mới. Giáo viên đi một vòng, giúp các em chưa từng đặt mục tiêu nào bằng gợi ý: một khoản muốn mua, một khoản muốn dành cho việc học sau khi tốt nghiệp.

3. Báo cáo, thảo luận (4'): Bốn học sinh chia sẻ cách mình làm và mục tiêu mới, không nói con số. Lớp góp ý về tính vừa sức của mục tiêu.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Nhận xét lại quá khứ không phải để trách mình mà để đặt mục tiêu mới cho vừa. Mục tiêu vừa sức là mục tiêu mà các em nhìn vào thấy mình có cách để đạt, giống như bạn Hồng nhìn thấy dịp hè và dịp lễ, Tết của mình.

Nhiệm vụ 2.13. Chọn biện pháp phát triển tài chính phù hợp với mình (22')

a) Mục tiêu: Xác định được biện pháp phát triển tài chính phù hợp với điều kiện thật của bản thân và ước tính được nguồn thu dự kiến từ mỗi biện pháp.

b) Nội dung: Dựa vào bước thứ ba và bước thứ tư trong năm bước đã học ở tiết 27, mỗi học sinh liệt kê các biện pháp có thể thực hiện được với điều kiện của mình, ví dụ tiết kiệm từ khoản tiêu vặt, làm thêm vào dịp hè, nhận việc phù hợp với sức và với lịch học; sau đó ước tính nguồn thu dự kiến của từng biện pháp theo tháng, giống cách bạn Hồng xếp khoản làm thêm vào tháng 7 và tháng 8.

c) Sản phẩm: Danh sách hai đến ba biện pháp của mỗi học sinh kèm ước tính theo tháng và một dòng ghi rõ điều kiện cần có để thực hiện được biện pháp đó.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'): Giáo viên nêu ba nhóm biện pháp thường gặp ở lứa tuổi các em và nhấn mạnh một điều kiện bắt buộc: biện pháp phải hợp pháp, hợp với sức khỏe và không ảnh hưởng việc học năm cuối cấp.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Học sinh liệt kê biện pháp và ước tính theo tháng. Giáo viên đi một vòng, nhắc các em ước tính quá lạc quan rằng hãy lấy con số thấp nhất mình chắc chắn có được.

3. Báo cáo, thảo luận (6’): Học sinh trao đổi theo cặp, mỗi em kiểm giúp bạn hai điều: biện pháp có làm được thật trong điều kiện của bạn ấy không, và ước tính có quá cao không.

4. Kết luận, nhận định (3’): GV chốt: Biện pháp tốt nhất ở tuổi các em thường là biện pháp không tốn thời gian học, vì năm nay một điểm thi có giá hơn nhiều so với vài trăm nghìn kiếm thêm. Hãy chọn biện pháp hợp mùa, giống cách bạn Hồng dồn việc làm thêm vào dịp nghỉ hè.

TIẾT 34. LẬP BẢNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TÀI CHÍNH CỦA CHÍNH EM

Kết nối hai tiết (3’): Đã có mục tiêu và đã chọn xong biện pháp. Tiết này các em đưa tất cả vào một bảng đúng như bảng của bạn Hồng, nhưng là bảng của chính mình.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TÀI CHÍNH CÁ NHÂN

(Đơn vị: Triệu đồng)

Mục tiêu	Biện pháp	Kết quả												
		T1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Tổng
	1													
	2													
	3													
	...													
Số tiền gia tăng														

Bảng mẫu kế hoạch phát triển tài chính cá nhân để học sinh tự điền — SGK trang 32

Nhiệm vụ 2.14. Điền bảng kế hoạch phát triển tài chính cá nhân (42’)

a) Mục tiêu: Lập được kế hoạch phát triển tài chính của bản thân trong điều kiện phù hợp, trình bày đúng cấu trúc bảng của sách giáo khoa và cộng đúng dòng tổng.

b) Nội dung: Bảng mẫu để trống ở hoạt động 9 sách giáo khoa trang 32 có cột mục tiêu, cột biện pháp đánh số 1, 2, 3 và phần kết quả gồm mười hai cột tháng từ T1 đến tháng 12 cùng một cột tổng; dòng cuối cùng là số tiền gia tăng. Mỗi học sinh kẻ bảng này ra giấy A4 theo mẫu ở bảng D3 Phụ lục 1, điền mục tiêu đã đặt ở tiết 33, các biện pháp đã chọn, rồi phân bổ số tiền dự kiến vào đúng tháng có thể thu được và tự cộng cả hàng ngang lẫn cột dọc bằng bút.

c) Sản phẩm: Bảng kế hoạch phát triển tài chính cá nhân của mỗi học sinh, đủ mục tiêu, ít nhất hai biện pháp, các khoản đặt đúng tháng, cột tổng và dòng số tiền gia tăng đã cộng khớp nhau theo hai chiều.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5’): Giáo viên chiếu bảng mẫu để trống ở trang 32 đặt cạnh bảng đã điền của bạn Hồng ở trang 29, chỉ ra chỗ giống nhau về cấu trúc; phát giấy A4 và hướng dẫn cách kẻ bảng mười lăm cột cho vừa khổ giấy.

2. Thực hiện nhiệm vụ (20’): Học sinh kẻ bảng và điền kế hoạch của mình rồi tự cộng. Giáo viên đi một vòng, kiểm hai điều ở từng em: mỗi khoản đã đặt vào tháng có thật sự thu được chưa, và tổng cộng theo hàng ngang có khớp với tổng theo cột dọc không.

3. Báo cáo, thảo luận (12'): Học sinh đổi bảng theo cặp để bạn kiểm hộ phép cộng. Bốn em có bảng làm tốt trình bày cách phân bổ của mình, không nêu con số nếu không muốn.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Việc cộng hai chiều mà khớp nhau là cách tự kiểm tra đơn giản nhất và cũng là lí do hôm nay các em làm bằng tay. Bảng này không phải bài tập nộp một lần: nó sẽ đi cùng các em suốt mười hai tháng nếu các em chịu ghi vào mỗi khi có khoản thu.

TIẾT 35. HOÀN THIỆN KẾ HOẠCH VÀ LẬP CỘT THEO DÕI HÀNG TUẦN

Kết nối hai tiết (3'): Bảng ở tiết trước mới là bản nháp. Tiết này lớp góp ý cho nhau để bảng khả thi hơn, rồi thêm phần quan trọng nhất là cách theo dõi việc thực hiện.

Nhiệm vụ 2.15. Chia sẻ kế hoạch với các bạn và hoàn thiện (20')

a) Mục tiêu: Chia sẻ được kế hoạch phát triển tài chính cá nhân với các bạn và hoàn thiện được kế hoạch của mình sau khi nhận góp ý.

b) Nội dung: Theo yêu cầu thứ ba của hoạt động 9 sách giáo khoa trang 32, học sinh chia sẻ kế hoạch trong nhóm bốn người và góp ý cho nhau theo ba câu hỏi kiểm: mục tiêu có vừa sức không, biện pháp có làm được trong điều kiện thật của bạn ấy không, và các khoản đã đặt đúng tháng có thể thu được chưa. Sau đó mỗi em sửa lại bảng của mình.

c) Sản phẩm: Bảng kế hoạch đã sửa của mỗi học sinh, có ghi ở lề ít nhất một chỗ đã sửa sau góp ý và lí do sửa.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'): Giáo viên chia nhóm bốn người, viết ba câu hỏi kiểm lên bảng và nhắc quy ước: người góp ý chỉ hỏi về cách làm, không hỏi về hoàn cảnh gia đình của bạn.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Các nhóm lần lượt chia sẻ và góp ý cho nhau, mỗi em khoảng hai phút. Sau đó từng em sửa bảng và ghi lí do sửa ra lề.

3. Báo cáo, thảo luận (4'): Bốn học sinh nêu chỗ mình đã sửa và vì sao sửa. Giáo viên gom lên bảng những kiểu sửa phổ biến nhất của lớp.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Nhìn bảng vừa gom, các em thấy phần bị sửa nhiều nhất là ước tính quá lạc quan và mục tiêu đặt quá cao. Sửa được ngay trên giấy là rẻ nhất, còn để đến lúc thực hiện mới biết sai thì mất cả năm.

Nhiệm vụ 2.16. Lập cột theo dõi và cam kết hàng tuần (22')

a) Mục tiêu: Bổ sung được cách theo dõi kết quả thực hiện vào bảng kế hoạch; tự đặt và ghi được cam kết hàng tuần để giữ kế hoạch chạy được suốt chặng dài.

b) Nội dung: Theo yêu cầu thứ tư của hoạt động 9 sách giáo khoa trang 32 về việc thực hiện kế hoạch và theo dõi kết quả, mỗi học sinh thêm vào bảng của mình một phần theo dõi gồm bốn ô cho bốn tuần của tháng, mỗi tuần ghi số tiền thực tế thu được và tự đánh dấu một trong ba mức: đạt như dự kiến, thấp hơn dự kiến, chưa thực hiện. Cách làm này nối lại với bài học về giữ cam kết ở tiết 23 và tiết 30.

c) Sản phẩm: Phần theo dõi bốn tuần đã kẻ thêm vào bảng kế hoạch của mỗi học sinh, kèm một dòng cam kết viết tay và chữ kí của chính em ở cuối bảng.

d) Tổ chức thực hiện

- 1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'):** Giáo viên hướng dẫn cách kẻ thêm phần theo dõi bốn tuần vào bảng đã có và làm mẫu một tuần trên bảng lớp với ba mức đánh dấu.
- 2. Thực hiện nhiệm vụ (10'):** Học sinh kẻ thêm phần theo dõi và viết dòng cam kết của mình. Giáo viên nhắc dòng cam kết phải viết được một việc cụ thể làm hằng tuần, ví dụ mỗi tối Chủ nhật ghi lại các khoản của tuần vừa qua.
- 3. Báo cáo, thảo luận (6'):** Học sinh đọc dòng cam kết của mình theo nhóm bốn người, cả nhóm hẹn nhau một buổi trong tháng cùng mở bảng ra đối chiếu.
- 4. Kết luận, nhận định (3'):** GV chốt: Bảng có kế hoạch mà không có phần theo dõi thì chỉ là một mong muốn đẹp. Ba mức đánh dấu hằng tuần cho các em biết mình đang đi đúng hay lệch từ sớm, lúc còn kịp sửa, đúng như bước rà soát và điều chỉnh trong năm bước đã học.

TIẾT 36. TỰ HOÀN THIỆN BẢN THÂN VÀ TỔNG KẾT CHỦ ĐỀ

Kết nối hai tiết (3'): Mười bốn tiết vừa qua lớp đã rèn từng phẩm chất một. Tiết cuối gom lại thành sản phẩm của riêng mỗi em và nhìn lại chặng đường đã đi.

Nhiệm vụ 2.17. Bốn việc để tự hoàn thiện bản thân (20')

a) Mục tiêu: Xác định được bốn nhóm việc cần thực hiện để tự hoàn thiện bản thân và chọn được một việc để làm tiếp sau khi chủ đề kết thúc.

b) Nội dung: Bốn nhóm việc ở hoạt động 10 sách giáo khoa trang 32: tuân thủ nội quy, quy định của pháp luật và thể hiện tinh thần trách nhiệm, sự trung thực trong các tình huống của đời sống; thực hiện công việc theo kế hoạch, tuân thủ thời gian và cam kết đề ra để sử dụng thời gian hữu ích; điều chỉnh cảm xúc, ứng xử hợp lý trong các tình huống hằng ngày để giao tiếp hiệu quả; thực hiện kế hoạch phát triển tài chính cá nhân và điều chỉnh biện pháp để đạt mục tiêu.

c) Sản phẩm: Bảng bốn nhóm việc của mỗi học sinh ở mục D4 Phụ lục 1, mỗi nhóm ghi một việc cụ thể sẽ làm tiếp trong bốn tuần và dấu hiệu nhận biết đã làm được.

d) Tổ chức thực hiện

- 1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'):** Giáo viên chiếu bốn nhóm việc ở trang 32 và chỉ ra rằng bốn nhóm này ứng đúng với bốn nội dung lớn mà lớp đã đi qua trong mười bốn tiết vừa rồi.
- 2. Thực hiện nhiệm vụ (10'):** Học sinh điền bảng bốn nhóm việc. Giáo viên đi một vòng, giúp các em viết dấu hiệu còn chung chung bằng câu hỏi quen thuộc: người khác nhìn vào đâu thì biết em đã làm.
- 3. Báo cáo, thảo luận (4'):** Bốn học sinh đọc bảng của mình, mỗi em một nhóm việc khác nhau. Lớp góp ý để mỗi việc trở nên đo được.
- 4. Kết luận, nhận định (3'):** GV chốt: Bốn nhóm việc này không phải bốn việc riêng lẻ mà là bốn mặt của cùng một người. Giữ được kế hoạch thì mới thực hiện được kế hoạch tài chính; điều chỉnh được cảm xúc thì mới giữ được cam kết với người khác.

Hoạt động 4. Vận dụng – Sản phẩm tự hoàn thiện và tự đánh giá chủ đề (22')

a) Mục tiêu: Có được sản phẩm thể hiện sự thay đổi của bản thân sau khi tự hoàn thiện; báo cáo kết quả và chia sẻ được kinh nghiệm; tự đánh giá kết quả trải nghiệm chủ đề.

b) Nội dung: Theo yêu cầu thứ hai của hoạt động 10 sách giáo khoa trang 33, nội dung báo cáo gồm trình bày sản phẩm tự hoàn thiện bản thân và chia sẻ cảm xúc khi thực hiện thành công, những khó khăn cùng cách vượt qua, những bài học kinh nghiệm rút ra; hình thức tổ chức là diễn đàn hoặc triển lãm theo quy mô lớp, khối hoặc trường. Ở điều kiện lớp mình, lớp tổ chức triển lãm ngay tại lớp với sản phẩm trên giấy A4. Sau đó mỗi em hoàn thành phiếu tự đánh giá theo mười hai tiêu chí ở khung đánh giá cuối chủ đề trang 33 với hai mức Đạt hoặc Chưa đạt.

c) Sản phẩm: Sản phẩm tự hoàn thiện của mỗi học sinh, có thể là bảng kế hoạch tài chính đã theo dõi bốn tuần, thời gian biểu đã giữ được hoặc nhật kí điều chỉnh cảm xúc; phiếu tự đánh giá mười hai tiêu chí đã đánh dấu, nộp lại vào tiết sinh hoạt lớp cuối tháng.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'): Giáo viên chiếu mười hai tiêu chí ở khung đánh giá cuối chủ đề trang 33 và hướng dẫn cách bày sản phẩm quanh lớp thành một triển lãm nhỏ.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Học sinh bày sản phẩm và đi xem một vòng, mỗi em ghi vào phiếu một điều học được từ sản phẩm của bạn; sau đó đánh dấu phiếu tự đánh giá kèm tên sản phẩm chứng minh.

3. Báo cáo, thảo luận (6'): Bốn học sinh trình bày sản phẩm của mình theo ba ý: đã làm được gì, khó khăn gì và vượt qua ra sao. Lớp nêu câu hỏi cho bạn.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Chủ đề khép lại nhưng bảng kế hoạch tài chính của các em còn chạy suốt mười hai tháng và những cam kết vừa kí thì còn lâu hơn. Hoàn thiện bản thân không có tiết cuối, chỉ có ngày hôm nay làm tốt hơn hôm qua một chút.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

PHỤ LỤC 1. PHIẾU HỌC TẬP CHỦ ĐỀ 3 – DỪNG XUYỀN SUỐT CHỦ ĐỀ

Họ và tên: Lớp: Nhóm:

A. CÂU HỎI MỞ ĐẦU

1. Nếu đường vắng và không có ai nhìn thấy, em có dừng lại khi gặp đèn đỏ không? Vì sao?
2. Kể một việc em đã hứa mà chưa làm được. Điều gì đã cản trở em?
3. Trong một tháng gần đây, em đã tiêu tiền vào việc gì mà bây giờ nghĩ lại thấy tiếc?

B. PHIẾU KIẾN THỨC CHỦ ĐỀ 3

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ hoặc trường hợp minh họa	Rút ra điều gì?
Gợi ý cách ghi →	Ghi ý chính trong SGK, 1–2 câu ngắn.	Nêu một trường hợp trong sách hoặc chuyện thật của em.	Viết một câu kết luận hoặc liên hệ bản thân.
1. Biểu hiện của tinh thần trách nhiệm			
2. Biểu hiện của sự trung thực			
3. Biểu hiện của việc tuân thủ nội quy, quy định của pháp luật			
4. Cách thực hiện công việc theo kế hoạch và giữ cam kết			
5. Cách điều chỉnh cảm xúc và ứng xử hợp lí			
6. Những việc cần làm khi lập kế hoạch phát triển tài chính			

Tự soi ba phẩm chất (làm ở tiết 22, đánh dấu X vào một mức):

Phẩm chất	Biểu hiện em chọn để tự soi	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Còn ít
Tinh thần trách nhiệm				
Sự trung thực				
Tuân thủ nội quy, pháp luật				

Hạn chế của em và biện pháp khắc phục (làm ở tiết 29):

Hạn chế của em	Nguyên nhân	Biện pháp khắc phục và thời hạn
1.		
2.		

Chuyện của em (viết ở tiết 21 và tiết 24):

– Một lần em đã trung thực hoặc có trách nhiệm dù không ai biết:

.....

– Một lần em đã giữ được bình tĩnh: chuyện gì xảy ra, em thấy thế nào, em đã làm gì, kết quả:

.....

.....

C. MINH CHỨNG NĂNG LỰC SỐ – AI

C1. Rủi ro khi nhờ máy quản lý chỉ tiêu và cách dùng an toàn (làm ở tiết 32)

Rủi ro khi nhờ phần mềm quản lý chỉ tiêu	Điều nào trong nội quy hoặc quy định có liên quan	Cách dùng an toàn
1.		
2.		
3.		

C2. Cách em tổ chức và theo dõi dữ liệu tài chính của mình (làm ở tiết 34 và tiết 35)

Em kẻ bảng kế hoạch ra giấy A4 theo mẫu D3 dưới đây, tự cộng theo hàng ngang và theo cột dọc rồi so hai kết quả. Sau đó kẻ thêm phần theo dõi bốn tuần.

Tuần	Số tiền thực tế thu được	Đạt như dự kiến	Thấp hơn dự kiến	Chưa thực hiện
Tuần 1				
Tuần 2				
Tuần 3				
Tuần 4				

Cam kết của em:

Chữ kí của em:

D. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

D1. Đọc bảng kế hoạch tài chính của bạn Hồng (làm theo nhóm, tiết 25)

1. Mục tiêu của Hồng là gì?

2. Mỗi biện pháp mang lại tổng bao nhiêu? Làm thêm: Kinh doanh: Tiết kiệm:

3. Cộng ba tổng đó lại có bằng dòng số tiền gia tăng trong 12 tháng không?

4. Vì sao nhiều ô tháng bị bỏ trống?

D2. Nhận xét việc phát triển tài chính của bản thân (làm cá nhân, tiết 33)

Mặt cần nhận xét	Phù hợp hay chưa phù hợp	Lí do
Mục tiêu		

Mặt cần nhận xét	Phù hợp hay chưa phù hợp	Lí do
Biện pháp thực hiện		
Thời gian thực hiện mục tiêu		

Mục tiêu tài chính mới của em cho thời gian tới:

D3. Kế hoạch phát triển tài chính cá nhân (làm cá nhân, tiết 34 và tiết 35)

Đơn vị: nghìn đồng hoặc triệu đồng — em tự chọn và ghi rõ.

Mục tiêu	Biện pháp	T1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Tổng
	1.													
	2.													
	3.													
Số tiền gia tăng														

D4. Bốn việc để tự hoàn thiện bản thân (làm cá nhân, tiết 36)

Nhóm việc	Việc cụ thể em sẽ làm tiếp trong bốn tuần	Dấu hiệu cho thấy em đã làm được
Trách nhiệm, trung thực, tuân thủ nội quy và pháp luật		
Thực hiện công việc theo kế hoạch và giữ cam kết		
Điều chỉnh cảm xúc và ứng xử hợp lí		
Thực hiện kế hoạch phát triển tài chính cá nhân		

PHỤ LỤC 2. ĐÁP ÁN NGẮN – GIÁO VIÊN NHÌN NHANH

1. Gợi ý đáp án phiếu kiến thức (tham khảo)

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ hoặc trường hợp	Rút ra điều gì?
1. Biểu hiện của tinh thần trách nhiệm	Trang 26 và trang 27 nêu sáu biểu hiện của tinh thần trách nhiệm.	Sáu biểu hiện: chủ động thực hiện công việc đảm nhận; nỗ lực, cố gắng thực hiện nhiệm vụ; biết lập kế hoạch thực hiện công việc; không viện cớ, bao biện để né tránh; sẵn sàng chịu trách nhiệm về việc mình làm; luôn giữ lời hứa. Bạn An để lại mẫu giấy kèm số điện thoại 090... và hứa đền bù chính là biểu hiện thứ năm và thứ sáu.	Trách nhiệm hướng về công việc mình đã nhận; biểu hiện khó nhất là sẵn sàng chịu trách nhiệm khi không ai biết mình là người gây ra.
2. Biểu hiện của sự trung thực	Trang 27 nêu bốn biểu hiện của sự trung thực.	Bốn biểu hiện: luôn tôn trọng sự thật và lẽ phải; khách quan trong tự đánh giá bản thân và người khác; dũng cảm nhận lỗi, khuyết điểm, sai lầm của bản thân; lời nói và hành động thống nhất với nhau.	Trung thực hướng về sự thật. Bạn An hoàn toàn có thể đi luôn mà không ai biết, nên việc bạn ấy để lại lời nhắn mới là trung thực thật sự.
3. Biểu hiện của việc tuân thủ nội quy, quy định của pháp luật	Trang 27 nêu bốn biểu hiện của việc tuân thủ nội quy, quy định của pháp luật trong đời sống.	Bốn biểu hiện: biết rõ các quy định của nội quy và pháp luật; thực hiện những điều đã quy định; không thực hiện những hành vi pháp luật không cho phép; tự giác tuân thủ. Bạn Bích từ chối chờ ba và kiên nhẫn chờ đèn xanh dù Cúc giục vượt là hai biểu hiện rõ nhất.	Tuân thủ hướng về quy định chung. Khó nhất là giữ đúng khi bị chính người quen giục làm sai.
4. Cách thực hiện công việc theo kế hoạch và giữ cam kết	Trang 27 nêu năm cách qua trường hợp của bạn Hiếu.	Năm cách: xác định điều kiện thực hiện từng công việc; không để việc hôm nay sang những ngày sau; kiên định thực hiện công việc và cam kết; điều chỉnh công việc cho phù hợp thực tiễn; quản lý thời gian theo thời lượng đã dự định. Hiếu cam kết với bố mẹ và làm bù khi có việc phát sinh.	Kế hoạch nào cũng có lúc vỡ; khác nhau nằm ở cách xử lý lúc vỡ. Điều chỉnh cách làm thì được, hạ mục tiêu cho dễ đạt thì không.
5. Cách điều chỉnh cảm xúc và ứng xử hợp lý	Trang 28 nêu tám gợi ý, đi từ nhận biết cảm xúc của mình đến việc đem lại cảm xúc tích cực cho	Có thể gom thành ba chặng: nhận biết cảm xúc của mình; làm chủ cảm xúc, không để cảm xúc tiêu cực chi phối lời	Điều chỉnh cảm xúc là tạo một khoảng dừng giữa lúc cảm xúc dâng lên và lúc

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ hoặc trường hợp	Rút ra điều gì?
	người cùng giao tiếp.	nói và hành động; chọn cách ứng xử hướng về người kia, gồm tôn trọng, chú ý bối cảnh, đặt mình vào vị trí của họ và giữ thái độ đúng mực.	mình nói ra, không phải là dập tắt cảm xúc.
6. Những việc cần làm khi lập kế hoạch phát triển tài chính	Trang 28 và trang 29 cho trường hợp của bạn Hồng, bảng kế hoạch đã điền và năm việc cần làm khi lập kế hoạch.	Năm việc: xác định mục tiêu hay số tiền cần gia tăng; xác định thời hạn; xác định biện pháp phù hợp điều kiện bản thân; tính toán, cân đối các nguồn để đạt mục tiêu; rà soát, điều chỉnh. Hồng đặt mục tiêu gia tăng 5 triệu đồng/năm và đạt tổng 5,05.	Năm việc này là một vòng chứ không phải đường thẳng: bước rà soát sẽ đưa người lập kế hoạch quay lại sửa biện pháp hoặc sửa mục tiêu.

2. Đáp án phần đọc bảng kế hoạch tài chính của bạn Hồng (mục D1)

Câu hỏi	Đáp án theo bảng SGK trang 29
1. Mục tiêu của Hồng	Gia tăng 5 triệu đồng/năm.
2. Tổng của từng biện pháp	Tiền thu được từ làm thêm: tháng 7 là 1,7 và tháng 8 là 2,0, tổng 3,7. Tiền lãi từ kinh doanh: 0,3 ở mỗi tháng T1, tháng 2, tháng 3 và tháng 10, tổng 1,2. Tiền lãi gửi tiết kiệm: 0,15 ở tháng 12, tổng 0,15.
3. Cộng ba tổng có khớp dòng số tiền gia tăng không	Có. 3,7 cộng 1,2 cộng 0,15 bằng 5,05, đúng bằng tổng của dòng số tiền gia tăng trong 12 tháng. Cộng theo hàng ngang và theo cột dọc đều cho cùng kết quả, đó là cách tự kiểm tra.
4. Vì sao nhiều ô tháng bỏ trống	Vì mỗi biện pháp chỉ sinh ra tiền vào những tháng nhất định: làm thêm vào dịp nghỉ hè là tháng 7 và tháng 8; kinh doanh hoa vào dịp Lễ, Tết; lãi gửi tiết kiệm kì hạn một năm chỉ nhận được ở tháng 12. Các ô đó được tô nền, không phải ghi số 0.

Số liệu gốc của trường hợp (trang 28): năm 2022 Hồng có 5.000.000 đồng, mục tiêu năm 2023 là 10.000.000 đồng; trong tài sản gốc, 2.000.000 đồng gửi tiết kiệm kì hạn một năm với lãi suất 7,5%/năm, còn 3.000.000 đồng dùng kinh doanh hoa dịp lễ, Tết.

3. Ghi chú cho phần Năng lực số – AI ở Phụ lục 1

Phần C1 – ba rủi ro cần nêu và cách dùng an toàn tương ứng. Lộ dữ liệu cá nhân và dữ liệu của gia đình khi chụp sổ chi tiêu đưa lên phần mềm miễn phí, cách an toàn là không đưa số liệu thật, chỉ hỏi bằng số liệu giả định. Số liệu máy trả về có thể sai mà người dùng không biết, cách an toàn là luôn tự cộng lại bằng tay. Dữ liệu phụ thuộc đến mức không tự tính được nữa, cách an toàn là chỉ dùng máy để gợi ý chứ không để nó quyết định thay.

Cột nội quy – học sinh cần chỉ được vào điều khoản cụ thể trong nội quy nhà trường về sử dụng thiết bị và điện thoại trong giờ học; nếu nội quy của trường chưa có điều nào về việc này thì ghi rõ là chưa có quy định và đề xuất một quy tắc cho lớp mình.

Phần C2 – yêu cầu cốt lõi là bảng phải cộng khớp theo hai chiều và các khoản phải được xếp đúng vào tháng có thể thu được, giống cách bạn Hồng dồn làm thêm vào tháng 7 và

tháng 8. Phần theo dõi bốn tuần phải có cả ba mức đánh dấu, vì nếu chỉ có mức đạt thì học sinh sẽ không ghi những tuần mình không làm được.

Phiếu tự đánh giá phần này (dùng hai mức):

- Nêu đủ ba rủi ro và ba cách dùng an toàn tương ứng: Đạt hoặc Chưa đạt.
- Chỉ ra được điều khoản liên quan trong nội quy hoặc quy định: Đạt hoặc Chưa đạt.
- Bảng kế hoạch cộng khớp theo hàng ngang và theo cột dọc: Đạt hoặc Chưa đạt.
- Có phần theo dõi bốn tuần với đủ ba mức và một dòng cam kết: Đạt hoặc Chưa đạt.

4. Lỗi thường gặp và gợi mở

Lỗi 1 – học sinh cho rằng việc Bích từ chối chở Hồng là thiếu tình bạn. Gợi mở: hỏi nếu xảy ra tai nạn khi chở ba thì ai chịu hậu quả, và có cách nào vừa giúp bạn vừa không vi phạm không.

Lỗi 2 – phiếu tự soi ba phẩm chất bị đánh dấu toàn mức thường xuyên. Gợi mở: yêu cầu mỗi mức thường xuyên phải kèm một việc có thời điểm cụ thể trong tuần vừa qua.

Lỗi 3 – biện pháp khắc phục không trị đúng nguyên nhân, ví dụ nguyên nhân là chưa biết quy định nhưng biện pháp lại là quyết tâm hơn. Gợi mở: hỏi làm đúng biện pháp này thì nguyên nhân kia có mất đi không.

Lỗi 4 – bảng kế hoạch tài chính có tổng theo hàng ngang khác tổng theo cột dọc. Gợi mở: cho học sinh cộng lại từng chiều và chỉ ra ô nào bị đếm hai lần hoặc bị bỏ sót.

Lỗi 5 – học sinh đặt mục tiêu tài chính quá cao so với điều kiện, ví dụ gia tăng mười triệu trong ba tháng bằng tiền tiêu vặt. Gợi mở: yêu cầu cộng thử các nguồn chắc chắn có được rồi so với mục tiêu, thiếu thì hạ mục tiêu hoặc kéo dài thời hạn.

Lỗi 6 – khi sắm vai điều chỉnh cảm xúc, nhân vật im lặng bỏ đi rồi coi như đã xử lý xong. Gợi mở: hỏi sau khi bình tĩnh lại thì nhân vật nói gì với người kia, vì chẳng ba của sơ đồ là chọn cách ứng xử chứ không phải là né tránh.

Lỗi 7 – phần theo dõi hằng tuần bị bỏ trống sau vài tuần đầu. Gợi mở: hẹn một buổi trong tháng để cả nhóm cùng mở bảng ra đối chiếu, vì cam kết có người cùng giữ thì bền hơn.

5. Bảng tiêu chí đánh giá

Tiêu chí	Đạt tốt	Đạt	Chưa đạt
Kiến thức, quy trình	Đúng và đủ ý; giải thích hoặc thao tác có dẫn chứng.	Đúng các ý hoặc bước chính.	Sai hoặc thiếu ý, bước cốt lõi.
Sản phẩm và dữ liệu	Rõ ràng, kiểm tra lại được nguồn; có nêu giới hạn và sai số.	Có sản phẩm và dẫn chứng cơ bản.	Chung chung, thiếu dẫn chứng hoặc đơn vị.
Năng lực số và AI (Phụ lục 3)	Đủ dữ liệu – chức năng – kết quả – người kiểm chứng.	Nêu đúng ứng dụng và bước kiểm tra.	Nhằm thiết bị thông thường là trí tuệ nhân tạo, hoặc tin tuyệt đối vào kết quả của máy.
Hợp tác, an toàn	Đúng vai, đúng giờ; trung thực và an toàn.	Hoàn thành nhiệm vụ cơ bản.	Thiếu phối hợp hoặc vi phạm an toàn.

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 2026
GIÁO VIÊN (Ký và ghi rõ họ tên)

SỞ GD&ĐT:

TRƯỜNG:

TỔ: TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 12

BỘ SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG — (Năm học 2026 - 2027)

CHỦ ĐỀ 4. TRÁCH NHIỆM VỚI GIA ĐÌNH

(Số tiết: 9 — tiết 37 đến tiết 45)

Giáo viên: | Lớp: | Ngày dạy:

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức – yêu cầu cần đạt

Sau chủ đề này, học sinh:

- Nêu được ít nhất bốn việc làm thể hiện sự chủ động tham gia giải quyết những vấn đề nảy sinh trong gia đình và chỉ ra được các việc làm đó trong một trường hợp cụ thể.
- Nêu được vai trò, trách nhiệm của bản thân trong việc tổ chức cuộc sống gia đình, gồm tổ chức đời sống tinh thần, đời sống kinh tế và sinh hoạt chung hằng ngày.
- Nêu được ít nhất ba giá trị của gia đình đối với cá nhân và đối với xã hội.
- Phân tích được ảnh hưởng của thu nhập thực tế, quyết định chi tiêu và lối sống đến chi phí sinh hoạt trong gia đình qua ba trường hợp ở sách giáo khoa trang 37.
- Thể hiện được sự chăm sóc chu đáo đến các thành viên trong gia đình qua xử lý tình huống và sắm vai.
- Thể hiện được sự chủ động tham gia giải quyết những vấn đề nảy sinh trong gia đình qua kịch tương tác.
- Thực hiện được vai trò, trách nhiệm của bản thân trong việc tổ chức cuộc sống gia đình và báo cáo được kết quả thực hiện.
- Phân tích được ảnh hưởng của ba yếu tố trên đến chi phí sinh hoạt trong gia đình mình bằng số giả định và đề xuất được điều chỉnh cần thiết.

2. Năng lực

Năng lực trải nghiệm, hướng nghiệp: năng lực thích ứng với cuộc sống khi nhận ra vấn đề nảy sinh trong gia đình và chọn cách ứng xử phù hợp; năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động khi lập kế hoạch chăm sóc người thân và tổ chức một sự kiện của gia đình.

Năng lực chung: tự chủ và tự học khi tự soi lại phần việc mình đang đảm nhận ở nhà; giao tiếp và hợp tác khi trao đổi với người thân về một việc chung; giải quyết vấn đề và sáng tạo khi cân nhắc hai phương án chi tiêu cho cùng một tình huống.

Năng lực số và AI (theo Phụ lục 3)

5.2.NC1b – sử dụng được phần mềm bảng tính để xử lý dữ liệu phục vụ học tập và đời sống. Cụ thể trong chủ đề này: học sinh lập bảng chi phí sinh hoạt bằng số giả định trên phiếu giấy, nêu rõ công thức cần tính là tổng chi và tỉ lệ phần trăm chi trên thu; giáo viên nhập bảng của hai nhóm vào phần mềm bảng tính trên máy của lớp và chiếu lên tivi để cả lớp đối chiếu kết quả tính tay với kết quả máy tính ra.

12.C2 – ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong học tập và cuộc sống. Cụ thể trong chủ đề này: học sinh đọc bốn gợi ý cắt giảm chi tiêu do một phần mềm trí tuệ nhân tạo tạo ra mà giáo viên đã in sẵn, giữ lại gợi ý dùng được và loại gợi ý không hợp với hoàn cảnh gia đình Việt Nam hoặc chạm vào nhu cầu thiết yếu, nêu rõ lí do cho từng gợi ý.

Minh chứng: bảng chi phí sinh hoạt bằng số giả định có cột tỉ lệ phần trăm; bản đối chiếu kết quả tính tay với kết quả máy tính; phiếu sàng lọc bốn gợi ý kèm lí do giữ hoặc bỏ từng gợi ý; kế hoạch một việc thể hiện trách nhiệm với gia đình.

3. Phẩm chất

Trách nhiệm: chủ động nhận phần việc của mình trong gia đình, không chờ người lớn nhắc.

Nhân ái: quan tâm, chăm sóc ông bà, cha mẹ và các em một cách chu đáo.

Trung thực: nói đúng việc mình đã làm và chưa làm được ở nhà.

Chăm chỉ: kiên trì duy trì việc đã nhận trong gia đình đến hết chủ đề.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Giáo viên: sách giáo khoa Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống), trang 34–40 và sách giáo viên; tivi và một máy tính của lớp có phần mềm bảng tính, kết nối Internet; giấy A3, A4, bút màu, thẻ giấy hai màu; bản in ba trường hợp về chi phí sinh hoạt ở trang 37 và hai tình huống chăm sóc người thân ở trang 38; bản in bốn gợi ý cắt giảm chi tiêu do phần mềm trí tuệ nhân tạo tạo ra; bộ thẻ số giả định về thu nhập và các khoản chi của ba gia đình mẫu; phiếu học tập ở Phụ lục 1.

Học sinh: sách giáo khoa, vở, bút; giấy nhớ; ghi nhớ về những việc mình thường làm ở nhà trong một tuần gần đây.

Phương án dự phòng: khi mất điện hoặc không có mạng, giáo viên dùng bản in ba trường hợp, bản in bốn gợi ý và bộ thẻ số giả định đã chuẩn bị từ trước; phần tính tỉ lệ phần trăm học sinh làm bằng máy tính cầm tay hoặc tính tay trên phiếu, phần đối chiếu với phần mềm bảng tính chuyển sang tiết sau khi có điện.

An toàn: cả chủ đề chỉ dùng SỐ GIẢ ĐỊNH do giáo viên phát. Học sinh không nêu thu nhập thật, khoản nợ, tiền tiết kiệm hay bất kì con số tài chính thật nào của gia đình mình, không nêu tên người thân kèm chuyện riêng, không chụp và không đưa giấy tờ của gia đình lên lớp. Khi kể tình huống của nhà mình, học sinh chỉ nói phần mình muốn nói và có quyền dừng lại. Học sinh không đăng nhập tài khoản cá nhân, không nhập tên thật hay địa chỉ nhà lên bất kì trang nào; phần thao tác máy do giáo viên thực hiện trên máy của lớp.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Mạch bài: nhận ra vấn đề của nhà mình → biết phần việc của mình → hiểu giá trị gia đình → đọc được đồng tiền trong nhà → chăm sóc người thân → cùng bàn bạc khi có việc lớn → làm thật một việc và báo cáo.

Tiết	Câu hỏi hoặc nội dung trung tâm	Sản phẩm nối tiếp	Thời gian
37	Chủ động tham gia giải quyết việc nhà nghĩa là làm những gì?	Bảng bốn nhóm việc làm chủ động trên giấy A3	45 phút
38	Bạn Chi đã chủ động ở chỗ nào và em đang giữ vai trò gì ở nhà?	Phiếu phân tích trường hợp và thẻ vai trò của cá nhân	45 phút
39	Gia đình có giá trị gì với mỗi người và với xã hội?	Sơ đồ ba nhóm giá trị gia đình kèm dẫn chứng	45 phút
40	Ba gia đình cùng có thu nhập nhưng vì sao chi tiêu khác nhau?	Bảng so sánh ba trường hợp theo ba yếu tố ảnh hưởng	45 phút
41	Chi phí sinh hoạt của một gia đình giả định được tính thế nào?	Bảng chi phí bằng số giả định có cột tỉ lệ phần trăm	45 phút
42	Gợi ý cắt giảm chi tiêu do máy viết ra có dùng được không?	Phiếu sàng lọc bốn gợi ý kèm lí do giữ hoặc bỏ	45 phút
43	Chăm sóc chu đáo khác chăm sóc qua loa ở chỗ nào?	Kịch bản sắm vai hai tình huống chăm sóc người thân	45 phút
44	Khi bố mẹ chưa thống nhất, người con nên góp ý thế nào?	Kịch tương tác trường hợp gia đình bạn Hiền	45 phút
45	Em sẽ làm việc gì để thể hiện là người con có trách nhiệm?	Kế hoạch một việc cụ thể và phiếu tự đánh giá chủ đề	45 phút

TIẾT 37. NHỮNG VIỆC LÀM THỂ HIỆN SỰ CHỦ ĐỘNG TRONG GIA ĐÌNH

Hoạt động 1. Mở đầu – Một ngày ở nhà em bắt đầu từ đâu (8')

a) Mục tiêu: Khơi lên nhu cầu nhìn lại phần việc của bản thân trong gia đình và làm xuất hiện câu hỏi thế nào là chủ động tham gia việc nhà.

b) Nội dung: Giáo viên chiếu tranh mở đầu chủ đề ở sách giáo khoa trang 34 với ba cảnh: người con bón cháo cho bà, cả nhà cùng dọn dẹp trang trí, và một bạn ngồi viết bản phân tích chi phí sinh hoạt. Học sinh trả lời ba câu hỏi ở mục A của Phụ lục 1.

c) Sản phẩm: Ba câu trả lời ngắn của mỗi học sinh ở mục A Phụ lục 1; danh sách việc nhà mà lớp kê ra được ghi lên bảng thành hai cột: việc được nhắc mới làm và việc tự làm.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (1'): Giáo viên chiếu tranh trang 34 lên tivi, phát Phụ lục 1 và yêu cầu mỗi em trả lời ba câu hỏi ở mục A trong ba phút, viết ngắn gọn, không cần nêu chuyện riêng.

2. Thực hiện nhiệm vụ (3'): Học sinh quan sát ba cảnh trong tranh, đối chiếu với một tuần gần đây của mình rồi viết câu trả lời. Giáo viên đi một vòng, nhắc em nào bỏ trống câu thứ ba.

3. Báo cáo, thảo luận (3'): Bốn đến năm học sinh đọc câu trả lời. Giáo viên ghi việc nhà các em kể lên bảng thành hai cột: việc phải được nhắc mới làm và việc tự thấy rồi làm.

4. Kết luận, nhận định (1'): GV chốt: Khoảng cách giữa hai cột trên bảng chính là điều chủ đề này bàn tới. Chín tiết tới lớp sẽ đi từ việc nhận ra phần việc của mình đến việc làm thật một việc cho gia đình.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới và giải quyết vấn đề

a) Mục tiêu: Đi hết chín định hướng nội dung của chủ đề ở sách giáo khoa trang 35, từ việc làm chủ động, vai trò và trách nhiệm trong gia đình, giá trị gia đình đến chi phí sinh hoạt và các hoạt động rèn luyện.

b) Nội dung: Mười bốn nhiệm vụ nối tiếp nhau, trải từ tiết 37 đến tiết 44, tám hoạt động của sách giáo khoa trang 36 đến trang 40.

c) Sản phẩm: Chuỗi sản phẩm ghi ở cột thứ ba của bảng mạch tiết phía trên; toàn bộ được lưu vào Phụ lục 1 của từng học sinh và giấy A3 của nhóm.

d) Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 2.1. Xếp việc làm chủ động thành bốn nhóm (37')

a) Mục tiêu: Nêu được ít nhất bốn việc làm thể hiện sự chủ động tham gia giải quyết những vấn đề nảy sinh trong gia đình và phân biệt được việc làm chủ động với việc làm khi được sai bảo.

b) Nội dung: Từ trải nghiệm của bản thân và bốn gợi ý ở sách giáo khoa trang 36, học sinh xếp các việc làm vào bốn nhóm: cùng bàn bạc sắp xếp và trang trí nhà mà không cần nhắc; tự nguyện bàn cách khắc phục rủi ro về kinh tế gia đình; đề xuất vấn đề của gia đình cần giải quyết; sẵn sàng nhận một phần công việc để giải quyết vấn đề đó.

c) Sản phẩm: Bảng bốn nhóm việc làm chủ động trên giấy A3 của nhóm. Mỗi nhóm có ít nhất hai việc làm cụ thể và một câu ngắn nói rõ việc ấy chủ động ở điểm nào.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (4'): Giáo viên chia lớp thành sáu nhóm, phát giấy A3 và bút màu, viết tên bốn nhóm việc làm lên bảng theo trang 36 và nêu rõ sản phẩm phải nộp cuối tiết.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18'): Các nhóm liệt kê việc làm rồi xếp vào đúng cột. Giáo viên đi từng nhóm, gợi ý bằng hai câu hỏi: việc này em tự thấy hay có người bảo, và nếu em không làm thì ai trong nhà phải làm thay.

3. Báo cáo, thảo luận (10'): Ba nhóm treo bảng và trình bày, mỗi nhóm khoảng hai phút. Ba nhóm còn lại chỉ ra việc nào đặt nhầm cột và giải thích vì sao.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Chủ động không có nghĩa là làm nhiều việc hơn mà là nhìn ra việc trước khi có người nhắc và dám nhận một phần trách nhiệm. Bốn nhóm việc trên bảng là bốn cách một người con lớp 12 tham gia vào việc chung của nhà mình.

TIẾT 38. PHÂN TÍCH TRƯỜNG HỢP VÀ XÁC ĐỊNH VAI TRÒ CỦA BẢN THÂN

Kết nối hai tiết (3’): Tiết trước lớp đã dựng xong bảng bốn nhóm việc làm chủ động. Tiết này soi bảng ấy vào một trường hợp cụ thể trong sách, rồi quay về xác định vai trò mà chính em đang giữ ở nhà.

Nhiệm vụ 2.2. Chỉ ra việc làm chủ động của bạn Chi (20’)

a) Mục tiêu: Chỉ ra được những việc làm thể hiện sự chủ động tham gia giải quyết vấn đề nảy sinh trong gia đình của bạn Chi và giải thích được vì sao đó là việc làm chủ động.

b) Nội dung: Học sinh đọc trường hợp bạn Chi ở sách giáo khoa trang 36: Chi nghe bố mẹ bàn việc mời bà nội về ở cùng và còn băn khoăn về chỗ ngủ cho bà cùng việc chăm bà khi bà đau ốm; Chi đã đề xuất để bà ngủ cùng mình và cùng em tham gia chăm bà với bố mẹ. Nhóm gạch chân từng chi tiết và xếp vào bảng bốn nhóm việc làm ở tiết trước.

c) Sản phẩm: Phiếu phân tích trường hợp của nhóm gồm: các chi tiết đã gạch chân, nhóm việc làm tương ứng và một câu trả lời cho câu hỏi nếu Chi im lặng thì chuyện gì xảy ra.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2’): Giáo viên phát bản in trường hợp bạn Chi cho từng nhóm, nêu yêu cầu gạch chân chi tiết thể hiện sự chủ động và xếp vào bảng bốn nhóm đã dựng ở tiết trước.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10’): Các nhóm đọc, gạch chân và điền phiếu. Giáo viên nhắc phân biệt hai việc: Chi nghe được chuyện của bố mẹ, và Chi lên tiếng đề xuất cách giải quyết.

3. Báo cáo, thảo luận (5’): Bốn nhóm trình bày phiếu. Lớp so sánh xem nhóm nào tìm được nhiều chi tiết hơn và chi tiết nào cả lớp cùng bỏ sót.

4. Kết luận, nhận định (3’): GV chốt: Điều đáng nói ở bạn Chi không phải là nghe được câu chuyện mà là dám nói ra một phương án và nhận một phần việc về mình. Đó là mẫu của sự chủ động.

Nhiệm vụ 2.3. Xác định vai trò, trách nhiệm của em trong tổ chức cuộc sống gia đình (22’)

a) Mục tiêu: Nêu được vai trò và trách nhiệm của bản thân trong việc tổ chức cuộc sống gia đình theo ba mảng: đời sống tinh thần, đời sống kinh tế và sinh hoạt chung hằng ngày.

b) Nội dung: Theo hoạt động 2 ở sách giáo khoa trang 36 và trang 37, học sinh chia sẻ vai trò mình đã tham gia rồi đối chiếu với bảy gợi ý của sách, gồm trang trí và sắp xếp nhà cửa, tham gia xây dựng kế hoạch chi tiêu và tiết kiệm, đề xuất cách phát triển kinh tế gia đình, chăm sóc người thân, tổ chức sự kiện của gia đình, tổ chức đi tham quan du lịch, tổ chức hoạt động vui chơi giải trí lành mạnh hoặc thăm họ hàng.

c) Sản phẩm: Thẻ vai trò của mỗi học sinh gồm ba dòng ứng với ba mảng, mỗi dòng ghi một việc mình đang làm hoặc có thể nhận thêm; thẻ được giữ lại để đối chiếu ở tiết 45.

d) Tổ chức thực hiện

- 1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'):** Giáo viên phát mỗi em một thẻ giấy, kẻ ba mảng lên bảng và đọc bảy gợi ý ở trang 36 và trang 37 để các em có chỗ dựa khi viết.
- 2. Thực hiện nhiệm vụ (10'):** Học sinh viết thẻ cá nhân rồi trao đổi theo cặp. Giáo viên nhắc chỉ viết việc, không kể hoàn cảnh riêng của gia đình; em nào để trống mảng kinh tế thì gợi ý bằng câu hỏi em có bao giờ được hỏi ý kiến khi nhà mua một thứ gì đó không.
- 3. Báo cáo, thảo luận (6'):** Sáu học sinh đọc thẻ theo ba mảng, mỗi mảng hai em. Lớp gom thành bảng vai trò chung trên bảng lớp và đánh dấu mảng nào ít người tham gia nhất.
- 4. Kết luận, nhận định (3'):** GV chốt: Học sinh lớp 12 không chỉ là người được chăm sóc trong nhà. Ba mảng trên bảng đều có chỗ cho các em, và mảng kinh tế thường là mảng bị bỏ trống nhiều nhất.

TIẾT 39. GIÁ TRỊ CỦA GIA ĐÌNH ĐỐI VỚI CÁ NHÂN VÀ XÃ HỘI

Kết nối hai tiết (3'): Hai tiết đầu đã trả lời câu hỏi em làm gì trong nhà. Tiết này lùi lại một bước để hỏi vì sao gia đình lại quan trọng đến thế, với chính em và với xã hội.

Nhiệm vụ 2.4. Dựng sơ đồ giá trị gia đình (42')

- a) Mục tiêu:** Nêu được ít nhất ba giá trị của gia đình đối với cá nhân và đối với xã hội, kèm dẫn chứng lấy từ đời sống thật.
- b) Nội dung:** Từ ba gợi ý ở sách giáo khoa trang 37 gồm gia đình là môi trường nuôi dưỡng và giáo dục mỗi người, gia đình giúp cá nhân thoả mãn nhu cầu tinh thần tình cảm và chăm sóc sức khoẻ, gia đình là tế bào của xã hội góp phần phát triển kinh tế đất nước, các nhóm dựng sơ đồ ba nhánh và bổ sung thêm ít nhất một nhánh của riêng nhóm mình.
- c) Sản phẩm:** Sơ đồ giá trị gia đình trên giấy A3 của nhóm với ít nhất bốn nhánh; mỗi nhánh có hai biểu hiện cụ thể và một dẫn chứng lấy từ đời sống mà nhóm quan sát được.
- d) Tổ chức thực hiện**

- 1. Chuyển giao nhiệm vụ (5'):** Giáo viên vẽ khung sơ đồ lên bảng, chia hai phía là giá trị với cá nhân và giá trị với xã hội, đọc ba gợi ý ở trang 37 rồi phát giấy A3 cho sáu nhóm.
- 2. Thực hiện nhiệm vụ (20'):** Các nhóm chép ba nhánh có sẵn, thêm nhánh mới và tìm dẫn chứng. Giáo viên hỏi lại nhóm nào viết dẫn chứng chung chung: điều đó em thấy ở đâu, ở nhà mình hay ở nơi em sống.
- 3. Báo cáo, thảo luận (12'):** Các nhóm treo sơ đồ, lớp đi xem một vòng rồi gom lại thành bảng giá trị chung. Lớp chỉ ra nhánh nào nhiều nhóm cùng nghĩ đến và nhánh nào chỉ một nhóm nêu.
- 4. Kết luận, nhận định (5'):** GV chốt: Gia đình vừa là chỗ dựa của một người vừa là đơn vị nhỏ nhất của xã hội. Hiểu được giá trị ấy thì phần việc mình nhận ở nhà mới có ý nghĩa, chứ không còn là việc vặt phải làm cho xong.

TIẾT 40. BA TRƯỜNG HỢP VỀ CHI PHÍ SINH HOẠT TRONG GIA ĐÌNH

Kết nối hai tiết (3’): Tiết trước lớp đã thấy gia đình có giá trị gì. Tiết này bước vào phần khó nhất của chủ đề là đồng tiền trong nhà, bắt đầu bằng ba gia đình trong sách chứ chưa nói đến nhà mình.

Trường hợp 1

Gia đình bạn Tuấn sử dụng các biện pháp phát triển kinh tế gia đình phù hợp nên có thu nhập tương đối cao và ổn định. Bố mẹ Tuấn quan tâm, chăm lo nhiều đến sức khoẻ và đời sống tinh thần cho các thành viên trong gia đình nên quyết định chi phí sinh hoạt hằng tháng chiếm 90% thu nhập.

Trường hợp 2

Ngoài lương tháng ổn định, bố mẹ Huệ không có nguồn thu nào thêm nên gia đình bạn đã hình thành lối sống tiết kiệm, mọi quyết định chi tiêu đều được cân nhắc thận trọng. Chi phí sinh hoạt hằng tháng của gia đình chỉ chiếm 70% thu nhập.

Trường hợp 3

Thu nhập của gia đình Sâm không ổn định và không có biện pháp phát triển kinh tế để tăng thu nhập. Bố mẹ Sâm thường có bao nhiêu, chi bấy nhiêu.

Ba trường hợp về ảnh hưởng của thu nhập, quyết định chi tiêu và lối sống đến chi phí sinh hoạt — SGK trang 37

Nhiệm vụ 2.5. So sánh ba gia đình Tuấn, Huệ và Sâm (20’)

a) Mục tiêu: Phân tích được ảnh hưởng của thu nhập thực tế, quyết định chi tiêu và lối sống đến chi phí sinh hoạt của gia đình trong ba trường hợp ở sách giáo khoa.

b) Nội dung: Học sinh đọc ba trường hợp ở sách giáo khoa trang 37: gia đình Tuấn có thu nhập tương đối cao và ổn định, chi phí sinh hoạt hằng tháng chiếm 90% thu nhập; gia đình Huệ chỉ có lương tháng ổn định, sống tiết kiệm, chi phí chiếm 70% thu nhập; gia đình Sâm thu nhập không ổn định, có bao nhiêu chi bấy nhiêu. Nhóm điền bảng so sánh theo ba yếu tố ảnh hưởng.

c) Sản phẩm: Bảng so sánh ba trường hợp của nhóm, mỗi trường hợp ghi rõ ba yếu tố là thu nhập thực tế, quyết định chi tiêu và lối sống, kèm một câu nhận xét về mức an toàn tài chính của gia đình đó.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2’): Giáo viên phát bản in ba trường hợp, chiếu hình ở trang 37 lên tivi và kẻ bảng so sánh ba cột lên bảng lớp.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10’): Các nhóm đọc và điền bảng. Giáo viên gợi ý bằng một câu hỏi cho cả ba trường hợp: nếu tháng sau nhà đó có việc đột xuất cần tiền thì nhà nào xoay xở được.

3. Báo cáo, thảo luận (5’): Ba nhóm trình bày ba trường hợp. Lớp tranh luận một điểm: nhà Tuấn thu nhập cao hơn nhà Huệ nhưng phần thu nhập còn lại sau chi tiêu lại ít hơn.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Chi phí sinh hoạt không do một mình thu nhập quyết định. Cùng một mức thu, quyết định chi tiêu và lối sống khác nhau sẽ cho hai kết quả rất khác nhau.

Nhiệm vụ 2.6. Ý nghĩa của việc chi tiêu phù hợp (22')

a) Mục tiêu: Nêu được ý nghĩa của việc chi tiêu phù hợp trong gia đình và chỉ ra được dấu hiệu của một kế hoạch chi tiêu phù hợp.

b) Nội dung: Theo yêu cầu thứ hai của hoạt động 3 ở sách giáo khoa trang 37, học sinh trao đổi về ý nghĩa của việc chi tiêu phù hợp, dựa trên chính ba trường hợp vừa phân tích và trên bảng vai trò đã lập ở tiết 38.

c) Sản phẩm: Thẻ ba ý nghĩa của mỗi nhóm, mỗi ý nghĩa gắn với một trường hợp trong ba trường hợp đã đọc; kèm hai dấu hiệu cho thấy một gia đình đang chi tiêu phù hợp.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'): Giáo viên nêu nhiệm vụ và lưu ý: chi tiêu phù hợp không đồng nghĩa với chi ít nhất, vì tất cả những khoản thiết yếu thì không gọi là phù hợp.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Các nhóm viết thẻ. Giáo viên đi từng nhóm, hỏi nhóm nào chỉ viết tiết kiệm là tốt: vậy khoản nào trong nhà không nên cắt dù có khó khăn.

3. Báo cáo, thảo luận (6'): Bốn nhóm dán thẻ lên bảng thành một cột chung. Lớp đọc lướt và đánh dấu ba ý nghĩa được nhiều nhóm cùng nêu.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Chi tiêu phù hợp là chi đúng chỗ và còn dư một phần cho việc bất ngờ, chứ không phải cắt bằng được mọi khoản. Đó cũng là điều lớp sẽ tính bằng số ở tiết sau.

TIẾT 41. LẬP BẢNG CHI PHÍ SINH HOẠT BẰNG SỐ GIẢ ĐỊNH

Kết nối hai tiết (3'): Tiết trước lớp đã đọc ba gia đình bằng lời. Tiết này chuyển sang tính bằng số, và toàn bộ con số dùng trong tiết đều là số giả định do giáo viên phát, không phải số thật của nhà ai.

Nhiệm vụ 2.7. Tính chi phí sinh hoạt và tỉ lệ chi trên thu (42')

a) Mục tiêu: Lập được bảng chi phí sinh hoạt của một gia đình giả định, tính được tổng chi và tỉ lệ phần trăm chi trên thu, đối chiếu được kết quả tính tay với kết quả do phần mềm bảng tính đưa ra.

b) Nội dung: Giáo viên phát cho mỗi nhóm một bộ thẻ số giả định gồm thu nhập tháng của một gia đình bốn người và sáu khoản chi là ăn uống, học hành, điện nước, đi lại, sức khỏe và phát sinh. Nhóm lập bảng trên giấy A3, cộng tổng chi và tính tỉ lệ phần trăm chi trên thu, sau đó so kết quả của nhóm mình với ba trường hợp Tuấn, Huệ, Sâm ở tiết trước. Giáo viên nhập bảng của hai nhóm vào phần mềm bảng tính trên máy của lớp và chiếu lên tivi để cả lớp đối chiếu.

c) Sản phẩm: Bảng chi phí sinh hoạt bằng số giả định của nhóm, có cột số tiền và cột tỉ lệ phần trăm của từng khoản trên tổng thu; bản đối chiếu ghi rõ chỗ nào kết quả tính tay khớp và chỗ nào lệch với kết quả máy tính ra, kèm lí do lệch.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5'): Giáo viên phát bộ thẻ số giả định cho sáu nhóm, nhắc lại quy ước an toàn là không ai nêu số thật của nhà mình, rồi hướng dẫn cách tính tỉ lệ phần trăm chi trên thu.

2. Thực hiện nhiệm vụ (20'): Các nhóm lập bảng, cộng tổng chi và tính tỉ lệ. Giáo viên đi từng nhóm kiểm hai chỗ hay sai: cộng thiếu một khoản, và lấy nhầm mẫu số khi tính phần trăm. Trong lúc đó, giáo viên nhập bảng của hai nhóm vào phần mềm bảng tính trên máy của lớp.

3. Báo cáo, thảo luận (12'): Giáo viên chiếu bảng tính lên tivi, hai nhóm lên đối chiếu từng dòng với bảng giấy của mình. Lớp tìm nguyên nhân của chỗ lệch và xếp gia đình giả định của mỗi nhóm gần với trường hợp nào trong ba trường hợp đã học.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Phần mềm bảng tính cộng nhanh và không sai phép tính, nhưng nó chỉ đúng khi người nhập đưa vào đủ khoản và đúng cột. Con số cuối cùng vẫn phải do người đọc hiểu và giải thích được.

TIẾT 42. SÀNG LỌC GỢI Ý CẮT GIẢM CHI TIÊU DO MÁY TẠO RA

Kết nối hai tiết (3'): Bảng số ở tiết trước cho thấy khoản nào đang chiếm nhiều nhất. Tiết này thử một việc mà nhiều người lớn cũng đang làm: hỏi máy xem nên cắt giảm ở đâu, rồi kiểm lại câu trả lời.

Nhiệm vụ 2.8. Giữ hay bỏ bốn gợi ý cắt giảm chi tiêu (20')

a) Mục tiêu: Đọc được bốn gợi ý cắt giảm chi tiêu do phần mềm trí tuệ nhân tạo tạo ra, giữ lại gợi ý dùng được và loại gợi ý không phù hợp, nêu rõ lí do cho từng gợi ý.

b) Nội dung: Giáo viên phát bản in bốn gợi ý đã chuẩn bị từ trước cho cùng một yêu cầu là hãy gợi ý cách cắt giảm chi phí sinh hoạt cho một gia đình bốn người. Trong bốn gợi ý có một gợi ý chạm vào khoản thiết yếu là bữa ăn của trẻ nhỏ, một gợi ý không hợp hoàn cảnh vì đòi hỏi phương tiện mà gia đình không có, một gợi ý chung chung không làm được, và một gợi ý dùng được nhưng còn thiếu chi tiết.

c) Sản phẩm: Phiếu sàng lọc của nhóm gồm bốn dòng, mỗi dòng ghi quyết định giữ hoặc bỏ và một lí do dựa vào bảng chi phí đã lập ở tiết 41 hoặc vào nguyên tắc không cắt khoản thiết yếu.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2'): Giáo viên phát bản in bốn gợi ý, nói rõ đây là câu trả lời máy đưa ra cho một yêu cầu chung và máy không biết gia đình cụ thể nào có gì.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Các nhóm đọc bốn gợi ý, đánh dấu chỗ không dùng được và ghi lí do bên cạnh. Giáo viên nhắc mỗi lí do phải chỉ được vào một dòng trong bảng chi phí ở tiết trước hoặc vào một khoản thiết yếu không được cắt.

3. Báo cáo, thảo luận (5'): Bốn nhóm trình bày phiếu sàng lọc. Lớp phản biện bằng một câu hỏi duy nhất cho mỗi gợi ý bị bỏ: bỏ gợi ý này thì nhà đó mất gì và được gì.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Máy viết trôi chảy nhưng không biết nhà nào có mấy người, ai đang ốm, ai còn nhỏ. Gợi ý của máy chỉ là bản nháp; người dùng phải soi vào hoàn cảnh thật rồi mới quyết định.

Nhiệm vụ 2.9. Đề xuất điều chỉnh cho gia đình giả định (22')

a) Mục tiêu: Đề xuất được những điều chỉnh cần thiết để chi phí sinh hoạt của gia đình giả định trở nên hợp lý hơn, mỗi đề xuất gắn với một khoản chi cụ thể.

b) Nội dung: Theo gợi ý thứ ba của hoạt động 7 ở sách giáo khoa trang 39, các nhóm quay lại bảng chi phí giả định của mình ở tiết 41, chọn hai khoản có thể điều chỉnh và viết đề xuất kèm mức thay đổi bằng số, sau đó tính lại tỉ lệ chi trên thu.

c) Sản phẩm: Bảng chi phí đã điều chỉnh của nhóm với hai khoản thay đổi, tỉ lệ chi trên thu tính lại sau điều chỉnh và một câu giải thích vì sao chọn hai khoản đó chứ không phải khoản khác.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'): Giáo viên trả lại bảng chi phí của tiết 41, nêu yêu cầu chọn đúng hai khoản để điều chỉnh và bắt buộc phải tính lại tỉ lệ sau khi sửa.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Các nhóm chọn khoản, viết đề xuất và tính lại. Giáo viên kiểm hai điều: khoản được chọn có phải khoản thiết yếu không, và tỉ lệ mới đã tính đúng chưa.

3. Báo cáo, thảo luận (6'): Ba nhóm trình bày bảng đã điều chỉnh. Lớp so sánh: cùng một gia đình giả định nhưng các nhóm chọn cắt ở những chỗ khác nhau và cho kết quả khác nhau.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Điều chỉnh chi tiêu là chọn giữa những việc đều cần, nên bao giờ cũng phải nói được vì sao giữ khoản này mà giảm khoản kia. Một đề xuất không kèm con số thì chưa kiểm được.

TIẾT 43. THỂ HIỆN SỰ CHĂM SÓC CHU ĐÁO ĐẾN NGƯỜI THÂN

Kết nối hai tiết (3'): Phần tiền bạc tạm khép lại. Tiết này chuyển sang phần tình cảm: chăm sóc người thân thể nào cho chu đáo khi bản thân em cũng đang bận việc học.

Nhiệm vụ 2.10. Xử lý hai tình huống chăm sóc người thân (20')

a) Mục tiêu: Xác định được cách xử lý thể hiện sự chăm sóc chu đáo đến các thành viên trong gia đình trong hai tình huống cụ thể của sách giáo khoa.

b) Nội dung: Học sinh xử lý hai tình huống ở sách giáo khoa trang 38: mẹ An nằm viện cần người trực buổi tối trong khi ngày mai An có bài kiểm tra và mẹ bảo An không cần ở lại; bà nội Phương phải về quê có đám giỗ trong khi Phương đã hẹn nhóm làm dự án và bố mẹ đều bận việc bất khả kháng.

c) Sản phẩm: Phiếu hai tình huống của nhóm, mỗi tình huống nêu phương án xử lý, việc cụ thể em làm, người em cần trao đổi và cách em vẫn giữ được việc học của mình.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2'): Giáo viên phát bản in hai tình huống, nêu rõ yêu cầu là tìm cách chăm sóc chu đáo mà không bỏ hẳn việc học, chứ không chọn một bên.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Các nhóm bàn phương án. Giáo viên nhắc chăm sóc chu đáo nằm ở chi tiết: hỏi trước tình hình, chuẩn bị thứ người thân cần, và báo lại cho người liên quan.

3. Báo cáo, thảo luận (5'): Hai nhóm trình bày tình huống thứ nhất, hai nhóm trình bày tình huống thứ hai. Lớp so sánh phương án nào lo được cho cả người thân lẫn việc học.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Chu đáo khác với có mặt cho đủ. Chu đáo là biết người thân đang cần gì và thu xếp trước, kể cả khi mình không thể ở bên cạnh suốt thời gian đó.

Nhiệm vụ 2.11. Sắm vai thể hiện sự chăm sóc chu đáo (22')

a) Mục tiêu: Thể hiện được sự chăm sóc chu đáo đến các thành viên trong gia đình qua sắm vai và chia sẻ được việc làm chăm sóc của bản thân.

b) Nội dung: Theo yêu cầu thứ hai và thứ ba của hoạt động 4 ở sách giáo khoa trang 39, các nhóm sắm vai một trong hai tình huống vừa xử lý, sau đó mỗi học sinh chia sẻ một việc chăm sóc người thân mà mình đã làm.

c) Sản phẩm: Phần sắm vai của nhóm dài khoảng ba phút, thể hiện rõ lời nói và việc làm chăm sóc; thể chia sẻ cá nhân ghi một việc chăm sóc em đã làm và cảm nhận của người thân.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'): Giáo viên phân vai cho các nhóm, nêu tiêu chí quan sát gồm lời hỏi han, việc làm cụ thể và cách thu xếp với người khác.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Các nhóm tập sắm vai. Giáo viên nhắc lời thoại cần tự nhiên như ở nhà, tránh nói kiểu bài học thuộc lòng.

3. Báo cáo, thảo luận (6'): Ba nhóm sắm vai trước lớp. Các nhóm còn lại ghi lại chi tiết chu đáo nhất mà nhóm bạn làm được, sau đó mỗi tổ cử một em chia sẻ việc chăm sóc thật của mình.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Những chi tiết nhỏ mà lớp vừa ghi lại chính là điều người thân nhớ lâu. Chăm sóc chu đáo được học bằng cách làm chứ không bằng cách nói.

TIẾT 44. KỊCH TƯƠNG TÁC: CÙNG BÀN BẠC KHI GIA ĐÌNH CÓ VIỆC LỚN

Kết nối hai tiết (3'): Tiết trước là chăm sóc một người. Tiết này là việc lớn của cả nhà, khi bố mẹ chưa thống nhất với nhau và người con phải chọn cách góp ý cho đúng lúc, đúng cách.

Nhiệm vụ 2.12. Xây dựng kịch bản tương tác trường hợp gia đình bạn Hiền (42')

a) Mục tiêu: Thể hiện được sự chủ động tham gia giải quyết những vấn đề nảy sinh trong gia đình qua việc xây dựng và trình diễn một kịch bản tương tác.

b) Nội dung: Học sinh đọc trường hợp ở sách giáo khoa trang 38: ông nội của Hiền nằm viện, gia đình cần tiền đóng viện phí và cần người chăm ông; bố muốn rút sổ tiết kiệm trước hạn, mẹ muốn đi vay để khỏi mất lãi của gần một năm; bố muốn cả nhà luân phiên chăm ông, mẹ cho rằng còn phương án khác tùy tình hình sức khỏe của ông. Hiền muốn góp ý còn em của Hiền cho rằng đó là việc riêng của bố mẹ. Các nhóm viết tiếp ba lượt lời còn để trống ở trang 39 cho Hiền, em Hiền và mẹ.

c) Sản phẩm: Kịch bản tương tác hoàn chỉnh của nhóm gồm các lượt lời có sẵn trong sách và ba lượt lời nhóm viết thêm; phần trình diễn trước lớp kèm một câu trả lời cho ý kiến của em Hiền rằng đây là việc riêng của bố mẹ.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5’): Giáo viên phát bản in trường hợp và các lượt lời gợi ý ở trang 39, phân vai gồm bố, mẹ, Hiền, em Hiền và người quan sát; nêu rõ ba lượt lời còn bỏ trống là phần nhóm phải viết.

2. Thực hiện nhiệm vụ (20’): Các nhóm viết tiếp kịch bản và tập trình diễn. Giáo viên đi từng nhóm, nhắc lời của Hiền phải là góp ý để bố mẹ tham khảo chứ không phải quyết định thay bố mẹ, và phải có căn cứ chứ không chỉ nêu cảm xúc.

3. Báo cáo, thảo luận (12’): Ba nhóm trình diễn, mỗi nhóm khoảng ba phút. Người quan sát của các nhóm khác ghi lại lượt lời nào làm không khí dịu xuống và lượt lời nào làm căng thêm.

4. Kết luận, nhận định (5’): GV chốt: Người con tham gia bàn việc nhà bằng cách đưa thêm thông tin và nhận một phần việc, không phải bằng cách phân xử ai đúng ai sai. Cách nói đúng lúc quan trọng không kém nội dung được nói ra.

TIẾT 45. LÀM MỘT VIỆC CHO GIA ĐÌNH VÀ TỔNG KẾT CHỦ ĐỀ

Kết nối hai tiết (3’): Tám tiết vừa qua lớp đã hiểu, đã tính và đã tập nói. Tiết cuối là lúc chọn một việc cụ thể để làm thật ở nhà và nhìn lại cả chủ đề.

Hoạt động 3. Luyện tập – Lập kế hoạch một việc thể hiện trách nhiệm với gia đình (22’)

a) Mục tiêu: Lựa chọn và lập được kế hoạch cho một hoạt động thể hiện vai trò, trách nhiệm của bản thân trong việc tổ chức cuộc sống gia đình.

b) Nội dung: Theo hoạt động 6 ở sách giáo khoa trang 39 và hoạt động 8 ở trang 40, mỗi học sinh chọn một việc trong các gợi ý gồm trang trí dọn dẹp nhà cửa, tổ chức sinh nhật cho người thân, tổ chức kỉ niệm ngày cưới của bố mẹ, tổ chức mừng thọ cho ông bà, thực hiện mục tiêu tiết kiệm, chăm sóc người thân; rồi điền vào bảng kế hoạch ở mục D Phụ lục 1.

c) Sản phẩm: Kế hoạch cá nhân của mỗi học sinh gồm việc sẽ làm, thời gian, người cùng tham gia, chuẩn bị cần có và dấu hiệu cho thấy đã làm xong.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3’): Giáo viên trả lại thẻ vai trò đã viết ở tiết 38 để mỗi em đối chiếu, sau đó hướng dẫn cách điền bảng kế hoạch ở mục D Phụ lục 1.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10’): Học sinh điền bảng. Giáo viên đi một vòng, tập trung giúp các em chưa nêu được dấu hiệu đo được, gợi ý bằng câu hỏi: làm xong rồi thì người trong nhà nhìn vào đâu để biết em đã làm.

3. Báo cáo, thảo luận (6’): Học sinh trao đổi kế hoạch theo cặp, mỗi em nhận xét kế hoạch của bạn theo hai câu hỏi: việc này có làm được trong hai tuần không và em đã hỏi ý kiến người lớn chưa.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Một kế hoạch cho gia đình chỉ chạy được khi vừa sức và được người trong nhà biết trước. Việc nhỏ mà làm đều còn hơn việc lớn chỉ nằm trên giấy.

Hoạt động 4. Vận dụng – Thực hiện, báo cáo và tự đánh giá chủ đề (20')

a) Mục tiêu: Thực hiện được việc đã lên kế hoạch trong thực tế, báo cáo được kết quả và tự đánh giá kết quả trải nghiệm chủ đề theo chín tiêu chí của sách giáo khoa.

b) Nội dung: Học sinh thực hiện kế hoạch trong hai tuần tiếp theo và trình bày dự định với gia đình theo yêu cầu ở sách giáo khoa trang 40; báo cáo kết quả bằng một trong các hình thức gợi ý ở trang 39 gồm bài viết về cảm xúc, thuyết trình có hình ảnh minh họa hoặc trưng bày sản phẩm; đồng thời hoàn thành phiếu tự đánh giá theo chín tiêu chí ở khung đánh giá cuối chủ đề trang 40 với hai mức Đạt hoặc Chưa đạt.

c) Sản phẩm: Bản báo cáo ngắn của mỗi học sinh về việc đã làm cho gia đình và phiếu tự đánh giá chín tiêu chí đã đánh dấu mức đạt được, nộp lại vào tiết sinh hoạt lớp cuối tháng.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'): Giáo viên chiếu chín tiêu chí ở trang 40, giải thích từng tiêu chí bằng sản phẩm cụ thể mà lớp đã làm trong chủ đề và nêu ba hình thức báo cáo để các em chọn.

2. Thực hiện nhiệm vụ (8'): Học sinh đánh dấu phiếu tự đánh giá và ghi kèm tên sản phẩm chứng minh cho tiêu chí mình chọn mức Đạt.

3. Báo cáo, thảo luận (6'): Ba học sinh chia sẻ tiêu chí mình chưa đạt và dự định làm tiếp trong hai tuần tới. Lớp góp ý cách làm cho từng trường hợp.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Chủ đề khép lại ở lớp nhưng việc các em nhận với gia đình thì mới bắt đầu. Bản báo cáo và phiếu tự đánh giá là căn cứ để đánh giá thường xuyên của chủ đề này.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

PHỤ LỤC 1. PHIẾU HỌC TẬP CHỦ ĐỀ 4 – DÙNG XUYỀN SUỐT CHỦ ĐỀ

Họ và tên: Lớp: Nhóm:

A. CÂU HỎI MỞ ĐẦU

1. Trong ba cảnh ở tranh mở đầu chủ đề, cảnh nào giống với gia đình em nhất?
2. Một tuần gần đây em đã làm những việc gì trong nhà mà không cần ai nhắc?
3. Có việc nào trong nhà em muốn nhận thêm nhưng chưa nói với bố mẹ không?

B. PHIẾU KIẾN THỨC CHỦ ĐỀ 4

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ / số liệu minh họa	Rút ra điều gì?
Gợi ý cách ghi →	Ghi ý chính trong SGK, 1–2 câu ngắn.	Nêu một ví dụ, số liệu hoặc trường hợp minh họa.	Viết một câu kết luận hoặc liên hệ.
1. Việc làm thể hiện sự chủ động trong gia đình			
2. Vai trò, trách nhiệm trong tổ chức cuộc sống gia đình			
3. Giá trị gia đình với cá nhân và xã hội			
4. Thu nhập, quyết định chi tiêu và lối sống			

C. MINH CHỨNG NĂNG LỰC SỐ – AI

Trong chủ đề này em làm hai việc với máy: lập bảng chi phí bằng số giả định rồi xem phần mềm bảng tính cộng lại ra sao, và đọc những gợi ý cắt giảm chi tiêu do máy viết trước khi quyết định dùng hay bỏ. Hai ví dụ dưới đây giúp em phân biệt hai loại máy khác nhau.

Ví dụ A: bảng tính điện tử trên máy của lớp. Thầy cô gõ số tiền từng khoản vào các ô, đặt công thức cộng và công thức chia; máy cho ra tổng chi và tỉ lệ phần trăm. Nhập cùng bộ số ấy mười lần thì mười lần đều ra một kết quả.

Ví dụ B: một phần mềm nhận yêu cầu “hãy gợi ý cách cắt giảm chi phí sinh hoạt cho một gia đình bốn người” rồi tự viết ra bốn cách khác nhau kèm lời giải thích; hỏi lại lần nữa thì nó cho bốn cách khác trước.

Trả lời bốn câu hỏi sau:

1. Máy trong ví dụ A và máy trong ví dụ B dùng dữ liệu gì để làm việc?
2. Nó làm gì với dữ liệu đó: chỉ tính theo công thức người đặt sẵn, hay tự tạo ra nội dung mới?
3. Trong hai ví dụ trên, đâu là phần mềm tính toán và đâu là trí tuệ nhân tạo? Vì sao em phân biệt như vậy?

4. Trước khi làm theo một gợi ý cắt giảm chi tiêu do máy viết ra, gia đình cần cân nhắc những gì?

Phiếu sàng lọc bốn gợi ý của nhóm em:

- Gợi ý 1: giữ hoặc bỏ? Lí do:
- Gợi ý 2: giữ hoặc bỏ? Lí do:
- Gợi ý 3: giữ hoặc bỏ? Lí do:
- Gợi ý 4: giữ hoặc bỏ? Lí do:

D. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

D1. Bảng chi phí sinh hoạt của gia đình giả định (số do giáo viên phát, KHÔNG dùng số thật)

Khoản chi	Số tiền giả định	Tỉ lệ trên tổng thu (%)	Có thể điều chỉnh không?	Ghi chú

D2. Kế hoạch một việc thể hiện trách nhiệm với gia đình

Mục của kế hoạch	Em điền vào đây
Việc em chọn làm	
Lí do em chọn việc này	
Thời gian thực hiện	
Người trong nhà cùng tham gia	
Những thứ cần chuẩn bị	
Dấu hiệu cho thấy em đã làm xong	

PHỤ LỤC 2. ĐÁP ÁN NGẮN – GIÁO VIÊN NHÌN NHANH

1. Gợi ý đáp án phiếu kiến thức (tham khảo)

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ / số liệu	Rút ra điều gì?
1. Việc làm thể hiện sự chủ động trong gia đình	SGK trang 36 nêu bốn việc làm thể hiện sự chủ động tham gia giải quyết vấn đề nảy sinh trong gia đình và đưa một trường hợp để học sinh nhận diện.	Bốn việc: cùng bàn bạc sắp xếp, trang trí nhà mà không cần nhắc; tự nguyện bàn cách khắc phục rủi ro về kinh tế; đề xuất vấn đề cần giải quyết; sẵn sàng nhận một phần công việc. Trường hợp bạn Chi: đề xuất để bà ngủ cùng mình và cùng em chăm bà với bố mẹ.	Chủ động là nhìn ra việc trước khi được nhắc và dám nhận một phần trách nhiệm, không phải làm nhiều việc hơn.
2. Vai trò, trách nhiệm trong tổ chức cuộc sống gia đình	SGK trang 36 và trang 37 chia vai trò thành ba mảng là đời sống tinh thần, đời sống kinh tế và sinh hoạt chung hằng ngày, kèm bảy gợi ý việc làm cụ thể.	Bảy gợi ý gồm: trang trí, sắp xếp nhà cửa; tham gia xây dựng kế hoạch chi tiêu và tiết kiệm; đề xuất cách phát triển kinh tế gia đình; chăm sóc người thân; tổ chức sự kiện của gia đình; tổ chức đi tham quan, du lịch; tổ chức vui chơi giải trí lành mạnh hoặc thăm họ hàng.	Học sinh lớp 12 có chỗ trong cả ba mảng; mảng kinh tế thường bị bỏ trống nhiều nhất.
3. Giá trị gia đình với cá nhân và xã hội	SGK trang 37 nêu ba giá trị của gia đình, chia theo hai phía là với cá nhân và với xã hội.	Ba giá trị: gia đình là môi trường nuôi dưỡng và giáo dục mỗi người; gia đình giúp cá nhân thoả mãn nhu cầu tinh thần, tình cảm và chăm sóc sức khỏe; gia đình là tế bào của xã hội, góp phần phát triển kinh tế cho đất nước.	Hiểu giá trị của gia đình thì phần việc mình nhận ở nhà mới có ý nghĩa, không còn là việc vặt phải làm cho xong.
4. Thu nhập, quyết định chi tiêu và lối sống	SGK trang 37 đưa ba trường hợp cho thấy chi phí sinh hoạt chịu ảnh hưởng của ba yếu tố là thu nhập thực tế, quyết định chi tiêu và lối sống; sau đó hỏi về ý nghĩa của việc chi tiêu phù hợp.	Gia đình Tuấn thu nhập tương đối cao và ổn định, chi phí sinh hoạt hằng tháng chiếm 90% thu nhập. Gia đình Huệ chỉ có lương tháng ổn định, sống tiết kiệm, chi phí chiếm 70% thu nhập. Gia đình Sâm thu nhập không ổn định, có bao nhiêu chi bấy nhiêu.	Cùng một mức thu nhập, quyết định chi tiêu và lối sống khác nhau cho hai kết quả rất khác nhau; nhà Tuấn thu cao hơn nhưng phần còn lại sau chi tiêu lại ít hơn nhà Huệ.

2. Ghi chú cho phần Năng lực số – AI ở Phụ lục 1

Ví dụ A – bảng tính điện tử làm việc trên những con số người dùng gõ vào ô và công thức người dùng đặt sẵn; nó cộng và chia đúng theo công thức đó, nhập cùng bộ số bao nhiêu lần cũng ra một kết quả. Đây là phần mềm tính toán.

Ví dụ B – phần mềm ở ví dụ B nhận yêu cầu bằng lời của người dùng, dựa vào kho văn bản đã học để ghép ra nội dung mới, nên hỏi hai lần được hai kết quả khác nhau. Đây là trí tuệ nhân tạo.

Câu hỏi 4 – trước khi làm theo một gợi ý cắt giảm chi tiêu, gia đình cần cân nhắc ba điều: khoản định cắt có phải khoản thiết yếu như ăn uống, học hành, thuốc men không; gia đình có đủ điều kiện làm theo cách đó không; và cắt xong thì được bao nhiêu so với phần bất tiện phải chịu.

Phiếu tự đánh giá phần này (dùng hai mức):

- Nêu đúng dữ liệu mà mỗi máy sử dụng: Đạt hoặc Chưa đạt.
- Phân biệt được phần mềm tính toán với trí tuệ nhân tạo và giải thích được lí do: Đạt hoặc Chưa đạt.
- Lập bảng chi phí bằng số giả định và tính đúng tỉ lệ chi trên thu: Đạt hoặc Chưa đạt.
- Nêu được lí do giữ hoặc bỏ cho cả bốn gợi ý của máy: Đạt hoặc Chưa đạt.

3. Lỗi thường gặp và gợi mở

Lỗi 1 – học sinh kể số tiền thật của gia đình trước lớp vì thấy bạn khác kể. Gợi mở: dừng lại ngay, nhắc quy ước an toàn của chủ đề và đưa lại bộ thẻ số giả định; khen ý tưởng phân tích nhưng đổi sang số giả định.

Lỗi 2 – tính tỉ lệ phần trăm lấy nhầm mẫu số, chia cho tổng chi thay vì chia cho tổng thu. Gợi mở: hỏi lại một câu — em muốn biết khoản này chiếm bao nhiêu phần của cái gì, rồi cho tính lại một dòng làm mẫu.

Lỗi 3 – học sinh coi chi tiêu phù hợp là cắt càng nhiều càng tốt, cắt cả bữa ăn và thuốc men. Gợi mở: hỏi khoản nào trong nhà không được cắt dù khó khăn đến đâu, rồi cho phân loại lại các khoản.

Lỗi 4 – trong kịch tương tác, học sinh để nhân vật Hiền phân xử bố mẹ ai đúng ai sai. Gợi mở: nhắc lại vai của Hiền là góp thêm thông tin và nhận một phần việc, cho viết lại lượt lời theo hướng đề đạt.

Lỗi 5 – kế hoạch việc làm cho gia đình viết chung chung như sẽ ngoan hơn, sẽ giúp bố mẹ nhiều hơn. Gợi mở: yêu cầu đổi thành một việc có tên, có ngày làm và có dấu hiệu người trong nhà nhìn thấy được.

4. Bảng tiêu chí đánh giá

Tiêu chí	Đạt tốt	Đạt	Chưa đạt
Kiến thức, quy trình	Đúng và đủ ý; giải thích hoặc thao tác có dẫn chứng.	Đúng các ý hoặc bước chính.	Sai hoặc thiếu ý, bước cốt lõi.
Sản phẩm và dữ	Rõ ràng, kiểm tra lại được	Có sản phẩm và dẫn	Chung chung, thiếu dẫn

Tiêu chí	Đạt tốt	Đạt	Chưa đạt
liệu	nguồn; có nêu giới hạn và sai số.	chứng cơ bản.	chứng hoặc đơn vị.
Năng lực số và AI (Phụ lục 3)	Đủ dữ liệu – chức năng – kết quả – người kiểm chứng.	Nêu đúng ứng dụng và bước kiểm tra.	Nhằm phần mềm tính toán thông thường là trí tuệ nhân tạo, hoặc tin tuyệt đối vào kết quả của máy.
Hợp tác, an toàn	Đúng vai, đúng giờ; trung thực và giữ đúng quy ước dùng số giả định.	Hoàn thành nhiệm vụ cơ bản.	Thiếu phối hợp hoặc nêu thông tin riêng của gia đình.

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 2026
GIÁO VIÊN (Ký và ghi rõ họ tên)

SỞ GD&ĐT:

TRƯỜNG:

TỔ: TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 12

BỘ SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG — (Năm học 2026 - 2027)

CHỦ ĐỀ 5. XÂY DỰNG CỘNG ĐỒNG

(Số tiết: 9 — tiết 46 và tiết 48 đến tiết 55)

Giáo viên: | Lớp: | Ngày dạy:

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức – yêu cầu cần đạt

Sau chủ đề này, học sinh:

- Nêu được các biểu hiện của sự chủ động, tự tin trong thiết lập các mối quan hệ xã hội và các biểu hiện của sự sẵn sàng chia sẻ giúp đỡ cộng đồng.
- Thể hiện được sự chủ động, tự tin trong thiết lập các mối quan hệ xã hội và sẵn sàng chia sẻ giúp đỡ cộng đồng qua xây dựng và trình diễn tiểu phẩm.
- Nêu được các hoạt động giáo dục tình đoàn kết dân tộc, hoà bình, hữu nghị phù hợp với học sinh trung học phổ thông và thực hiện được ít nhất một hoạt động.
- Thể hiện được sự hứng thú, ham hiểu biết khi khám phá các nền văn hoá khác nhau và thái độ tôn trọng sự khác biệt giữa các nền văn hoá.
- Xác định được các biện pháp quản lý dự án hoạt động tình nguyện nhân đạo.
- Lập và thực hiện được kế hoạch dự án hoạt động tình nguyện nhân đạo có đủ bảy nội dung theo sách giáo khoa trang 47.
- Đánh giá được ý nghĩa của hoạt động xã hội đối với cá nhân, gia đình và cộng đồng.

– Tham gia được ít nhất một hoạt động xây dựng cộng đồng nơi mình sinh sống và báo cáo được kết quả.

2. Năng lực

Năng lực trải nghiệm, hướng nghiệp: năng lực thích ứng với cuộc sống khi làm quen và làm việc với những người ngoài phạm vi lớp học; năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động khi lập kế hoạch dự án tình nguyện nhân đạo, phân công nhiệm vụ và theo dõi tiến độ.

Năng lực chung: giao tiếp và hợp tác khi mở đầu một cuộc trò chuyện với người lạ và khi làm việc nhóm dài ngày; tự chủ và tự học khi tự tìm hiểu một nền văn hoá; giải quyết vấn đề và sáng tạo khi xử lý việc phát sinh trong quá trình chạy dự án.

Năng lực số và AI (theo Phụ lục 3)

2.4.NC1a – biết cách tương tác và hợp tác thông qua công nghệ số một cách phù hợp với chuẩn mực hành vi. Cụ thể trong chủ đề này: học sinh chọn và phân công công cụ số cho ba khâu của dự án tình nguyện nhóm mình gồm bảng kế hoạch dùng chung, biểu mẫu ghi nhận đóng góp và kênh liên lạc, ghi rõ ai giữ, ai kiểm lại và giải trình vì sao chọn công cụ đó; trên kênh đã chọn, học sinh soạn trên giấy nội dung lời mời và lời cảm ơn, tự rà theo bốn chuẩn mực là xưng hô đúng vai, nói đủ thông tin, không nêu tên người nhận hỗ trợ kèm hoàn cảnh riêng và không hứa điều chưa chắc làm được; giáo viên là người gõ và gửi bản đã duyệt qua nhóm liên lạc của trường trên máy tính của lớp.

12.A2 – nguyên tắc đạo đức khi dùng trí tuệ nhân tạo. Cụ thể trong chủ đề này: mỗi học sinh soạn bộ ba nguyên tắc của riêng mình khi dùng trí tuệ nhân tạo để làm sản phẩm truyền thông cộng đồng, sau đó nhóm lấy chính bộ nguyên tắc ấy soi lại bản in do máy tạo ra mà giáo viên đã chuẩn bị sẵn, gạch bỏ những hình ảnh và số liệu chưa xác minh được bằng tư liệu chính thức và ghi rõ nguyên tắc nào bị vi phạm.

Minh chứng: bảng phân công công cụ số cho ba khâu của dự án kèm lí do chọn; bản nội dung lời mời và lời cảm ơn đã rà theo bốn chuẩn mực; bộ ba nguyên tắc dùng máy của mỗi học sinh và bản in đã gạch bỏ phần chưa xác minh được; kế hoạch dự án tình nguyện nhân đạo của nhóm; báo cáo hoạt động xây dựng cộng đồng nơi em sống.

3. Phẩm chất

Nhân ái: sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn trong cộng đồng một cách kín đáo và tôn trọng.

Trách nhiệm: giữ đúng cam kết với nhóm và với đơn vị tiếp nhận trong suốt quá trình chạy dự án.

Yêu nước: trân trọng bản sắc văn hoá dân tộc mình và tôn trọng sự khác biệt của các nền văn hoá khác.

Trung thực: công khai, minh bạch trong tiếp nhận và sử dụng nguồn lực quyên góp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Giáo viên: sách giáo khoa Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống), trang 41–50 và sách giáo viên; tivi và một máy tính của lớp, kết nối Internet; giấy A3, A4, bút màu, thẻ giấy bốn màu; bản in hai trường hợp ở trang 43 và bản in kế

hoạch dự án mẫu ở trang 48; tư liệu chính thức đã in sẵn về một nền văn hoá để đối chiếu, lấy từ cổng thông tin của cơ quan văn hoá hoặc bảo tàng; bản in một đoạn giới thiệu kèm ba con số và một tranh minh hoạ trang phục về nền văn hoá đó do phần mềm trí tuệ nhân tạo tạo ra; thùng và sổ ghi nhận quyên góp; phiếu học tập ở Phụ lục 1.

Học sinh: sách giáo khoa, vở, bút; giấy nhớ; tư liệu hoặc hình ảnh sưu tầm được về một nền văn hoá và về hoạt động cộng đồng ở nơi mình sống.

Phương án dự phòng: khi mất điện hoặc không có mạng, giáo viên dùng bản in tư liệu chính thức và bản in phần do máy tạo ra đã chuẩn bị từ trước; phần chiếu tivi chuyển sang treo giấy A3 trên bảng; phần gửi lời mời qua nhóm liên lạc của trường chuyển sang gửi bản giấy qua giáo viên chủ nhiệm các lớp.

An toàn: học sinh không đăng nhập tài khoản cá nhân, không nhập tên thật, số điện thoại hay địa chỉ nhà lên bất kì trang nào; phần thao tác máy và phần gửi tin do giáo viên thực hiện trên máy của lớp. Khi nói về người có hoàn cảnh khó khăn, học sinh không nêu tên thật, không chụp ảnh và không kể chi tiết riêng tư của họ. Việc quyên góp chỉ nhận hiện vật hoặc tiền qua Đoàn trường, có sổ ghi nhận công khai, không ai giữ tiền riêng. Khi hoạt động ngoài nhà trường, học sinh đi theo nhóm có giáo viên hoặc người lớn phụ trách và phải được gia đình đồng ý.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Mạch bài: mở lòng với người khác → biết các hoạt động đoàn kết, hữu nghị → hiểu và tôn trọng nền văn hoá khác → biết cách quản lí một dự án → lập và chạy dự án tình nguyện → đánh giá ý nghĩa và làm việc cho nơi mình sống.

Tiết	Câu hỏi hoặc nội dung trung tâm	Sản phẩm nói tiếp	Thời gian
46	Chủ động, tự tin trong quan hệ xã hội biểu hiện ra sao?	Bảng hai nhóm biểu hiện trên giấy A3	45 phút
48	Hai bạn Tuấn và Minh đã chủ động ở chỗ nào?	Phiếu phân tích hai trường hợp và tiểu phẩm phác thảo	45 phút
49	Học sinh trung học phổ thông làm được hoạt động đoàn kết, hữu nghị nào?	Bốn khung hoạt động, trong đó nhóm tự viết khung còn trống	45 phút
50	Em đặt nguyên tắc nào cho mình khi dùng máy làm sản phẩm truyền thông?	Bộ ba nguyên tắc của mỗi em và bản in đã gạch bỏ phần chưa xác minh	45 phút
51	Vì sao phải tôn trọng sự khác biệt giữa các nền văn hoá?	Bài thuyết trình của nhóm về tôn trọng khác biệt văn hoá	45 phút
52	Quản lí một dự án tình nguyện gồm những việc gì?	Sơ đồ sáu biện pháp quản lí dự án	45 phút
53	Kế hoạch dự án tình nguyện nhân đạo cần đủ những mục nào?	Bản kế hoạch dự án của nhóm đủ bảy nội dung	45 phút
54	Dự án của nhóm dùng công cụ số nào và ai giữ khâu nào?	Bảng phân công công cụ số kèm lời mời và lời cảm ơn đã rà bốn chuẩn mục	45 phút

Tiết	Câu hỏi hoặc nội dung trung tâm	Sản phẩm nổi tiếp	Thời gian
55	Hoạt động xã hội để lại điều gì và em làm được gì cho nơi mình sống?	Phiếu ba hướng ý nghĩa và kế hoạch việc làm ở địa phương	45 phút

TIẾT 46. BIỂU HIỆN CỦA SỰ CHỦ ĐỘNG, TỰ TIN VÀ SẴN SÀNG GIÚP ĐỠ CỘNG ĐỒNG

Hoạt động 1. Mở đầu – Ba bức tranh về cộng đồng (8')

a) Mục tiêu: Khởi lên hứng thú với các hoạt động vì cộng đồng và làm xuất hiện nhu cầu tìm hiểu thế nào là chủ động, tự tin trong quan hệ xã hội.

b) Nội dung: Giáo viên chiếu tranh mở đầu chủ đề ở sách giáo khoa trang 41 với ba cảnh: nhóm học sinh đến thăm và tặng quà một bà cụ; năm người thuộc nhiều dân tộc và quốc tịch nắm tay nhau trước quả địa cầu có chim bồ câu bay phía trên; sân khấu giao lưu văn hoá các dân tộc Việt Nam với sáu người múa trong trang phục dân tộc. Học sinh trả lời ba câu hỏi ở mục A của Phụ lục 1.

c) Sản phẩm: Ba câu trả lời ngắn của mỗi học sinh ở mục A Phụ lục 1; danh sách hoạt động vì cộng đồng mà lớp đã từng tham gia, ghi lên bảng lớp.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (1'): Giáo viên chiếu tranh trang 41 lên tivi, phát Phụ lục 1 và yêu cầu mỗi em trả lời ba câu hỏi ở mục A trong ba phút.

2. Thực hiện nhiệm vụ (3'): Học sinh quan sát ba cảnh trong tranh, liên hệ với hoạt động mình đã tham gia rồi viết câu trả lời. Giáo viên đi một vòng, nhắc em nào còn bỏ trống.

3. Báo cáo, thảo luận (3'): Bốn đến năm học sinh đọc câu trả lời. Giáo viên ghi lên bảng những hoạt động lớp đã tham gia và gom thành ba nhóm ứng với ba cảnh trong tranh.

4. Kết luận, nhận định (1'): GV chốt: Ba cảnh trong tranh là ba hướng của chủ đề này — giúp đỡ người quanh mình, kết bạn với thế giới và giữ lấy bản sắc của chính mình. Chín tiết tới lớp sẽ đi cả ba hướng và kết lại bằng một dự án làm thật.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới và giải quyết vấn đề

a) Mục tiêu: Đi hết mười một định hướng nội dung của chủ đề ở sách giáo khoa trang 42, từ biểu hiện của sự chủ động và sẵn sàng giúp đỡ cộng đồng đến khám phá văn hoá, quản lý dự án tình nguyện và tham gia xây dựng cộng đồng.

b) Nội dung: Mười lăm nhiệm vụ nối tiếp nhau, trải từ tiết 46 đến tiết 54, tám mươi hoạt động của sách giáo khoa trang 43 đến trang 49.

c) Sản phẩm: Chuỗi sản phẩm ghi ở cột thứ ba của bảng mạch tiết phía trên; toàn bộ được lưu vào Phụ lục 1 của từng học sinh và giấy A3 của nhóm.

d) Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 2.1. Xếp biểu hiện thành hai nhóm (37')

a) Mục tiêu: Nêu được các biểu hiện của sự chủ động, tự tin trong thiết lập các mối quan hệ xã hội và các biểu hiện của sự sẵn sàng chia sẻ giúp đỡ cộng đồng.

b) Nội dung: Từ trải nghiệm của bản thân và các gợi ý ở sách giáo khoa trang 43, học sinh xếp các biểu hiện vào hai nhóm. Nhóm thứ nhất về thiết lập quan hệ xã hội gồm mạnh dạn trong giao tiếp, cởi mở và tôn trọng các đối tượng khác nhau, thể hiện thái độ thiện chí khi làm quen, lắng nghe tích cực, phối hợp lời nói với ánh mắt và cử chỉ để tạo niềm tin, sắp xếp thời gian hợp lý để phát triển các mối quan hệ. Nhóm thứ hai về sẵn sàng giúp đỡ cộng đồng gồm tự nguyện chia sẻ và hỗ trợ người khác, tích cực tham gia quyên góp ủng hộ, chia sẻ giúp đỡ mọi người mọi lúc mọi nơi khi có thể.

c) Sản phẩm: Bảng hai nhóm biểu hiện trên giấy A3 của nhóm. Mỗi nhóm có các biểu hiện chép từ sách và ít nhất hai biểu hiện do nhóm bổ sung, mỗi biểu hiện kèm một tình huống có thật ở trường hoặc ở nơi các em sống.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (4'): Giáo viên chia lớp thành sáu nhóm, phát giấy A3 và bút màu, kẻ hai cột lên bảng và nêu rõ sản phẩm phải nộp cuối tiết.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18'): Các nhóm chép biểu hiện từ sách, bổ sung biểu hiện mới và gắn tình huống. Giáo viên đi từng nhóm, hỏi nhóm nào viết chung chung: biểu hiện này người ngoài nhìn vào đâu thì thấy được.

3. Báo cáo, thảo luận (10'): Ba nhóm treo bảng và trình bày, mỗi nhóm khoảng hai phút. Ba nhóm còn lại nêu biểu hiện mình xếp khác và giải thích căn cứ.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Chủ động và tự tin không phải là nói nhiều mà là dám mở lời trước và biết lắng nghe. Sẵn sàng giúp đỡ cộng đồng cũng vậy: bắt đầu từ việc để ý thấy người bên cạnh đang cần gì.

TIẾT 48. PHÂN TÍCH TRƯỜNG HỢP VÀ XÂY DỰNG TIỂU PHẨM

Kết nối hai tiết (3'): Tiết 46 lớp đã dựng xong bảng hai nhóm biểu hiện, sau đó là tiết kiểm tra cuối kì. Tiết này nối lại mạch chủ đề bằng cách soi bảng ấy vào hai trường hợp trong sách rồi dựng tiểu phẩm.

Nhiệm vụ 2.2. Phân tích hai trường hợp của Tuấn và Minh (20')

a) Mục tiêu: Xác định được các biểu hiện của sự chủ động, tự tin thiết lập quan hệ xã hội và sẵn sàng chia sẻ giúp đỡ cộng đồng trong hai trường hợp cụ thể.

b) Nội dung: Học sinh đọc hai trường hợp ở sách giáo khoa trang 43. Trường hợp thứ nhất: Tuấn phấn đấu trở thành học sinh “3 tốt”, chủ động làm quen với các bạn khối lớp khác, tích cực tham gia hoạt động của trường để phát huy sở trường bóng rổ và bóng chuyền, chăm chỉ học tập và hăng hái phát biểu. Trường hợp thứ hai: Minh biết ông Hạnh hàng xóm nhà Tiến là người khuyết tật có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nên đã kể lại cho người thân và bạn bè, cùng Tiến vận động mọi người chung tay giúp đỡ ông.

c) Sản phẩm: Phiếu phân tích của nhóm, mỗi trường hợp ghi rõ biểu hiện thuộc nhóm nào trong hai nhóm ở tiết 46 và một câu trả lời cho câu hỏi nếu nhân vật không chủ động thì kết quả sẽ khác thế nào.

d) Tổ chức thực hiện

- 1. Chuyển giao nhiệm vụ (2'):** Giáo viên phát bản in hai trường hợp, nêu yêu cầu gạch chân biểu hiện và xếp vào bảng hai nhóm đã dựng ở tiết 46.
- 2. Thực hiện nhiệm vụ (10'):** Các nhóm đọc, gạch chân và điền phiếu. Giáo viên nhắc phân biệt hai việc ở trường hợp thứ hai: Minh biết được hoàn cảnh của ông Hạnh, và Minh đứng ra vận động.
- 3. Báo cáo, thảo luận (5'):** Bốn nhóm trình bày phiếu. Lớp so sánh: trường hợp của Tuấn nghiêng về thiết lập quan hệ, trường hợp của Minh nghiêng về chia sẻ giúp đỡ cộng đồng.
- 4. Kết luận, nhận định (3'):** GV chốt: Cả hai bạn đều bắt đầu bằng việc đề ý và mở lời. Điều khác nhau chỉ là Tuấn hướng vào việc học và rèn luyện của mình, còn Minh hướng ra một người đang cần giúp.

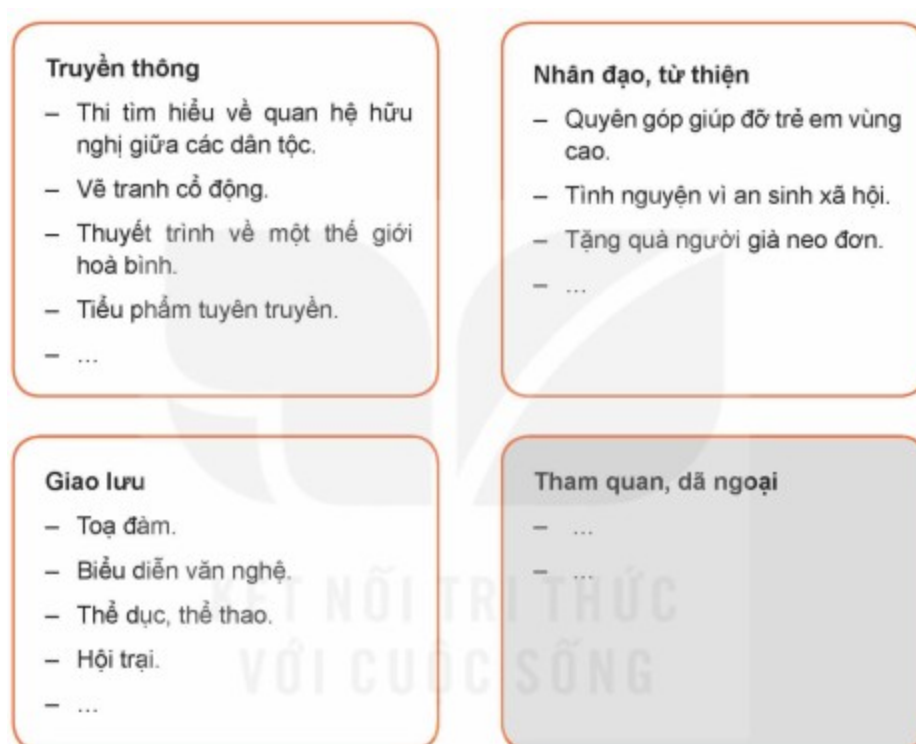
Nhiệm vụ 2.3. Xây dựng và trình diễn tiểu phẩm (22')

- a) Mục tiêu:** Thể hiện được sự chủ động, tự tin trong thiết lập các mối quan hệ xã hội và sẵn sàng chia sẻ giúp đỡ cộng đồng qua một tiểu phẩm ngắn.
- b) Nội dung:** Theo hoạt động 4 ở sách giáo khoa trang 45, mỗi nhóm chọn một nội dung rồi xây dựng kịch bản theo bốn bước gợi ý: xác định mục đích thiết lập mối quan hệ, biết rõ đối tượng muốn thiết lập quan hệ, lựa chọn phương pháp và kỹ năng phù hợp; hoặc với hướng giúp đỡ cộng đồng thì xác định khó khăn cộng đồng đang gặp, tìm cách huy động nguồn lực và chọn phương thức chia sẻ.
- c) Sản phẩm:** Tiểu phẩm của nhóm dài khoảng ba phút, có ít nhất hai nhân vật, thể hiện rõ bốn bước đã chọn; kèm phiếu nhận xét của các nhóm khác theo hai tiêu chí là mở lời tự nhiên và cách giúp đỡ tôn trọng người nhận.
- d) Tổ chức thực hiện**

- 1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'):** Giáo viên nêu hai hướng nội dung, phát phiếu nhận xét cho các nhóm và nhấn mạnh quy ước không nêu tên thật của người có hoàn cảnh khó khăn.
- 2. Thực hiện nhiệm vụ (10'):** Các nhóm viết kịch bản và tập diễn. Giáo viên nhắc lời thoại mở đầu là chỗ khó nhất, nên tập kỹ câu đầu tiên khi làm quen với người lạ.
- 3. Báo cáo, thảo luận (6'):** Ba nhóm trình diễn trước lớp. Các nhóm còn lại ghi phiếu nhận xét và nêu một câu thoại mà mình thấy tự nhiên nhất.
- 4. Kết luận, nhận định (3'):** GV chốt: Giúp đỡ cộng đồng đúng cách là giúp mà người nhận vẫn giữ được sự tự trọng. Vì thế lời mở đầu và cách trao đi quan trọng không kém phần quà.

TIẾT 49. HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TÌNH ĐOÀN KẾT DÂN TỘC, HOÀ BÌNH, HỮU NGHỊ

Kết nối hai tiết (3'): Tiết trước lớp đã tập mở lời với một người. Tiết này mở rộng ra cả cộng đồng và xa hơn nữa là bạn bè quốc tế, bắt đầu bằng việc điểm lại các hoạt động phù hợp với học sinh.



Bốn khung gợi ý hoạt động giáo dục tình đoàn kết dân tộc, hoà bình, hữu nghị — SGK trang 44

Nhiệm vụ 2.4. Điền bốn khung hoạt động, trong đó có một khung để trống (42')

a) Mục tiêu: Xác định được những hoạt động giáo dục tình đoàn kết dân tộc, hoà bình, hữu nghị phù hợp với học sinh trung học phổ thông và tự đề xuất được hoạt động cho khung còn bỏ trống trong sách.

b) Nội dung: Học sinh chia sẻ hoạt động đã tham gia hoặc đã biết, sau đó đối chiếu với bốn khung gợi ý ở sách giáo khoa trang 44. Ba khung đã có nội dung: khung Truyền thông gồm thi tìm hiểu về quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc, vẽ tranh cổ động, thuyết trình về một thế giới hoà bình, tiểu phẩm tuyên truyền; khung Nhân đạo, từ thiện gồm quyên góp giúp đỡ trẻ em vùng cao, tình nguyện vì an sinh xã hội, tặng quà người già neo đơn; khung Giao lưu gồm toạ đàm, biểu diễn văn nghệ, thẻ đục thẻ thao, hội trại. Riêng khung thứ tư mang tên Tham quan, dã ngoại trong sách chỉ có hai dấu ba chấm và bỏ trống hoàn toàn, nên đây là phần các nhóm tự đề xuất.

c) Sản phẩm: Bảng bốn khung hoạt động trên giấy A3 của nhóm; riêng khung Tham quan, dã ngoại có ít nhất ba hoạt động do nhóm tự đề xuất, mỗi hoạt động ghi kèm địa điểm dự kiến và điều kiện an toàn cần bảo đảm.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5'): Giáo viên chiếu hình bốn khung ở trang 44 lên tivi, nói rõ khung thứ tư trong sách bỏ trống nên phần đó là việc của các nhóm; phát giấy A3 và nêu yêu cầu mỗi hoạt động tự đề xuất phải kèm địa điểm và điều kiện an toàn.

2. Thực hiện nhiệm vụ (20'): Các nhóm chép ba khung có sẵn, bổ sung hoạt động mới rồi tập trung vào khung còn trống. Giáo viên gợi ý bằng câu hỏi: ở địa phương mình có di tích, bảo tàng hay làng nghề nào đi được trong một buổi, và đi thì cần xin phép ai.

3. Báo cáo, thảo luận (12'): Bốn nhóm trình bày, mỗi nhóm khoảng ba phút, tập trung vào khung tự đề xuất. Lớp gom các đề xuất trùng nhau và bỏ phiếu chọn hai hoạt động khả thi nhất.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Sách để trống một khung cũng là một lời mời. Hoạt động do chính các em đề xuất thường sát điều kiện của trường hơn, miễn là nói rõ đi đâu, đi với ai và bảo đảm an toàn thế nào.

TIẾT 50. KHÁM PHÁ MỘT NỀN VĂN HOÁ VÀ ĐẶT NGUYÊN TẮC DÙNG MÁY

Kết nối hai tiết (3'): Trong bốn khung tiết trước có nhiều hoạt động cần hiểu biết về văn hoá. Tiết này lớp thử khám phá một nền văn hoá, rồi tự đặt ra luật cho mình trước khi lấy thứ máy viết ra đem nói với người khác.

Nhiệm vụ 2.5. Chọn nội dung và thiết kế hoạt động khám phá một nền văn hoá (20')

a) Mục tiêu: Lựa chọn được nội dung và thiết kế được một hoạt động khám phá một nền văn hoá phù hợp với điều kiện của lớp.

b) Nội dung: Theo hoạt động 5 ở sách giáo khoa trang 45 và trang 46, mỗi nhóm chọn một nền văn hoá và một nội dung trong các gợi ý gồm phong tục tập quán, lễ hội truyền thống, các làn điệu dân ca, trang phục dân tộc, ẩm thực, kiến trúc, hội hoạ; sau đó thiết kế hoạt động khám phá và chọn hình thức báo cáo trong các gợi ý gồm thuyết trình, biểu diễn văn nghệ, trình diễn trang phục truyền thống, trò chơi dân gian.

c) Sản phẩm: Bản thiết kế hoạt động khám phá của nhóm gồm nền văn hoá được chọn, nội dung khám phá, cách tìm tư liệu, hình thức báo cáo và phân công cho từng thành viên.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2'): Giáo viên nêu các gợi ý nội dung và hình thức báo cáo, phát phiếu thiết kế và cho các nhóm bốc thăm để tránh trùng nền văn hoá.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Các nhóm điền phiếu thiết kế. Giáo viên nhắc chọn hình thức báo cáo vừa sức, và mỗi thành viên đều phải có phần việc riêng.

3. Báo cáo, thảo luận (5'): Bốn nhóm trình bày bản thiết kế. Lớp góp ý phần tìm tư liệu: nhóm định lấy tư liệu ở đâu và có kiểm lại được không.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Khám phá một nền văn hoá bắt đầu từ việc chọn đúng một góc nhỏ để đi sâu, chứ không phải kẻ lướt qua tất cả. Nhưng dù chọn góc nào thì tư liệu vẫn phải tra lại được.

Nhiệm vụ 2.6. Bộ nguyên tắc của em khi dùng máy làm sản phẩm truyền thông (22')

a) Mục tiêu: Soạn được bộ nguyên tắc riêng của bản thân khi dùng trí tuệ nhân tạo để làm sản phẩm truyền thông cộng đồng; đối chiếu bộ nguyên tắc ấy với sản phẩm của nhóm để loại bỏ những hình ảnh và số liệu do máy tạo ra mà chưa xác minh được.

b) Nội dung: Giáo viên phát cho mỗi nhóm một bản in gồm hai phần do một phần mềm trí tuệ nhân tạo tạo ra về nền văn hoá nhóm đang tìm hiểu: một đoạn giới thiệu có kèm ba con số và một bức tranh minh hoạ trang phục truyền thống. Kèm theo là bản in tư liệu chính thức lấy từ cổng thông tin của cơ quan văn hoá hoặc bảo tàng. Mỗi học sinh tự viết bộ ba

nguyên tắc cho riêng mình, chẳng hạn chỉ đưa vào sản phẩm những con số tra được trong tư liệu chính thức, ghi rõ hình nào do máy vẽ chứ không phải ảnh chụp thật, và không để máy nói thay tiếng nói của cộng đồng mình đang giới thiệu. Sau đó nhóm lấy chính bộ nguyên tắc ấy soi lại bản in, gạch bỏ phần không giữ được và ghi lí do loại bỏ.

c) Sản phẩm: Bộ ba nguyên tắc viết tay của mỗi học sinh ở mục C1 Phụ lục 1; bản in của nhóm đã gạch bỏ những chi tiết không xác minh được, mỗi chỗ gạch có ghi nguyên tắc số mấy bị vi phạm; danh sách phần được giữ lại để đưa vào bài thuyết trình.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'): Giáo viên phát bản in của máy và bản in tư liệu chính thức, nêu rõ yêu cầu: viết nguyên tắc cho chính mình, mỗi nguyên tắc phải nói được một việc cụ thể mình sẽ làm hoặc không làm, không viết chung chung kiểu phải cẩn thận.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Mỗi em viết bộ ba nguyên tắc, sau đó cả nhóm gộp lại thành bộ nguyên tắc chung và dùng nó soi bản in. Giáo viên gọi mở bằng một câu hỏi cho bức tranh minh hoạ: nếu chiếc áo trong tranh không giống bất cứ hình nào trong tư liệu thì đưa lên bài thuyết trình có được không, và người xem sẽ hiểu nhầm điều gì.

3. Báo cáo, thảo luận (6'): Ba nhóm đọc bộ nguyên tắc chung và chỉ ra chi tiết mình đã gạch bỏ kèm lí do. Lớp so các bộ nguyên tắc, giữ lại những điều được nhiều nhóm nhắc tới nhất để dán lên bảng dùng chung cho cả chủ đề.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Máy vẽ được một chiếc áo rất đẹp mà chưa chắc dân tộc nào mặc chiếc áo ấy. Sản phẩm truyền thông nói về một cộng đồng thì phải giữ đúng cái có thật của cộng đồng đó, nên nguyên tắc các em vừa viết sẽ theo suốt tới bài thuyết trình tiết sau.

TIẾT 51. TÔN TRỌNG SỰ KHÁC BIỆT GIỮA CÁC NỀN VĂN HOÁ

Kết nối hai tiết (3'): Tiết trước lớp đã có tư liệu đáng tin về một nền văn hoá. Tiết này dùng chính tư liệu ấy để trả lời một câu hỏi lớn hơn: vì sao phải tôn trọng những nền văn hoá khác mình.

Nhiệm vụ 2.7. Xây dựng và trình bày bài thuyết trình về tôn trọng khác biệt văn hoá (42')

a) Mục tiêu: Thể hiện được sự hứng thú, ham hiểu biết khi khám phá các nền văn hoá khác nhau và trình bày được bài thuyết trình về thái độ tôn trọng sự khác biệt giữa các nền văn hoá.

b) Nội dung: Theo hoạt động 6 ở sách giáo khoa trang 46, mỗi nhóm chia sẻ sự hứng thú của bản thân rồi xây dựng bài thuyết trình theo năm ý gợi ý: những đặc điểm thể hiện sự khác biệt giữa các nền văn hoá, nguồn gốc của sự khác biệt, ý nghĩa của sự đa dạng và khác biệt văn hoá, tầm quan trọng của việc tôn trọng sự khác biệt, các hành vi và việc làm thể hiện thái độ tôn trọng. Bài viết vào bảng D1 mục D Phụ lục 1; phần tư liệu chỉ lấy từ những chi tiết đã qua được bộ nguyên tắc mà lớp dựng ở tiết trước.

c) Sản phẩm: Bài thuyết trình của nhóm dài khoảng bốn phút, đủ năm ý, có ít nhất hai dẫn chứng lấy từ tư liệu chính thức; kèm một phần liên hệ với sự đa dạng văn hoá của các dân tộc Việt Nam.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5'): Giáo viên viết năm ý lên bảng, nhắc lại bộ nguyên tắc dán trên bảng từ tiết trước và quy ước mỗi dẫn chứng phải ghi được lấy từ đâu; phát giấy A3 để các nhóm dựng khung bài thuyết trình.

2. Thực hiện nhiệm vụ (20'): Các nhóm xây dựng bài và phân người trình bày. Giáo viên đi từng nhóm, tập trung vào ý thứ hai và thứ ba vì đây là hai ý khó, gợi mở bằng câu hỏi vì sao hai vùng đất khác nhau lại sinh ra hai cách sống khác nhau.

3. Báo cáo, thảo luận (12'): Bốn nhóm trình bày, mỗi nhóm khoảng ba phút. Lớp nghe và ghi lại một hành vi tôn trọng khác biệt mà mình sẽ thực hiện được ngay ở trường.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Sự khác biệt giữa các nền văn hoá bắt nguồn từ điều kiện sống và lịch sử riêng của mỗi cộng đồng, nên không có nền văn hoá nào cao hơn nền văn hoá nào. Tôn trọng khác biệt thể hiện ở việc tìm hiểu trước khi nhận xét.

TIẾT 52. CÁCH QUẢN LÝ DỰ ÁN HOẠT ĐỘNG TÌNH NGUYỆN NHÂN ĐẠO

Kết nối hai tiết (3'): Phần văn hoá tạm khép lại. Từ tiết này lớp bước vào sản phẩm lớn nhất của chủ đề là một dự án tình nguyện nhân đạo, và việc đầu tiên là học cách quản lý nó.

Nhiệm vụ 2.8. Dựng sơ đồ sáu biện pháp quản lý dự án (20')

a) Mục tiêu: Xác định được các biện pháp quản lý dự án hoạt động tình nguyện nhân đạo và chỉ ra được biện pháp nào dùng ở giai đoạn nào của dự án.

b) Nội dung: Từ sáu gợi ý ở sách giáo khoa trang 44 và trang 45 gồm xác định mục tiêu và các công việc cần hoàn thành cùng nguồn lực cần thiết, lập kế hoạch cụ thể và chi tiết, phân bổ nguồn lực và phân công công việc, cập nhật thông tin về tiến độ và điều phối hướng dẫn các thành viên, kiểm tra giám sát để bảo đảm tiến độ và mục tiêu, kiểm soát việc sử dụng các nguồn lực, các nhóm dựng sơ đồ và xếp sáu biện pháp vào ba giai đoạn là trước, trong và sau khi chạy dự án.

c) Sản phẩm: Sơ đồ sáu biện pháp quản lý dự án của nhóm, chia theo ba giai đoạn; mỗi biện pháp kèm một câu trả lời cho câu hỏi nếu bỏ qua biện pháp này thì dự án hỏng ở đâu.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2'): Giáo viên đọc sáu biện pháp ở trang 44 và trang 45, kẻ ba giai đoạn lên bảng và phát giấy A3 cho các nhóm.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Các nhóm xếp biện pháp vào giai đoạn và trả lời câu hỏi kèm theo. Giáo viên gợi ý bằng một ví dụ: nếu không ai kiểm soát nguồn lực thì chuyện gì xảy ra với số tiền và hiện vật quyên góp được.

3. Báo cáo, thảo luận (5'): Ba nhóm trình bày sơ đồ. Lớp tranh luận về biện pháp cập nhật tiến độ: nên xếp vào giai đoạn trong hay giai đoạn sau.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Quản lí dự án không phải là việc của riêng nhóm trưởng. Sáu biện pháp trên sơ đồ đều cần người phụ trách cụ thể, và khâu kiểm soát nguồn lực là khâu không được phép bỏ.

Nhiệm vụ 2.9. Chọn dự án và phân tích kế hoạch mẫu (22')

a) Mục tiêu: Lựa chọn được một dự án hoạt động tình nguyện nhân đạo phù hợp và nêu được bảy nội dung cần có của một kế hoạch dự án.

b) Nội dung: Theo hoạt động 8 ở sách giáo khoa trang 47, mỗi nhóm chọn một dự án trong bốn tên gợi ý gồm Áo ấm tặng trẻ em vùng cao, Ngày hội sách quê em, Nhịp cầu yêu thương, Vàng trắng cho em, hoặc tự đặt tên dự án của mình; sau đó phân tích bản kế hoạch mẫu ở trang 48 để rút ra bảy nội dung cần có.

c) Sản phẩm: Phiếu phân tích kế hoạch mẫu của nhóm, liệt kê đủ bảy nội dung kèm ví dụ tương ứng trong bản mẫu; và tên dự án nhóm mình chọn kèm một câu nêu lí do chọn.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'): Giáo viên phát bản in kế hoạch mẫu ở trang 48 và nêu bốn tên dự án gợi ý, cho các nhóm bốc thăm hoặc tự chọn.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Các nhóm đọc bản mẫu, đánh số bảy nội dung ngay trên bản in và ghi ví dụ tương ứng. Giáo viên nhắc chú ý hai mục hay bị bỏ sót là tiến độ công việc và phân công trách nhiệm.

3. Báo cáo, thảo luận (6'): Ba nhóm trình bày phiếu phân tích và tên dự án đã chọn. Lớp góp ý về tính khả thi: dự án này trường mình có làm được trong một tháng không.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Bản mẫu trong sách viết cho một dự án lớn của cả Đoàn trường. Nhóm các em có thể làm nhỏ hơn nhiều, nhưng vẫn phải đủ bảy nội dung thì mới gọi là một kế hoạch.

TIẾT 53. LẬP KẾ HOẠCH DỰ ÁN TÌNH NGUYỆN NHÂN ĐẠO

Kết nối hai tiết (3'): Nhóm đã chọn được dự án và đã đọc kĩ bản mẫu. Tiết này biến những điều ấy thành một bản kế hoạch của chính nhóm mình, đủ để trình và chạy thật.

KẾ HOẠCH DỰ ÁN ÁO ẤM TẶNG TRẺ EM VÙNG CAO

Bối cảnh và sự cần thiết của dự án:

Cuộc sống của trẻ em vùng cao còn nhiều khó khăn, điều kiện thời tiết khắc nghiệt đặc biệt là trong mùa đông. Những chiếc áo ấm, phần quà sẽ góp phần giúp các em vượt qua những khó khăn trong học tập và cuộc sống.

Mục tiêu của dự án:

- Nhằm chia sẻ với trẻ em nghèo ở vùng cao.
- Động viên, khích lệ các em có thêm động lực để vượt qua khó khăn trong cuộc sống.
- Phát huy tinh thần tương thân tương ái, khơi dậy sự đoàn kết gắn bó, tình yêu thương đất nước, con người trong mỗi học sinh.

Đối tượng hưởng lợi của dự án:

Trẻ em có hoàn cảnh khó khăn và học sinh nghèo vượt khó trong học tập ở các điểm trường thuộc xã X, huyện Y, tỉnh B.

Nội dung của dự án:

- Phát động quyên góp, vận động ủng hộ: Quần, áo, trang phục cũ, mới.
- Tiếp nhận, phân loại, đóng gói thành 500 suất quà.
- Chuyển quà cho trẻ em và học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

Tiến độ công việc:

- Thời gian phát động quyên góp và tiếp nhận ủng hộ là 1 tháng, từ ngày ... đến hết ngày ...
- Thời gian phân loại, đóng gói thành 500 suất quà từ ngày ... đến hết ngày ...
- Thời gian đi trao quà, dự kiến: 2 ngày đầu của tháng.

Phân công trách nhiệm:

- Thành lập ban chỉ đạo gồm: Bí thư Đoàn trường – Trưởng ban chỉ đạo; Phó bí thư Đoàn trường – Phó ban chỉ đạo; Bí thư các Chi đoàn – Ủy viên.
- Bí thư các Chi đoàn là đầu mối tiếp nhận sự ủng hộ từ các cá nhân.
- Phó bí thư Đoàn trường kiểm tra, giám sát và hướng dẫn các thành viên nhằm đảm bảo tiến độ và mục tiêu của dự án.
- Bí thư Đoàn trường kiểm soát việc sử dụng các nguồn lực của dự án đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả, đúng mục đích.

Dự kiến kết quả đạt được của dự án:

- Tặng 500 suất quà cho trẻ em và học sinh có hoàn cảnh khó khăn.
- Ý thức tiết kiệm, bảo vệ môi trường, tinh thần đoàn kết, sẵn sàng chia sẻ giúp đỡ cộng đồng của học sinh được nâng cao.

Kế hoạch mẫu dự án “Áo ấm tặng trẻ em vùng cao” với bảy nội dung — SGK trang 48

Nhiệm vụ 2.10. Hoàn thiện bản kế hoạch dự án của nhóm (42')

a) Mục tiêu: Lập được kế hoạch dự án hoạt động tình nguyện nhân đạo đủ bảy nội dung và chia sẻ được cách quản lý dự án của nhóm.

b) Nội dung: Học sinh dùng bản kế hoạch mẫu ở sách giáo khoa trang 48 làm khuôn, thay nội dung bằng dự án nhóm mình đã chọn và điền vào bảng mẫu ở mục D Phụ lục 1. Bảy nội dung gồm bối cảnh và sự cần thiết của dự án, mục tiêu, đối tượng hưởng lợi, nội dung dự án, tiến độ công việc, phân công trách nhiệm và dự kiến kết quả đạt được. Phần phân công phải gắn với sáu biện pháp quản lý đã dựng ở tiết 52.

c) Sản phẩm: Bản kế hoạch dự án của nhóm đủ bảy nội dung, có phân công cho từng thành viên, có mốc thời gian cụ thể và ít nhất một kết quả dự kiến đếm được.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5'): Giáo viên chiếu bản kế hoạch mẫu ở trang 48 lên tivi, chỉ ra bảy nội dung và nhấn mạnh hai chỗ để viết chung chung là đối tượng hưởng lợi và dự kiến kết quả.

2. Thực hiện nhiệm vụ (20'): Các nhóm điền bảng ở mục D Phụ lục 1. Giáo viên đi từng nhóm, kiểm tra điều: mỗi thành viên đã có việc riêng chưa, mốc thời gian đã cụ thể chưa, và ai là người kiểm soát nguồn lực.

3. Báo cáo, thảo luận (12'): Ba nhóm trình bày kế hoạch. Các nhóm còn lại đóng vai người duyệt, hỏi ba câu: đối tượng hưởng lợi là ai và nhóm liên hệ qua đâu, ai giữ và ghi nhận phần quyền góp, làm xong thì nhìn vào đâu để biết là đạt.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Một dự án tình nguyện chỉ chạy được khi có người chịu trách nhiệm cho từng khâu và có sổ ghi nhận công khai. Bản mẫu trong sách ghi rõ ai kiểm tra giám sát và ai kiểm soát nguồn lực chính là vì lý do đó.

TIẾT 54. SOẠN LỜI MỜI VÀ LỜI CẢM ƠN CHO DỰ ÁN

Kết nối hai tiết (3'): Kế hoạch đã có, nhưng dự án chỉ chạy được khi mời được người cùng làm. Tiết này lớp soạn hai văn bản ngắn mà nhóm nào cũng cần: một lời mời và một lời cảm ơn.

Nhiệm vụ 2.11. Chọn và phân công công cụ số cho dự án của nhóm (20')

a) Mục tiêu: Chọn được công cụ số cho từng khâu của dự án tình nguyện, phân công rõ ai giữ công cụ nào và giải trình được vì sao nhóm chọn công cụ đó; soạn được nội dung lời mời gửi qua kênh đã chọn.

b) Nội dung: Nhóm lập trên giấy bảng phân công công cụ số cho ba khâu của dự án: bảng kế hoạch dùng chung để cả nhóm cùng nhìn thấy tiến độ, biểu mẫu ghi nhận đóng góp để vào sổ từng phần quyền góp, và kênh liên lạc để mời người tham gia. Với mỗi khâu, nhóm ghi công cụ chọn dùng, người giữ và cập nhật, người kiểm lại, cùng một dòng giải trình vì sao chọn công cụ ấy mà không chọn cách khác. Sau đó nhóm soạn nội dung lời mời gửi tới một lớp khác trong trường qua kênh vừa chọn, nêu rõ tên dự án, việc cần hỗ trợ, thời gian, địa điểm và cách liên hệ, rồi tự rà theo bốn chuẩn mực là xưng hô đúng vai, nói đủ thông tin, không nêu tên người nhận hỗ trợ kèm hoàn cảnh riêng và không hứa điều chưa chắc làm được. Học sinh viết trên giấy, giáo viên là người gõ và gửi bản đã duyệt qua nhóm liên lạc của trường trên máy tính của lớp.

c) Sản phẩm: Bảng phân công công cụ số của nhóm ở mục C2 Phụ lục 1 gồm ba khâu, mỗi khâu đủ bốn ô là công cụ, người giữ, người kiểm lại và lý do chọn; kèm bản nội dung lời mời dài khoảng tám dòng đã rà bốn chuẩn mực.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2'): Giáo viên kẻ mẫu bảng phân công bốn ô lên bảng lớp, nêu bốn chuẩn mực của lời mời và nói rõ trường mình chỉ có một máy tính nên giáo viên là người gõ và gửi, còn việc chọn công cụ và giữ sổ vẫn là của nhóm.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Các nhóm điền bảng phân công rồi soạn nội dung lời mời và tự rà bốn chuẩn mực. Giáo viên đi từng nhóm, hỏi một câu cho mỗi khâu: nếu bạn giữ sổ nghỉ học một tuần thì ai biết đã nhận được bao nhiêu, và người ngoài nhóm muốn xem thì xem ở đâu.

3. Báo cáo, thảo luận (5'): Ba nhóm trình bày bảng phân công và đọc lời mời. Lớp chất vấn phần lí do chọn công cụ và chỉ ra chuẩn mực nào lời mời còn chưa đạt, đề nghị sửa cụ thể.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Chọn công cụ nào không quan trọng bằng việc chỉ rõ ai giữ và ai kiểm lại. Một cuốn sổ giấy có người ghi đều đặn còn đáng tin hơn một bảng trên máy mà không ai chịu trách nhiệm cập nhật. Lời mời gửi qua kênh nào thì cũng phải trả lời được ba câu của người nhận: mời tôi làm gì, mất bao lâu, liên hệ với ai.

Nhiệm vụ 2.12. Soạn lời cảm ơn và bản ghi nhận công khai (22')

a) Mục tiêu: Soạn được nội dung lời cảm ơn gửi tới đơn vị tiếp nhận và lập được bản ghi nhận công khai phân quyền góp của dự án.

b) Nội dung: Mỗi nhóm soạn nội dung lời cảm ơn gửi tới đơn vị nhận quà và tới những người đã ủng hộ, đồng thời lập bản ghi nhận gồm các cột là ngày, người hoặc lớp ủng hộ, hiện vật hoặc số tiền, người tiếp nhận và chữ kí. Cả hai văn bản đều tự rà theo bốn chuẩn mực ở nhiệm vụ trước.

c) Sản phẩm: Bản nội dung lời cảm ơn của nhóm và bản ghi nhận công khai có đủ năm cột, kèm phiếu tự rà bốn chuẩn mực.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'): Giáo viên kẻ mẫu bản ghi nhận năm cột lên bảng, nhắc lại quy ước an toàn là không nêu tên và hoàn cảnh riêng của người nhận hỗ trợ trong lời cảm ơn.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Các nhóm soạn lời cảm ơn và lập bản ghi nhận. Giáo viên nhắc lời cảm ơn nên nói rõ phần quà đã đến đâu và dùng vào việc gì, đó cũng là một cách công khai.

3. Báo cáo, thảo luận (6'): Ba nhóm đọc lời cảm ơn và trình bày bản ghi nhận. Lớp góp ý cột nào còn thiếu và chỗ nào trong lời cảm ơn có nguy cơ lộ thông tin riêng của người nhận.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Công khai và minh bạch không phải là hình thức mà là cách giữ lòng tin cho những lần sau. Một dự án tình nguyện kết thúc đẹp khi người ủng hộ biết phần đóng góp của mình đã đi tới đâu.

TIẾT 55. Ý NGHĨA CỦA HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI VÀ TỔNG KẾT CHỦ ĐỀ

Kết nối hai tiết (3'): Tám tiết vừa qua lớp đã mở lời, đã tìm hiểu, đã lập kế hoạch và đã soạn lời mời. Tiết cuối nhìn lại xem tất cả những việc ấy để lại điều gì và em sẽ làm gì cho nơi mình sống.

Hoạt động 3. Luyện tập – Đánh giá ý nghĩa của hoạt động xã hội (22')

a) Mục tiêu: Đánh giá được ý nghĩa của các hoạt động xã hội đối với cá nhân, đối với gia đình và đối với cộng đồng nơi mình sống.

b) Nội dung: Theo hoạt động 9 ở sách giáo khoa trang 49, mỗi học sinh tự đánh giá ý nghĩa của các hoạt động xã hội mình đã tham gia, sau đó thảo luận theo ba hướng gợi ý: đối với cá nhân là trưởng thành hơn về mặt xã hội và cuộc sống phong phú có ý nghĩa hơn; đối với gia

đình là giúp các thành viên mở rộng quan hệ và gắn gũi với mọi người trong cộng đồng; đối với xã hội là góp phần gắn kết cộng đồng và giúp xã hội phát triển tốt đẹp hơn.

c) Sản phẩm: Phiếu ba hướng ý nghĩa của mỗi học sinh, mỗi hướng một câu kèm một dẫn chứng lấy từ chính hoạt động em đã tham gia trong chủ đề này.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'): Giáo viên viết ba hướng lên bảng và làm rõ khác biệt: ý nghĩa với cá nhân là thay đổi ở chính em, còn ý nghĩa với xã hội là điều người ngoài cũng nhận ra.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Học sinh viết phiếu cá nhân rồi trao đổi theo cặp. Giáo viên yêu cầu em nào viết ý nghĩa mà không có dẫn chứng thì quay lại tìm trong kế hoạch dự án hoặc bài thuyết trình của nhóm mình.

3. Báo cáo, thảo luận (6'): Sáu học sinh đọc phiếu theo ba hướng, mỗi hướng hai em. Lớp gom thành bảng ý nghĩa chung trên bảng lớp.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Hoạt động xã hội trả lại cho chính người tham gia nhiều hơn họ tưởng. Điều đọng lại rõ nhất thường là sự tự tin khi đứng trước người lạ và thói quen để ý đến người bên cạnh.

Hoạt động 4. Vận dụng – Tham gia hoạt động xây dựng cộng đồng nơi em sống (20')

a) Mục tiêu: Lựa chọn và tham gia được một hoạt động xây dựng cộng đồng nơi mình sinh sống, báo cáo được kết quả và tự đánh giá kết quả trải nghiệm chủ đề.

b) Nội dung: Theo hoạt động 10 ở sách giáo khoa trang 49, mỗi học sinh chọn một hoạt động trong ba gợi ý là vệ sinh đường làng ngõ xóm, tuyên truyền bảo vệ môi trường, hoạt động thể dục thể thao, hoặc một hoạt động khác có ở địa phương; thực hiện trong bốn tuần và báo cáo theo hai nội dung gợi ý là kết quả sản phẩm và cảm xúc kinh nghiệm. Đồng thời hoàn thành phiếu tự đánh giá theo mười hai tiêu chí ở khung đánh giá cuối chủ đề trang 50 với hai mức Đạt hoặc Chưa đạt.

c) Sản phẩm: Kế hoạch việc làm ở địa phương và bản báo cáo ngắn của mỗi học sinh; phiếu tự đánh giá mười hai tiêu chí đã đánh dấu mức đạt được, nộp lại vào tiết sinh hoạt lớp cuối tháng.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'): Giáo viên chiếu mười hai tiêu chí ở trang 50, giải thích từng tiêu chí bằng sản phẩm cụ thể lớp đã làm và nhắc lại quy ước an toàn khi hoạt động ngoài nhà trường.

2. Thực hiện nhiệm vụ (8'): Học sinh chọn hoạt động, ghi kế hoạch ngắn và đánh dấu phiếu tự đánh giá, ghi kèm tên sản phẩm chứng minh cho tiêu chí chọn mức Đạt.

3. Báo cáo, thảo luận (6'): Ba học sinh chia sẻ hoạt động mình chọn và tiêu chí mình chưa đạt. Lớp góp ý cách làm và cách xin phép gia đình, chính quyền địa phương nếu cần.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Chủ đề khép lại ở lớp nhưng dự án và việc làm ở địa phương thì còn chạy tiếp bốn tuần nữa. Bản báo cáo và phiếu tự đánh giá là căn cứ để đánh giá thường xuyên của chủ đề này.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

PHỤ LỤC 1. PHIẾU HỌC TẬP CHỦ ĐỀ 5 – DỪNG XUYỀN SUỐT CHỦ ĐỀ

Họ và tên: Lớp: Nhóm:

A. CÂU HỎI MỞ ĐẦU

1. Trong ba cảnh ở tranh mở đầu chủ đề, cảnh nào khiến em muốn tham gia nhất? Vì sao?
2. Em đã từng tham gia hoạt động nào vì cộng đồng? Em làm phần việc gì trong hoạt động đó?
3. Khi phải bắt chuyện với một người lạ, điều gì khiến em ngại nhất?

B. PHIẾU KIẾN THỨC CHỦ ĐỀ 5

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ / số liệu minh họa	Rút ra điều gì?
Gợi ý cách ghi →	Ghi ý chính trong SGK, 1–2 câu ngắn.	Nêu một ví dụ, số liệu hoặc trường hợp minh họa.	Viết một câu kết luận hoặc liên hệ.
1. Chủ động, tự tin và sẵn sàng giúp đỡ cộng đồng			
2. Hoạt động đoàn kết dân tộc, hoà bình, hữu nghị			
3. Khám phá và tôn trọng sự khác biệt văn hoá			
4. Kế hoạch và quản lí dự án tình nguyện nhân đạo			

C. MINH CHỨNG NĂNG LỰC SỐ – AI

C1. Bộ nguyên tắc của em khi dùng máy làm sản phẩm truyền thông

Nhóm em sắp làm một sản phẩm giới thiệu về một nền văn hoá cho người khác xem. Thầy cô đã in sẵn phần do máy tạo ra gồm một đoạn giới thiệu kèm ba con số và một tranh minh hoạ trang phục. Trước khi lấy bất cứ phần nào trong đó, em tự đặt cho mình ba nguyên tắc. Mỗi nguyên tắc phải nói được một việc cụ thể em sẽ làm hoặc không làm.

Nguyên tắc 1:

.....

Nguyên tắc 2:

.....

Nguyên tắc 3:

.....

Soi bản in bằng chính ba nguyên tắc trên, ghi lại phần nhóm em quyết định bỏ:

Chi tiết máy tạo ra (câu, con số hoặc hình)	Tra trong tư liệu chính thức thấy gì?	Vi phạm nguyên tắc số mấy?	Giữ hay bỏ? Vì sao?

C2. Bảng phân công công cụ số cho dự án của nhóm

Dự án của nhóm cần ba khâu dưới đây. Nhóm em chọn dùng công cụ nào cho mỗi khâu, ai giữ và cập nhật, ai kiểm lại? Cột cuối phải nói được vì sao chọn công cụ đó chứ không chọn cách khác.

Khâu của dự án	Công cụ nhóm chọn	Ai giữ và cập nhật – ai kiểm lại	Vì sao chọn công cụ này?
Bảng kế hoạch dùng chung (cả nhóm nhìn thấy tiến độ)			
Biểu mẫu ghi nhận đóng góp (vào số từng phần quyền góp)			
Kênh liên lạc để mời người tham gia			

Phiếu tự rà bốn chuẩn mực cho lời mời của nhóm em:

– Xung hô đúng vai với người nhận: đạt hoặc chưa đạt? Phần đã sửa:

.....

– Nói đủ thông tin (việc gì, khi nào, ở đâu, liên hệ ai): Phần đã sửa:

.....

– Không nêu tên người nhận hỗ trợ kèm hoàn cảnh riêng: Phần đã sửa:

.....

– Không hứa điều chưa chắc làm được: Phần đã sửa:

.....

D. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

D1. Năm ý cho bài thuyết trình về tôn trọng sự khác biệt văn hoá

Ý của bài thuyết trình	Nhóm em viết vào đây	Tư liệu lấy từ đâu?
Đặc điểm khác biệt của nền văn hoá đã chọn		
Nguồn gốc của sự khác biệt đó		
Ý nghĩa của sự đa dạng văn hoá		
Vì sao phải tôn trọng sự khác biệt		

Ý của bài thuyết trình	Nhóm em viết vào đây	Tư liệu lấy từ đâu?
Hành vi thể hiện sự tôn trọng		

D2. Kế hoạch dự án hoạt động tình nguyện nhân đạo (làm theo nhóm)

Nội dung của kế hoạch	Nhóm em điền vào đây
Tên dự án	
Bối cảnh và sự cần thiết của dự án	
Mục tiêu của dự án	
Đối tượng hưởng lợi của dự án	
Nội dung của dự án	
Tiến độ công việc	
Phân công trách nhiệm	
Dự kiến kết quả đạt được	

PHỤ LỤC 2. ĐÁP ÁN NGẮN – GIÁO VIÊN NHÌN NHANH

1. Gợi ý đáp án phiếu kiến thức (tham khảo)

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ / số liệu	Rút ra điều gì?
1. Chủ động, tự tin và sẵn sàng giúp đỡ cộng đồng	SGK trang 43 chia biểu hiện thành hai nhóm: biểu hiện của sự chủ động, tự tin thiết lập quan hệ xã hội và biểu hiện của sự sẵn sàng chia sẻ giúp đỡ cộng đồng; kèm hai trường hợp để nhận diện.	Nhóm thứ nhất: mạnh dạn giao tiếp; cởi mở, tôn trọng các đối tượng khác nhau; thiện chí khi làm quen; lắng nghe tích cực; phối hợp lời nói, ánh mắt, cử chỉ; sắp xếp thời gian hợp lí. Nhóm thứ hai: tự nguyện chia sẻ, hỗ trợ người khác; tích cực quyền góp ủng hộ; giúp đỡ mọi người mọi lúc, mọi nơi khi có thể. Trường hợp Tuấn phấn đấu học sinh “3 tốt”; trường hợp Minh và Tiến vận động giúp ông Hạnh.	Cả hai nhóm biểu hiện đều bắt đầu từ việc để ý và dám mở lời trước, khác nhau ở chỗ hướng vào mình hay hướng ra người khác.
2. Hoạt động đoàn kết dân tộc, hoà bình, hữu nghị	SGK trang 44 gợi ý bốn khung hoạt động phù hợp với học sinh trung học phổ thông; trang 47 nêu thêm các nội dung để thiết kế và các hình thức báo cáo.	Khung Truyền thông: tìm hiểu quan hệ hữu nghị, vẽ tranh cổ động, thuyết trình về một thể giới hoà bình, tiểu phẩm tuyên truyền. Khung Nhân đạo, từ thiện: quyền góp giúp trẻ em vùng cao, tình nguyện vì an sinh xã hội, tặng quà người già neo đơn. Khung Giao lưu: tọa đàm, biểu diễn văn nghệ, thể dục thể thao, hội trại. Khung thứ tư Tham quan, dã ngoại trong sách bỏ trống, học sinh tự đề xuất.	Khung để trống là chỗ dành cho hoạt động sát điều kiện của từng trường; đề xuất phải kèm địa điểm và điều kiện an toàn.
3. Khám phá và tôn trọng sự khác biệt văn hoá	SGK trang 45 và trang 46 nêu các nội dung để khám phá một nền văn hoá, các hình thức báo cáo, và năm ý cho bài thuyết trình về tôn trọng sự khác biệt văn hoá.	Nội dung khám phá: phong tục tập quán, lễ hội truyền thống, làn điệu dân ca, trang phục dân tộc, ẩm thực, kiến trúc, hội họa. Năm ý thuyết trình: đặc điểm khác biệt, nguồn gốc khác biệt, ý nghĩa của sự đa dạng, tầm quan trọng	Khác biệt văn hoá bắt nguồn từ điều kiện sống và lịch sử riêng của mỗi cộng đồng, nên tôn trọng khác biệt là tìm hiểu trước khi nhận xét.

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ / số liệu	Rút ra điều gì?
		của việc tôn trọng, hành vi thể hiện tôn trọng.	
4. Kế hoạch và quản lý dự án tình nguyện nhân đạo	SGK trang 44 và trang 45 nêu các biện pháp quản lý dự án; trang 47 nêu bảy nội dung cần có của kế hoạch; trang 48 đưa một bản kế hoạch mẫu đầy đủ.	Bảy nội dung: bối cảnh và sự cần thiết, mục tiêu, đối tượng hưởng lợi, nội dung, tiến độ công việc, phân công trách nhiệm, dự kiến kết quả. Bản mẫu dự án Áo ấm tặng trẻ em vùng cao: đóng gói và trao 500 suất quà, phát động quyên góp trong 1 tháng, đi trao quà dự kiến 2 ngày đầu của tháng, địa bàn là các điểm trường thuộc xã X, huyện Y, tỉnh B.	Dự án chạy được nhờ phân công rõ người cho từng khâu và nhờ khâu kiểm soát nguồn lực công khai, minh bạch.

2. Ghi chú cho phần Năng lực số – AI ở Phụ lục 1

Mục C1 – nguyên tắc học sinh viết ra phải chỉ được một việc cụ thể. Ba nguyên tắc thường gặp và chấp nhận được: chỉ đưa vào sản phẩm những con số tra được trong tư liệu chính thức và ghi rõ tra ở đâu; hình nào do máy vẽ thì ghi chú là hình minh họa do máy tạo, không để người xem tưởng là ảnh chụp thật; không để máy nói thay tiếng nói của cộng đồng mình đang giới thiệu, phần nhận xét về cộng đồng phải là lời của chính nhóm. Nguyên tắc viết kiểu phải cẩn thận, phải trung thực thì yêu cầu viết lại cho cụ thể.

Bản in của máy – ba con số trong đoạn máy viết thường là loại tra không ra trong tư liệu chính thức, bức tranh trang phục thường không khớp hình nào trong tư liệu. Cả hai đều phải bỏ hoặc phải ghi chú rõ nguồn. Phần giữ lại được thường chỉ là những câu mô tả chung mà tư liệu cũng nói như vậy.

Mục C2 – không có đáp án đúng duy nhất cho việc chọn công cụ; điều phải có là cột cuối cùng. Một nhóm chọn sổ giấy vẫn đạt nếu giải trình được rằng cả nhóm gặp nhau hằng ngày ở lớp và có người giữ sổ cố định. Điều bắt buộc là mỗi khâu chỉ rõ một người giữ và một người kiểm lại, không để trống ô nào.

Lời mời – bốn chuẩn mực khi mời người khác: xưng hô đúng vai với người nhận; nói đủ thông tin gồm việc gì, khi nào, ở đâu và liên hệ với ai; không nêu tên người nhận hỗ trợ kèm hoàn cảnh riêng của họ; không hứa điều mình chưa chắc làm được.

Phiếu tự đánh giá phần này (dùng hai mức):

- Viết được ba nguyên tắc, mỗi nguyên tắc chỉ ra một việc cụ thể: Đạt hoặc Chưa đạt.
- Dùng nguyên tắc của mình chỉ ra được ít nhất một chi tiết phải bỏ khỏi bản in: Đạt hoặc Chưa đạt.
- Điền đủ ba khâu của bảng phân công, mỗi khâu có người giữ và người kiểm lại: Đạt hoặc Chưa đạt.
- Giải trình được vì sao nhóm chọn công cụ đó: Đạt hoặc Chưa đạt.

– Soạn được lời mời đủ thông tin và rà đúng bốn chuẩn mực: Đạt hoặc Chưa đạt.

3. Lỗi thường gặp và gợi mở

Lỗi 1 – học sinh viết nguyên tắc chung chung như phải trung thực, phải cẩn thận rồi soi bản in không bỏ được chi tiết nào. Gợi mở: hỏi lại nguyên tắc ấy bảo em làm gì với con số thứ hai trong đoạn máy viết, từ đó cho sửa nguyên tắc thành một việc cụ thể.

Lỗi 2 – nhóm bỏ trống hoặc viết qua loa khung Tham quan, đã ngoại vì sách không cho sẵn nội dung. Gợi mở: nhắc đây là phần dành cho các em, hỏi ở địa phương có di tích, bảo tàng hay làng nghề nào đi được trong một buổi.

Lỗi 3 – kế hoạch dự án viết đối tượng hưởng lợi chung chung như người nghèo, trẻ em khó khăn. Gợi mở: hỏi nhóm định liên hệ qua ai, đơn vị nào tiếp nhận và bao nhiêu người sẽ nhận được.

Lỗi 4 – lời mời hoặc lời cảm ơn nêu tên và hoàn cảnh riêng của người nhận hỗ trợ để thuyết phục người đọc. Gợi mở: nhắc quy ước an toàn, cho viết lại theo hướng nói về việc cần làm chứ không kể về con người cụ thể.

Lỗi 5 – bảng phân công công cụ số điền tên công cụ nhưng bỏ trống cột người giữ hoặc cột lí do, nên không ai chịu trách nhiệm ghi nhận phần quyên góp. Gợi mở: yêu cầu chỉ đích danh người giữ và người kiểm lại cho từng khâu, và hỏi nếu người giữ nghỉ một tuần thì cả nhóm tra ở đâu.

4. Bảng tiêu chí đánh giá

Tiêu chí	Đạt tốt	Đạt	Chưa đạt
Kiến thức, quy trình	Đúng và đủ ý; giải thích hoặc thao tác có dẫn chứng.	Đúng các ý hoặc bước chính.	Sai hoặc thiếu ý, bước cốt lõi.
Sản phẩm và dữ liệu	Rõ ràng, kiểm tra lại được nguồn; có nêu giới hạn và sai số.	Có sản phẩm và dẫn chứng cơ bản.	Chung chung, thiếu dẫn chứng hoặc đơn vị.
Năng lực số và AI (Phụ lục 3)	Nguyên tắc cụ thể và dùng được để loại bỏ chi tiết chưa xác minh; bảng phân công đủ người giữ, người kiểm lại và lí do chọn.	Viết được nguyên tắc và điền được bảng phân công ở mức cơ bản.	Nguyên tắc chung chung không dùng được, hoặc bảng phân công bỏ trống người chịu trách nhiệm.
Hợp tác, an toàn	Đúng vai, đúng giờ; công khai nguồn lực và giữ kín thông tin riêng của người nhận hỗ trợ.	Hoàn thành nhiệm vụ cơ bản.	Thiếu phối hợp hoặc để lộ thông tin riêng của người khác.

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 2026
GIÁO VIÊN (Ký và ghi rõ họ tên)